

Văn hữu

MẤY NÉT

VỀ

VĂN HỌC

MIỀN NAM

VĂN HIẾN HÀ TIÊN VÀ THƠ CHIÊU-ANH
CÁC — **ĐÔNG HỒ** ✱ HƯƠNG SẮC
MIỀN NAM — **NGUYỄN THÀNH CUNG**
✱ HAI NHÀ THƠ PHỤ NỮ MIỀN NAM —
PHẠM CÔNG ✱ THEO DẤU BÙI HỮU
NGHĨA — **THÁI VĂN KIỂM** ✱ TÔN
THỌ TƯỜNG CÓ KHÓC PHAN VĂN TRỊ
KHÔNG ? — **THÁI BẠCH** ✱ BẠCH MAI
THI XA — **THÁI BẠCH** ✱ NHỮNG
ĐIỂM DỊ ĐỒNG TRONG CÁCH XUNG HỘ
ĐẠI DANH TỬ GIỮA NGUYỄN DU VÀ
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU — **NGUYỄN**
VĂN XUÂN ✱ ĐẸP — **LAI SINH** ✱ CỎ
KÍNH — **BÙI GIÁNG** ✱ NGƯỜI TRỞ
VỀ — **PHƯƠNG ĐÌNH** ✱ MƠ CHIỂU
XUÂN — **CÔ TUYẾT HƯƠNG** ✱ MÀU
CỎ THẮNG GIÊNG — **TƯỜNG LINH**

TIẾNG HỒ CẦM

của **TÔ KIỀU NGÂN**

V ă n H ữ u

DO VĂN HÓA VỤ ÁN HÀNH

Tòa soạn và Trị sự : 15 đại lộ Lê Lợi, Saigon

Đ. T. : 25.002

Giám đốc : NGUYỄN DUY MIỀN

Ban biên tập : VÕ PHIẾN — SĨ TRUNG

THƯỢNG SỸ — TRẦN VĂN LONG

Với sự cộng tác của Quý Bạn :

Phần đặc biệt (Văn học miền Nam)

ĐÔNG HỒ

THÁI VĂN KIỀM

NGUYỄN THÀNH CUNG

PHẠM CÔNG

THÁI BẠCH

NGUYỄN VĂN XUÂN

Phần sáng tác

LAI SINH

TÔ KIỀU NGÂN

BÙI GIẢNG

TƯỜNG LINH

PHƯƠNG ĐÌNH

CÓ TUYẾT HƯƠNG

Phần tin tức

và tài liệu : SĨ TRUNG — VÕ PHIẾN — HOÀNG LAN

VỊ VŨ ..

Phần ấn loát do :

Nhà in NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG

38, Phạm-ngũ-Lão — Đ.T. Saigon 315

Bài vở thư từ gửi cho : HÀ SĨ-TRUNG

Tiền bạc bưu phiếu gửi cho : NGUYỄN CỬU VINH

MỤC LỤC

— <i>Bạn đọc viết</i>	VĂN HỮU	trang 3
— <i>Quan điểm về Văn học miền Nam</i>	—	5

PHẦN THỨ NHẤT (đặc biệt về Văn học miền Nam)

— <i>Văn hiến Hà-Tiên và Thơ Chiêu-Anh Các</i>	ĐÔNG HỒ	9
— <i>Bạch Mai Thi Xã</i>	THÁI BẠCH	32
— <i>Theo dấu Bùi-hữu-Nghĩa (1807-1872)</i>	THÁI VĂN KIỂM	35
— <i>Một bài thơ ít người biết của cụ Thủ khoa Huân</i>	THÁI BẠCH	53
— <i>Hương sắc miền Nam</i>	NGUYỄN THÀNH CUNG	55
— <i>Hai nhà thơ phụ nữ miền Nam</i>	PHẠM CÔNG	68
— <i>Nguyễn Du và Nguyễn đình Chiểu hay là cách xưng hô đại danh từ trong truyện Kiều và Lục Vân Tiên</i>	NGUYỄN VĂN XUÂN	74
— <i>Tôn Thọ Tường có khóc Phan văn Trị không ?</i>	THÁI BẠCH	92

PHẦN THỨ HAI (Sáng tác văn nghệ)

— <i>Đẹp (truyện dã sử)</i>	LAI SINH	97
— <i>Mơ chiều xuân (thơ)</i>	CÓ TUYẾT HƯƠNG	118
— <i>Tiếng hồ eầm (Kịch)</i>	TÔ KIỀU NGÂN	119
— <i>Cổ kính (thơ)</i>	BÙI GIÁNG	130
— <i>Người trở về (truyện ngắn)</i>	PHƯƠNG ĐÌNH	131
— <i>Màu cỏ tháng Giêng (thơ)</i>	TƯỜNG LINH	143

PHẦN THỨ BA (tín tức và tài liệu)

Gió Đông... Gió Tây... — Những giả thuyết ly kỳ của Jean Ros — Tand: Con người trên trái đất sẽ ra sao ? (trang 161) — Đọc tác phẩm « Hà Nội ngày nay » của Người Thăng Long (trang 164) — Hộp thư tòa soạn (trang 165).

Bạn đọc viết

« Giản dị hóa phần một, tăng cường phần hai ».—...

« Dù mới được làm quen với Văn Hữu trong vài số sau này, song tôi đã nặng cảm tình với Văn Hữu. Tôi mong mỗi quý báo sẽ đi đúng mãi với tôn chỉ mà quý ông đã chủ trương và được « sống lâu ». Để ló điểm thêm màu sắc Văn Hữu, tôi xin đề nghị : — Phần đặc biệt hơi nhiều và nặng nề cần phải rút ngắn lại để thêm bài vở cho phần II (sáng tác).

— Phần hai, tuy không thiếu các mục, nhưng lượng ít quá không đủ thỏa mãn độc giả thích thưởng thức văn nghệ tổng quát. Vì vậy, quý ông nên tăng cường thêm phần này với nhiều bài vở chọn lọc.

— Phần thứ ba, cũng quá ít ỏi về tin tức và tài liệu văn hóa ngoài nước ; nên tăng cường thêm... »

Ông PHẠM-ĐĂNG-TÂM — 73 Phan-chu-Trinh — Đà-Nẵng.

« Phát hành một số đặc biệt về Phụ-Nữ »... « Ngoài ra, tôi không dám đi sâu vào phần chuyên môn của quý báo, song để tỏ thiện chí góp một ít sáng kiến vào một tạp chí đứng đắn, đáng yêu của riêng tôi và đa số độc giả, tôi xin đề nghị : Sau 9, số Văn Hữu, đề cập đến nhiều đề tài thiết thực bổ ích để mở rộng kiến thức bạn đọc như : điện ảnh, ca kịch, mê tín dị đoan, thanh niên cao bồi, nghệ thuật và luân lý v.v... Thật là ích lợi. Giữa cao trào giải phóng con người phụ nữ, hiện nay, thiết tưởng Văn Hữu cũng nên phát hành một số đặc biệt về Phụ Nữ Việt-Nam nói riêng và QUỐC TẾ nói chung để góp phần xây dựng cao trào bằng hình thức văn nghệ. Trong những bài khảo luận đặc biệt ấy, quý báo sẽ đề cập đến nhiều khía cạnh thiết thực như : địa vị xã hội, thiên chức làm mẹ, vai trò quyết định gia đình, tu dưỡng đạo đức, thủ tiết của người phụ nữ v.v... Là một nữ độc giả, tôi xin hân hoan chào đón số đặc biệt ấy và thành thật hoan nghênh thiện chí xây dựng của quý báo Văn Hữu... »

Có THÁI-MỘNG-LÀNH — Tuy-Hòa — Phú-Yên

« Thêm những bài khảo luận văn học ».— ... « Chủ trương của Văn Hữu nhằm vào việc khai mở óc suy luận của độc giả và đối tượng của quý báo là thành phần học sinh, theo như lời phi lộ của quý báo ở số ra mắt. Vì thế nên, tôi mạo muội viết thư này đến quý báo đề nghị thêm những bài khảo luận văn học vào phần II để giúp ích cho học sinh tham khảo những tài liệu liên hệ đến sự học vấn của mình. Được như vậy, Văn Hữu có thể được hoàn mỹ hơn nhiều... »

Cậu LÂM-NHẬT — học sinh — Huế.

« Thêm mục điểm sách và phê bình sách ».—... Văn Hữu là một cơ quan văn hóa có nhiều thẩm quyền trong vấn đề phê phán nhận xét tác phẩm để nâng đỡ các bạn văn nghệ sĩ. Hiện nay số tác phẩm xuất bản hằng tháng khá nhiều nhưng ít thấy các tạp chí đề cập đến để giúp độc giả thêm tài liệu nhận xét về một quyển sách vừa mua được. Vì tin tưởng ở thiện chí và tinh thần vô tư của quý báo, tôi đề nghị Văn Hữu mở thêm mục điểm hay phê bình sách nữa để thêm màu sắc tươi trẻ hào hứng cho một tạp chí mà độc giả xa gần đặt nhiều tin yêu... »

Ông TẠ-VĂN-MỸ — Saigon

« Vấn đề tham khảo có vẽ phiến diện ».— ... « Chúng tôi rất tán thành chủ trương, đường lối của Văn Hữu. Phần thích nhất của chúng tôi là phần I (đặc biệt). Như trong số 8 (đặc biệt về Điện ảnh) và số 9 (con người Cộng-sản). Song le, các vấn đề tham khảo ấy có vẽ phiến diện, căn bản nhiều hơn là đi sâu vào chi tiết đề phần ấy có tác dụng sâu rộng, mạnh mẽ hơn ; vả lại như vậy phần đặc biệt của Văn Hữu cũng được nhẹ hơn — Nếu quý tòa soạn không chê là nông nổi, chúng tôi xin đề nghị quý báo, chi tiết hóa phần thứ nhất, gồm nhiều bài nhỏ, ngắn với lối biên khảo thông thường đừng quá cao sâu, khó hiểu — Trong số 9, chúng tôi thích nhất bài « Tại sao Cộng Sản bành trướng?... »

Ông TÔ-VĂN-ĐÔNG — Ấp nhì — Phú Thọ Hòa

Quan điểm

Trong quá khứ, thành tích văn học của miền Nam nước Việt-Nam so với của miền Bắc thật là ít ỏi. Đó là điều dĩ nhiên, bởi vì miền Nam mới được khám phá sau này. Khi người ta đến một miền đất mới, thoạt tiên phải lo làm ăn để, sau đó mới nghĩ tới chuyện học hành, ngâm vịnh.

Dù ít, nhưng trong một trăm năm nay đã có những tác giả và tác phẩm nổi tiếng khắp nước. Bảo rằng miền Nam không hề có quá khứ văn học chẳng qua là một lời nói liều lĩnh thốt ra trong lúc vội vàng.

Ngày nay thì Saigon đã là trung tâm văn hóa của nước Việt-Nam tự do. Một số đông văn nghệ sĩ miền Bắc đã cùng với phong trào di cư chọn miền Nam làm đất hoạt động. Rồi đây cảnh sinh hoạt ở đây, phong tục tập quán ở đây, phong cảnh núi sông ở đây, tính tình cốt cách người ở đây sẽ không khỏi có những ảnh hưởng quan trọng đến các sáng tác phẩm nghệ thuật sẽ ra đời ở đây. Và lại, nếu cuộc qua phân đất nước còn kéo dài, dần dà trong lớp văn nghệ sĩ mới các tác giả người

miền Nam chắc chắn sẽ càng ngày càng đông hơn các tác gia người miền Bắc. Tương lai văn học của nước Việt-Nam tự do là ở miền Nam.

Bởi vậy nghiên cứu tìm tòi những đặc điểm của văn học miền Nam tưởng không phải là điều vô ích lúc này. Công việc ấy là một công việc lớn lao, không phải có thể làm được ngay trong một số báo. Ở đây, một số văn hữu, từng lưu tâm đến văn học miền Nam, chỉ góp lại mỗi người một nhận xét, một kết quả suy tìm nhỏ nhất, hy vọng vấn đề sẽ được nhiều người chú ý và chờ đợi những công trình khảo luận quan trọng hơn.

VĂN HỮU

Phần thứ nhất

*Phần thứ nhất (văn học miền Nam) của Văn Hưu số 10 này được
được hoàn thành nhờ sự cộng tác biên soạn của quý bạn : Đồng Hồ —
Thái văn Kiềm — Nguyễn Thành Cung — Nguyễn văn Xuân — Phạm
Cống và Thái Bạch,*

ĐÔNG HỒ

Văn hiện Hà-Tiên và thơ Chiêu-Anh các

NHÌN thấy đề tài và lên tác giả, các bạn tất đã nghĩ ngay rằng : Đông-Hồ mà kể chuyện Hà-tiên thì cũng như mình kể chuyện nhà mình.

Các bạn không biết có sẵn sàng tin tưởng nghe hay không, chớ riêng tôi, mỗi khi kể chuyện Hà-tiên, đất quê quán của mình, lòng cứ thấy dần do e ngại.

Ngại rằng, khi nghe mình kể chuyện nhà mình thì người nghe hoặc sẽ cho rằng mình có ít nhiều thiên kiến chủ quan trong đó.

Nhưng rồi nghĩ lại, nếu mà có thiên kiến chủ quan, thì đó cũng chưa phải là điều đáng trách. Vì xưa nay, ai đã trách chi người quý quê hương xứ sở, ai đã trách chi người thiết tha với nơi chốn nhau cất rún bao giờ, dấu cho lòng thương yêu đó có thiên vị nữa.

Hưởng chi, Hà-tiên nào phải của ai. Là của tôi, là của bạn, là của dân tộc Việt-nam, là của tất cả chúng ta.

Nhưng vì các bạn ở xa, có điều chưa biết rõ, mà tôi là người thân cận trong nhà, có những điều được biết rõ tường hơn, đem kể lại cho bà con nghe mà thôi,

PHONG CẢNH

Trước khi nghe chuyện lịch sử Hà-tiên, chuyện văn hiến Hà-tiên, tôi muốn đưa các bạn đi nhìn khái quát phong cảnh Hà-tiên một chút.

Có một nữ sĩ, người Hà-tiên, nói một câu như thế này :

« Đất nước Hà tiên, quê hương của mình sao mà có nhiều duyên dáng đáng yêu quá. Biển rừng hồ núi bao bọc quanh đây, như chiếc nôi êm ái của đứa hài nhi ».

Câu nói đó do người sinh trưởng ở Hà-tiên nói ra, không biết có chủ quan không. Các bạn, ai đã có từng khắc khoải bồi hồi vì nỗi tha hương cố lý, băn khoăn thương nhớ chốn quê cũ làng xưa, nghe câu nói đó, nếu là câu nói chủ quan, các bạn tất cũng cho là một câu nói chủ quan khả ái. Muốn đem so sánh với những danh lam thắng tích, muốn đem so sánh với những danh sơn đại xuyên, thì phong cảnh Hà-tiên thực hầy còn thua kém nhiều nơi.

Nhưng mà Hà-tiên dễ yêu, dễ cảm nhiều người, vì ở đó núi rừng không cao rậm lắm, đến cho người ngắm hăi hùng, biển hồ không sâu rộng lắm, đến cho người nhìn kinh sợ. Ở đó như một cảnh giả sơn thân mật, trong hoa viên vừa đủ để cho tâm ngoạn thưởng.

Ở đó, kỳ thú thay, như gồm hầu đủ hết.

Có một ít hang sâu động hiểm của Lạng-sơn. Có một ít ngọn đá chơi vơi giữa biển của Hạ-long. Có một ít núi vôi của Ninh-bình. Có một ít thạch thất sơn môn của Hương tích. Có một ít Tây hồ, một ít Hương giang. Có một ít chùa chiền của Bắc-ninh, lăng tẩm của Thuận-hóa. Có một ít Đổ sơn, Cửa Tùng. Có một ít Nha-trang Long-hải.

Không có một cảnh nào to lớn đầy đủ, chỉ nhỏ nhắn xinh xinh, mà cảnh nào cũng có. Phân tích được điều đó, rồi mới biết. vì sao, ai đến chơi Hà-tiên, thoạt nhìn, không thấy có cảnh nào đặc sắc, mà sao lòng cứ như lựu luyến dễ say lòng.

LỊCH SỬ

Hà-tiên, thực sự, xưa nay được nhắc đến luôn, không phải vì Hà-tiên có nhiều phong cảnh đẹp. Phong cảnh đẹp đối với người du khách là những cảnh qua đường, ngắm qua một bên, nhìn qua một lần, rồi thì, cũng như cảnh hành vân lưu thủy. Đã là mây bay nước chảy, thì còn có cảm tình gì lắng đọng lại cho lòng người tưởng nhớ. Hà-tiên, ai làm sao mà quên được. Nó là điểm cuối của dãy non sông gấm vóc Việt-Nam. Sách đã chẳng chép, người đã chẳng thường nói câu này :

« Từ Nam-quan đến Hà-tiên »

Nói « từ Nam quan đến Cà-mau » là nói theo ngày nay. Chớ ngày xưa Cà-mau không phải là địa điểm chánh. Đó là huyện Long-xuyên thuộc địa hạt Hà-tiên. Nói cách khác, ngày xưa, Hà-tiên trùm cả mũi Cà-mau trong đó.

« *Gấm vóc non sông một dãy liền* »

« *Từ Nam quan suốt đến Hà-tiên* »

Câu thơ xưa đã cho ta bằng chứng.

Cái gì bắt đầu, và cái gì ở cuối, thường cho người dễ nhắc và cho người dễ nhớ. Trong gia đình cậu Cả và cô Út thường dễ được cha mẹ cưng hơn. Hà-tiên là đứa con gái Út của bà mẹ Việt-Nam này đó.

Hướng chi, điểm cuối Hà-tiên, lại không phải là một điểm cuối vô tình, không phải một điểm cuối ngẫu nhiên mà có, mà nó là điểm cuối an bài trong lịch sử. Nó là điểm hoàn thành giai đoạn chót cuộc Nam tiến tráng kỳ của nòi giống Việt.

Cuối thế kỷ XVII, dân tộc Việt-Nam, trên đường Nam tiến dừng lại trên tả ngạn sông Sau, tức là sông Hậu giang. Ngừng lại, không phải vì đường trường mệt mỏi, ngừng lại, không phải vì giải sông Hậu, nước sâu sóng cả, mà không dám vượt qua,

Ngừng lại, vì bên kia sông, một cuộc đất phì nhiêu đã có tay người khai phá sẵn, đem dâng, để cho cuộc Nam tiến của nòi giống Việt hoàn thành sớm hơn nửa phần thế kỷ.

Dân tộc Việt nương theo địa thế đã theo chiều dọc từ Bắc xuống Nam. Rồi lại theo chiều ngang, từ miền Đông sang miền Tây, nghĩa là từ bờ biển Nam-Hải tràn qua bờ biển vịnh Xiêm-la. Đến Hậu giang, thì lại gặp đám người từ bờ biển Vịnh Xiêm-la, từ miền Tây, tràn lại.

Hai đám lưu dân gặp nhau như vậy, đáng lẽ là xung đột với nhau dữ lắm. Nhưng mà một duyên cách lịch sử đã khiến cho cuộc gặp gỡ đó thành một cuộc hòa hài. Hai đảng sát nhập vào nhau, dung hòa cùng nhau, rồi hỗn hợp với nhau làm một. Hai đợt sóng người đó hỗn hợp nhau, lan tràn ra, chiếm cứ một vùng đồng bằng lưu vực miền Tây sông Sau, làm thành đám người Hậu giang truyền thống còn đến ngày nay. Chứng cứ đánh dấu cho cuộc hỗn hợp hai nhóm lưu dân đó là ngày nay, ta hãy còn nhận thấy nếp sống hai miền : Tiền giang trở về đông, và Hậu giang trở về tây, khác nhau rõ rệt.

Miền Tiền giang trở về đông, thì còn giữ được gần thuần túy nếp sống cổ hữu của người Đảng Trong, mà miền Hậu giang trở về Tây, thì đã bị nếp sống của người lưu dân Trung-hoa chi phối.

Mọi sinh hoạt xã hội, mọi phong tục dân gian như tết nhất, hội hè cưới gả, cúng kiếng hãy còn giữ theo Trung-hoa nhiều lắm. Ngày nay, ai có đến Hà-tiên Rạch-giá, Châu-dốc, Sóc-trăng Bạc-liêu Cà-mau, bên kia sông Hậu giang, sẽ nhận thấy từ cách ăn thói ở cho đến ngôn ngữ giao tế ở đó hãy còn rớt lại màu sắc dân tộc Tàu không ít.

Nó có một nét khác biệt với những vùng từ Vĩnh-long Sa-đéc, Cao-lãnh, bên này sông Hậu-giang, trở về lưu vực sông Đồng nai.

Sự dung hòa tốt đẹp, của dân tộc đó hãy còn nhiều yếu tố lịch sử, nhiều ảnh hưởng địa lý, nhiều quyền lợi sinh sống. Nó đã có tính cách khảo cứu rồi. Thôi chúng ta hãy lướt qua đi cho vui câu chuyện.

Các bạn sẽ hỏi, đám người từ bờ biển vịnh Xiêm-la miền tây tràn qua miền đông đó là những người dân nào.

Đó là những người lưu dân di cư từ Trung-quốc kéo sang, hồi hậu bán thế kỷ XVII. Đám người đó là những di thần nhà Minh, vì phản đối chế độ Mãn-thanh, lần lượt kéo nhau vượt biển, qua miền Nam-hải. Họ kéo sang nhiều đợt lắm, tùy từng thời kỳ, và tùy từng nhóm phản kháng nhà Thanh bị thất bại rồi xuất bôn. Tôi không kể những đợt vào lưu trú ở Cửa Hàn, ở Qui-nhơn, ở Biên-hòa, ở Mỹ-tho, do đám Trần-Thượng-Xuyên, Trần-An-Bình, Hoàng-Tiến, Dương-Ngạn-Địch cầm đầu.

Ở đây, tôi nói đợt người vào bờ biển Vịnh Xiêm-la, đến Hà-tiên mà lãnh tụ là một tay giang hồ hảo hán, một tay thiếu niên hào kiệt đất Lôi-châu. (Lôi-châu, thuộc Quảng-dông, chỗ doi đất chấm xuống đảo Hải-nam).

Nhân vật đó chính là Mạc-Cửu mà các bạn đã đọc thấy thường trong sách sử. Cũng không phải vụt chốc mà họ Mạc chiếm cứ được một địa bàn to rộng gần một phần ba lãnh thổ miền nam này.

Khai sơn phá thạch là công nghiệp của người cha, tên là Mạc-Cửu. Rồi, dõng theo chính sách tâm thực, con là Mạc-Thiên-Tích thăm dạm kinh doanh, tiếp tục việc khẩn hoang, lập ấp, cho thành một thổ địa canh nông trù mật, khai thị chiêu thương, cho thành một hải cảng thương mại phồn vinh. Điều này, thôi, chúng ta cũng lướt qua đi, chuyện kinh tế hãy để dành lúc khác.

VĂN HIẾN

Nếu họ Mạc ở Hà-tiên, chỉ có một việc khai cương thác địa qui dân lập ấp, hoặc chỉ có một việc đào hào đắp lũy đánh giặc bình thành thì cũng chưa đủ cho bọn văn hóa chúng ta lấy làm thú vị.

Điểm đặc sắc của họ Mạc ở Hà-tiên là bên sự nghiệp võ công, hãy còn một sự nghiệp văn hiến. Ở đây tôi không dùng tiếng *Văn hóa* mà dùng tiếng *văn hiến* là có ý nói lại cho đúng với danh từ thuở đó. Cái mà nay gọi *văn hóa văn minh*, thì ngày xưa gọi nó là *văn hiến văn vật*.

Dùng tiếng văn hiến ở đây, lại còn có một dụng ý là Hà-tiên ngày xưa, trong sách vở còn có tên gọi là *Văn hiến quốc*. Đã có câu thơ :

« *Từ phú tằng hoa Văn hiến quốc* »

« *Văn chương cao ngất Trúc bằng thành* »

Khởi thủy việc mở mang nền văn hiến đất Hà-tiên, chúng ta nên đánh dấu từ năm Bình thìn (1736). Nghĩa là sau khi đám người lưu dân đặt chân lên đất Hà-tiên độ hơn 30 năm.

Năm đó là năm Mạc-Thiên-Tích sáng lập hội tao đàn, và kiến tạo Chiêu-anh các. Chiêu-anh các như tên gọi, là nơi chiêu tập những bậc anh tuấn anh tài trong thiên hạ. Nhưng thực, không chỉ có một việc chiêu hiền hạ sĩ kết nạp hiền lương tài tuấn đó mà thôi. Chiêu-anh các khi đó, lập nên có ba công dụng : Thứ nhất, đó là một tao đàn thi xã, làm nơi xướng họa ngâm đề, đồng thời cũng là nơi giảng đàm thao lược. Nói theo tiểu thuyết giang hồ kiếm hiệp thì, đó là một sảnh đường tụ tập những bậc tài danh nho nhã, kết nạp những tay tuấn kiệt anh hào để đàm văn luận võ.

Chắc nó cũng như các Câu lạc bộ của xã hội ta ngày nay đây chứ gì.

Thứ hai, Chiêu-anh các còn là một Văn miếu, để thờ ông Thánh vạn thế sư biểu Khổng phu tử, tứ phối và thập nhị hiền, y như các Văn miếu mà chúng ta thường biết.

Thứ ba, Chiêu-anh các còn là một nhà nghĩa học. Nghĩa học là một trường học dạy học trò không lấy học phí, dạy làm nghĩa. Ngày xưa gọi là nghĩa học. Gần đây gọi là nghĩa thực, như Khánh-Ứng nghĩa thực ở Nhật-bản, Đông-kinh nghĩa thực ở Hà-nội, hồi 50 năm trước.

Nghĩa học Chiêu-anh các ở Hà-tiên tổ chức cũng hoàn bị lắm. Tuyển trạch lấy những thanh niên tuần tú trong nước đem về truyền thụ lễ nghĩa thi thư. Trong Chiêu-anh các, có đủ cả phòng ốc hiên viện cho những nho sinh các nơi xa về lưu trú.

Chúng ta đọc Lê sử thấy vua Thánh-Tông đời Hồng-Đức, có lập tao đàn là một tổ chức văn học rất hoàn bị. Cách tổ chức Chiêu-anh các của họ Mạc ở Hà-tiên, cũng gần y như vậy.

Nhân vật tao đàn Hồng-Đức, có « Nhị thập bát tú ». Chiêu-anh các Hà-tiên có một số người nhiều hơn. Có sách chép 32, nhưng có sách chép 36. Số 36 vị này gọi là tam thập lục kiệt. Tam thập lục kiệt là 36 vị Kiệt sĩ, mà trong số đó, có thập bát anh là 18 vị anh hoa xuất chúng. Thập bát anh, tức là phân nửa của số tam thập lục kiệt.

Có câu thơ ca tụng thập bát anh rằng :

« Tài hoa lâm lập trừ Phương thành »

« Nam bắc hàm văn thập bát anh »

Nghĩa là tài hoa ở Phương thành đông đúc, xan xát như rừng, mà Nam quốc, Bắc quốc đều xưng tụng thập bát anh hơn hết. Danh sách tam thập lục kiệt của Chiêu-anh các, các sử thư đều có ghi chép đầy đủ, tánh danh tự hiệu quê quán.

Danh tánh, thì lược đi ; xin miễn xướng ra ở đây. Duy có một điều này cần biết. Là những vị trong Chiêu-anh các đó thuộc về quốc tịch nào.

Chỉ có sáu vị quốc tịch Việt-nam mà thôi. Còn 30 vị kia, một số là người Minh hương, và một số nữa là người Trung-hoa chính quốc.

Trong số đó, có những người ở tại Hà-tiên, có những người ở Thuận, Quảng, Gia-định (gọi theo thời đó, Thuận-hóa Quảng-nam là Kinh đô của Chúa Nguyễn), có những người ở tận Trung-hoa, phần nhiều là người hai tỉnh Quảng-đông, Phúc-kiến. Từ xa, nghe thanh danh Chiêu-anh các cảm mến phong lưu tài vận đất Hà-tiên mà kéo đến.

Nhóm Chiêu anh các này đã làm được công việc gì, và đã có thành tích gì. Một số người đồng đảo như vậy, tất phải làm được nhiều việc lắm, Nhưng ở đây chúng ta chỉ xét về một việc trừ thuật biên soạn mà thôi. Theo các sử liệu thì nhóm Chiêu-anh các đã làm được 6 bộ sách, trong số đó có 3 tập thi.

Phần lớn đã thất lạc mất mát đi rồi, chưa tìm thấy lại.

Nay thì còn lưu truyền trọn vẹn một tập thơ « Hà tiên thập vịnh » bằng Hán thi, và một tập *Hà tiên ngâm khúc* bằng thơ Nôm.

HÀ - TIÊN THẬP CẢNH

Trước khi nghe thơ Hà-tiên thập vịnh, các bạn nên biết rõ Hà-tiên thập cảnh. Cần biết rõ Hà-tiên thập cảnh. Vì cảnh là đề tài của vịnh. Vậy, Hà-tiên thập cảnh là 10 cảnh thắng nào đâu ?

Mười cảnh này ở chung quanh Trấn-ly-Phương thành, hiện hãy còn gần đủ cả. Nếu lấy chợ Hà-tiên làm trung tâm thì 10 cảnh này ở trong phạm vi đường bán kính độ 10 cây số trở lại, 10 cảnh này là do vị minh chủ Chiêu-anh các Mạc-Thiên-Tích chọn lấy mệnh đề. Mười cảnh này họ Mạc xếp đặt có thứ đệ thượng hạ phân minh, từ cảnh thứ nhất đến cảnh thứ mười, đều có một dụng ý.

Là 10 cảnh mà 2 cảnh đối nhau, thành 5 cảnh một :

I

— *Kim dư lan đào* đóng đôi với *Bình san điệp thủy*

II

— *Tiểu tự thần chung* đóng đôi với *Giang thành dạ cổ*

III

— *Thạch động thôn vân* đóng đôi với *Châu nam lạc lộ*

VI

— *Đông hồ ẩn nguyệt* động đôi với *Nam phổ trường bà*

V

— *Lộ trĩ thôn cư* động đôi với *Lư Khê ngư bặc*

Các bạn thấy cứ 2 cảnh đối nhau thành một cặp, là 2 cảnh đó, cùng nhau chung một tinh cách, liên quan với nhau.

Chọn và đặt tên 10 đầu bài này, ngoài việc đề vịnh danh thắng ca tụng phong quang, họ Mạc còn có dụng ý nói lên chí khí tâm sự của mình, tuyên truyền uy quyền thế lực của mình, phò trợ trừ phú phồn thịnh của đất nước do tay mình khai thác, mở mang, nghiêm nhiên hùng cứ một triều quốc độc lập ở chốn biên đình.

1.— *Kim dư* và *Bình san* là hai cảnh hải đảo sơn cương, mở đầu giới thiệu địa thế vững vàng như thái sơn bàn thạch.

2.— *Tiểu tự*, và *Giang thành* là hai cảnh kiến trúc qui mô : một biểu thị cho đạo đức ; một biểu thị cho quân sự.

3.— *Thạch động* và *Châu nham* là hai cảnh sơn nham thạch cốn, bí tàng phong phú thiên bảo vật hoa.

4.— *Đông hồ* và *Nam phổ* là hai cảnh hải hồ khoáng hoạt tự nhiên tiêu dao trong vãn thủy yên hà.

5.— *Lộ trĩ* và *Lư Khê* là hai cảnh sinh hoạt thôn trang, nhà đủ người no, nhân dân an cư lạc nghiệp.

Bạn chưa từng đến Hà-tiên, cũng có, bạn đã từng qua chơi Hà-tiên rồi cũng có ; nhưng tôi quyết rằng chưa có ai thực biết rõ 10 cảnh Hà tiên này đâu, Muốn hỏi thì gặp người trả lời sơ lược, muốn biết cũng là biết đại khái qua loa. Có khi còn bị nghe những xuyên tạc lầm lẫn, vì không gặp người hướng dẫn giải thích rành rọt kỹ càng. Tôi không thể đưa các bạn đi du ngoạn tận nơi 10 cảnh đẹp Hà-tiên, vậy ở đây, căn cứ theo chữ nghĩa, giải thích cho các bạn biết rõ ít điểm chánh, ít điều cần. Rồi thừa khi cao hứng gặp lúc thư nhàn, các bạn đi chơi Hà-tiên sẽ khỏi điều bỡ ngỡ, dễ dễ cảm thông cùng phong cảnh.

1. — **KIM DỰ LAN ĐÀO.** — *Kim dự* là hòn đảo vàng. *Lan* là ngăn chặn như cánh cửa khép lại. *Đào* là sóng to. *Kim dự lan đào* là hòn đảo vàng, ngăn chặn sóng to gió cả, ở cửa biển Hà-tiên.

Mạc-thiên-Tích đặt chữ *Kim* ở đây có một dụng ý văn hoa mà tự hào. Bởi sẵn có chữ *kim thành thang trì* là thành vàng ao soi, nói về thành trì kiên cố, hào lũy vững vàng.

Mệnh danh cảnh này, họ Mạc cố ý thị uy đối với Bắc quốc lân bang, lại có ý khoe huân công vĩ nghiệp đối với Nam triều.

« *Thế cả vững vàng trên Bắc hải* »

« *Cóng cao đồ sộ giữa Nam thiên* »

Bắc hải là muốn chỉ nước Tàu, Nam thiên là muốn nói Chúa Nguyễn.

2. — **BÌNH SƠN ĐIỆP THÚY.** — *Bình sơn* là ngọn núi dựng như bức bình phong, *điệp thúy* là lớp lớp từng từng một màu xanh cánh trả. Bốn tiếng « *Bình sơn điệp thúy* » tự nó đã rất nên thơ rồi, như khi chúng ta nghe núi *Ngự bình*, hiên *Lãm thúy*. Mệnh danh cảnh này, họ Mạc có ý đóng đôi với cảnh *Kim dự*, vì *bình* đây còn có nghĩa là *phiên hàn*, *phiên bình* là phen che dậu chống cho một cõi biên thù.

3. — **TIÊU TỰ THẦN CHUNG** — *Tiêu tự* là cảnh chùa vắng vẻ tịch mịch. *Thần chung* là tiếng chuông thỉnh buổi sáng sớm. Nói lên ý cảnh giác những tâm hồn say đắm.

« *Mờ mịt gấm đường say mới tỉnh* »

« *Phù sinh như một giấc chiêm bao* »

Cảnh chùa này nguyên là Mạc-Cửu cất cho mẹ, ở tu hành. Khi bà mẹ tọa hóa thì Mạc-Cửu cho đúc quả đại hồng chung để buổi sớm buổi chiều nghe tiếng chuông mà tưởng niệm đấng từ thân. Là một biểu thị luân lý đạo đức.

4. – GIANG THÀNH DẠ CỎ. – *Giang thành* là thành bảo đồn thủ bên bờ sông. *Dạ cỏ* là tiếng trống cầm canh ban đêm. Nói lên ý lãnh thổ được canh phòng nghiêm ngặt, đề ngăn ngừa những bất trắc xâm lăng.

« *Ác vàng vừa lặn non Tây*
Liều dinh tiếng trống vang đầy sơn xuyên...
Càng khuya càng nhật máy binh
Giao nghe sồn gáy, chuột rình nép hơi »

Là một biểu thị binh cơ quân sự.

5. – THẠCH ĐỘNG THÔN VÂN. – *Thạch động* là động đá, *thôn vân* là nuốt mây. Thi nhân nhìn thấy cảnh mây tuôn khói tỏa bên cửa động mà nghĩ rằng động khẩu hút khói nuốt mây. Hai tiếng *thôn vân* nhân tính hóa đó đã đủ cho chúng ta tưởng tượng, thấy một cửa động đột ngột tranh vanh giữa trời mây lồng lộng.

6. – CHÂU NHAM LẠC LỘ. – *Châu nham* là ngọn núi như châu ngọc. *Lạc lộ* là đám cò trắng bay xuống nghỉ cánh.

Đặt là *Châu nham*, vì trong động đá, thạch nhũ có loài tinh quang sáng chói, soi được vào, lóng lánh như châu ngọc.

Lạc lộ ở đây cũng là một cảnh tượng đặc biệt. Thuở họ Mạc khai thác Hà-tiên, thì ở đây là cảnh ao đầm duyên hải. Trong đầm, có dãy núi Đá dựng, thích nghi cho giống thủy cầm sanh hoạt. Ở miền Hậu giang khoảng bốn năm mươi năm về trước, còn thấy được cảnh sân chim. Sân chim, các sách địa chí viết là điều đình. Đây là nơi qui tụ các loài chim, ăn cá tôm sò ốc. Con trẻ Hà-tiên thường hát chơi :

« *Một con cò xanh nhảy quanh hòn đá*
 « *Chờ nước cạn ăn cá ăn tôm*

*Hai con cò xanh nháy quanh hòn đá
Chờ nước cạn ăn cá ăn tôm
Ba con cò xanh, ván ván... »*

Cứ từ một con cò, hai con cò, cho đến nghìn vạn con cò. Đưa nào đếm được hết số đàn cò đó thì giỏi.

Làm sao mà đếm được. Ở đây có vô số con cò, Hằng hà sa số con cò :

*« Bay về đầm cũ mấy mươi muôn
Đã giăng chữ nhất dài trăm trượng
Lại sắp bàn vây trắng mấy non
Ngày giữa ba xuân ngàn phần vẩy
Đêm trường chín hạ tuyết sương còn
Rơi ngàn rớt phần giữa không
Sương ken đòi cụm tuyết phong khắp hằng »*

Chúng ta hãy tưởng tượng mà thấy một cơn mưa ngàn gió phần, mỗi hoàng hôn, khi đàn bạch lộ qui sào.

7. — ĐÔNG HỒ ÁN NGUYỆT. — Đóng hồ là hồ ở phía đông thành Hà-tiên. Cũng như Tây hồ là hồ ở phía Tây thành Hà-nội. Vì hồ ở phía đông, nên khi trăng mọc thì nhô lên ngay giữa mặt nước gương hồ.

« Thu dạ Đông-hồ tiên đặc nguyệt »

Đêm thu, hồ ở phía đông là nơi chiếm lấy bóng trăng trước nhất. Còn ấn nguyệt, là thi nhân nhìn thấy bóng trăng in xuống mặt hồ, y như chiếc ấn tròn đóng trên mặt tờ giấy bạch.

8. — NAM PHỐ TRỪNG BA. — Nam phố là bãi biển Nam Hà-tiên. Trùng-ba là lặng sóng. Cảnh này cũng là cảnh đặc biệt :

Người mệnh danh đầu bài có ý ghi một nhận xét này : Hồ ở phía đông, tự nhiên được trăng soi đến là phải lắm rồi. Còn ở đây, bãi biển phía Nam sóng nước lặng lẽ là một điều đáng lạ.

Mùa giông nam ở Hà-tiên, từ tháng tư tháng năm, cho đến tháng sáu tháng bảy, suốt mặt biển tây nam đầu đầu cũng có cảnh sóng bạc trùng trùng. Nhưng có một cảnh bãi tục gọi là Bãi Ót, nhờ địa thế nằm nép khuất sau hai mũi núi, sóng gió không lọt vào được. Thành ra dầu là mùa nam, biển động, mà cảnh Bãi này vẫn êm đềm lặng lẽ như mặt nước ao thu.

*« Bãi khởi dưới không hương lạ bủa
Hồ hương trong có gấm thêu rơi »*

9. - LỘC TRĨ THÔN CƯ. - *Lộc trĩ* là Mũi-nai, mỏm núi trông tượng hình như mỏm con hươu con nai. Thôn cư là chốn thôn trại điền trang. Cảnh này họ Mạc muốn nói về vườn ruộng phì nhiêu, mùa màng phong túc. Nhân dân nhờ thiện chính đức giáo mà được an lạc thẳng bình, trong cảnh phong đăng hòa cốc.

10. - LƯ KHÊ NGƯ BẠC. - *Lư Khê* là Rạch vược. Rạch vược là nơi khe rạch có nhiều giống cá vược. Cũng như *Mũi nai*, là tên nôm, dịch thành *Lộc trĩ* tên chữ. Thì ở đây tên nôm *Rạch vược* cũng dịch thành tên chữ *Lư Khê*. *Ngư bạc* là thuyền ngư đồ bến. Nói về sinh hoạt của nhà thuyền chài, cũng như thôn cư là nói về sinh hoạt của nông thôn.

Cảnh *Lư Khê ngư bạc* này, có sách chép một tên nữa là *Lư Khê nhân điếu*. Cũng thì một cảnh *Lư-khê* mà có khi *ngư bạc*, có khi *nhân điếu* là vì sao ? Chúng ta nên phân biệt rõ. Hai tên đó có khác nhau.

Khi khởi xướng mười đầu bài *Hà tiên thập vịnh*, thì Mạc-Thiên-Tích mệnh đề là *Lư Khê ngư bạc*, đề đối với *Lộc*

trĩ thôn cư, đều là cảnh sinh hoạt nghề nghiệp làm lụng của dân chúng. Về sau hơn nữa, họ Mạc vì thích riêng phòng cảnh này có cất ở đó một diều đình để làm chỗ nhàn hạ buông câu, cho nên mới có cảnh *Lư Khê nhàn diều*.

Riêng mỗi một cảnh *Lư Khê nhàn diều* này vẫn chương thành riêng một tập. Tôi sẽ nói đến phần sau.

HÀ - TIÊN THẬP VỊNH

Phần trên khi chúng ta kiểm điểm xong ý nghĩa 10 cảnh Hà-tiên do vị minh chủ Chiêu-Anh các Mạc-Thiên-Tích mệnh đề, thì ở đây, chúng ta đã thấy được phần nào thi tứ của Hà-tiên thập vịnh.

Thơ vịnh 10 cảnh này thì nhiều lắm. Muốn đề cập phần phẩm về giá trị văn chương, phạm vi một bài báo, không làm sao nói hết.

Tôi chỉ xin nói phần lượng mà thôi.

Mạc-Thiên-Tích thủ xướng 10 bài. Mỗi 31 vị trong Chiêu-anh các họa vắn, mỗi vị 10 bài, nhân thành 310 bài. Tổng số xướng họa là 320 bài. Vì số tác giả 31 vị họa vắn này mà có nhiều sách lấy số 31 làm số danh sách nhân vật Chiêu-Anh các. Thực sự thì hãy còn 5 vị nữa có liệt danh trong bảng Chiêu-anh các mà không thấy có thơ họa. 320 bài này gộp lại thành tập, khắc bản ấn hành tại Hà-tiên, mùa hạ năm Định tỵ (1737) Sách này do Mạc-Thiên-Tích đề tự, và 2 vị văn nhân khác đề hai bài跋.

Nghe con số 320 bài thơ, chúng ta chưa tưởng tượng được bao nhiêu. Muốn thấy rõ cụ thể chúng ta cầm lên một tập thơ nào mới xuất bản, như cuốn *Hoa-Đặng*, cuốn *Nhạc đế*, hay cuốn *Mưa gió Sông Tương* chẳng hạn.

Độ trên dưới 50 bài thơ mà thôi, tác giả đã cho in thành một quyển sách đẹp, khá dày. Nếu tập *Hà-tiên thập vịnh* của

Chiêu-Anh các mà đem xuất bản, in theo lối sách đẹp bây giờ thì in thành năm sáu cuốn có thừa.

Về 10 đầu bài này, đến 18 năm sau, khoảng năm 1755, Nguyễn-Cur-Trinh, tác giả sách *Sãi Vãi*, vào Nam, giao thiệp với Họ Mạc Hà-tiên, họa thêm 10 bài nữa.

Có người lấy làm lạ như nhà học giả Lê-Ngọc-Trụ, khi viết về sách *Sãi Vãi*, tìm 10 bài họa của Nguyễn-Cur-Trinh thì không thấy chép trong sách *Hà tiên thập vịnh*. Vì một lẽ mà chúng tôi mới tìm hiểu được là 10 bài họa này không phải làm đồng thời với 10 bài xướng mà làm sau thời kỳ sách trên khắc bản đến 18 năm.

Rồi đến 20 năm sau nữa, năm 1775, Lê-Quý-Đôn theo trong quân Chúa Trịnh vào chiếm đất Thuận-Quảng, có bắt gặp tài liệu về Chiêu-Anh các, mang hết về Bắc hà. Năm 1776, làm sách *Phủ biên tạp lục*, họ Lê có chép đủ cả thơ của Nguyễn-Cur-Trinh vào sách.

Nhờ đó mà ngày nay tìm thêm trong sách *Phủ biên tạp lục* chúng ta mới có tất cả 330 bài *Hà tiên thập vịnh*.

SÁCH MINH BỆT DI NGƯ

Vừa rồi, khi kiểm diêm cảnh Lư-khê ngư bạc, tôi có nói đến Lư-khê nhân diếu.

Lư-khê nhân diếu là một đề tài. Sau thời kỳ khắc bản *Hà tiên thập vịnh*, Mạc-Thiên-Tích đối với cảnh Lư-khê đặc biệt thưởng thức, có dựng ở đó một ngôi diếu đình thừa nhân khiến hứng mượn thủ câu cá đề tiêu dao tuế nguyệt, di dưỡng tâm tình. Với một đề tài này, họ Mạc đã làm nên 32 bài thơ Đường luật, gọi là *Lư-khê nhân diếu tam thập nhị thủ*. Và một bài phú dài hơn 100 câu, gọi là *Lư-khê nhân diếu phú*. Thơ và phú này, khắc bản in thành một tập, riêng tên sách là *Minh bột di ngư thi thảo*,

Bộ sách này rất quý, và chung quanh đây còn nhiều điều phải khảo cứu nữa. Vậy xin phép các bạn cho phép lướt qua để chờ lúc khác.

GIỚI THIỆU ÍT BÀI THƠ

Từ trên, các bạn nghe chuyện văn hiến đất Hà-tiên và nghe kể ra không biết bao nhiêu thi ca từ phú. Tất các bạn cũng muốn biết những thi phẩm đó như thế nào. Đến đây, tôi thấy cần phải giới thiệu ít bài cho cụ thể. Hằng 400 bài thơ. Biết chọn bài nào đây. Vậy xin trích trong mỗi tập, một bài làm tiên biểu, gọi là để các bạn thưởng thức qua vần điệu của thi phái Chiêu-anh các.

Một bài trong tập *Hà-tiên thập vịnh* đề cảnh *Bình-san điệp-thúy* :

*Lung thông thảo mộc tự thiêu nghiêu
Điệp lĩnh bình khai tử thúy kiều
Ván ái tạp quang sơn thế cận
Vũ dư hiệp lệ vật hoa nhiều
Lão đồng thiên địa chung linh cửu
Vinh cộng yên hà chúc vọng điều
Cảm đạo Hà-tiên phong cảnh dị
Lam đồi uất uất thụ tiêu tiêu*

Một bài trong 32 bài ở tập *Minh bột di ngư*, đề cảnh *Lư-kê nhân diêu* :

*Lư-kê phiếm phiếm tịch dương đông
Băng tuyết nhân phao bạch luyện trung
Lân lạp tần lai niêm ngọc nhĩ
Yên ba trường tự khổng thu phong
Sương hoành bạch dịch hồng sơ tề
Thủy tâm kim câu nguyệt tại không
Hải thượng tà đầu thời độc tiểu
Di dân thiên ngoại hữu ngư ông*

Đó là thơ xương và đây là thơ họa. Bài dưới đây là của Nguyễn-Cur-Trinh họa thơ *Kim dự lan đào* mà chép ở sách *Phủ biên tạp lục* :

*Đế nộ dương hầu sát phạm biên
Di tương Kim dự trấn tiền xuyên
Ba niên bất thức trường thành diện
Thủy mãnh phương tri đề trụ quỳnh
Tinh vệ bán tiêu hàm thạch hận
Ly long toàn ấn bảo châu miên
Tri tha diệc thị kinh thiên vật
Kim cồ phao phao độc nhiệm nhiên*

HÀ-TIỀN THẬP CẢNH NGÂM KHÚC

Đọc xong ba bài Hán thi đó, không biết các bạn cảm nghĩ thế nào. Cảm nghĩ của các bạn tất là không giống nhau đâu. Tôi đoán xem thử có đúng hay không.

Nếu là phái lão đại tức nho, đọc những vần cổ thi đúc giọng Đường Tống này, hồn cự mộng trong giây phút bàn hoàn mà nhớ nhung phong vị giấy bản mực tàu.

Nếu là phái thiếu niên tân học, dầu chưa chưa kịp lĩnh hội nghĩa lý, văn chương chỉ thưởng thức thanh âm vần điệu, mà thôi, tất cũng mơ màng những vang bóng một thời xưa, xa lắc xa lơ nào.

Nhưng mà chắc, ai ai cũng sẽ nói thềm một câu này :

— Nó Tàu quá !

Thử đoán cho vui câu chuyện mà thôi, chớ đó không phải là điều đáng nói.

Văn chương Chiêu-Anh các ở Hà-tiên, thuở đó, không biết có « lãng Tiễn-Hán, thất Thịnh-Đường » như văn chương Siêu Quát Tùng Tuy về thế kỷ sau hay không ? Điều này mới đáng cho ta lưu ý.

Đoạn trước, tôi có nói : Nếu họ Mạc ở Hà-tiên chỉ có mỗi một huân nghiệp võ công vĩ đại, mà không đắp bồi vào đó một nền văn hiến hiển trứ xương minh, thì cũng chưa đủ cho bọn văn hóa chúng ta lấy làm thú vị.

Bây giờ tôi muốn nói thêm : Nếu họ Mạc ở Hà-tiên chỉ để lại cho chúng ta 400 bài thơ Hán đó mà thôi, thì thực cũng chưa đủ cho chúng ta lấy làm thú vị, dầu cho văn chương họ có đến bậc « lãng Tiễn-Hán, thất Thịnh-Đường » đi nữa...

Điều đáng cho chúng ta thần phục, đáng cho ta ca tụng từ trước đến nay, và mãi mãi về sau là thi phái Chiêu-anh các Hà-tiên đã để lại cho chúng ta một áng văn chương Nôm giá trị không ít.

Các bạn có ngạc nhiên lắm không ?

Các bạn ngạc nhiên, vì các bạn nghe nói họ Mạc-Cửu mà tôi đã kể lịch sử trên kia, là họ từ Trung-quốc tràn sang. Trong Chiêu-anh các, gần hết là người Tàu chính gốc, mọi sinh hoạt, mọi tổ chức đều rập theo thể thức nền nếp nhà Minh, thì văn chương Chiêu-anh các đúc giọng văn chương Tàu là phải, chớ làm sao lọt vào đó được văn chương tiếng Việt, tiếng Nôm.

Thật là một kỳ thú, thật là một lạ lùng cho tiếng Việt. Tiếng Việt quả có một sức quyến rũ phi thường. Tiếng Việt quả có một khả năng cảm nhiễm những tâm hồn thơ mộng.

Chúng ta đã biết Mạc-Cửu là người chính gốc Tàu. 17 tuổi đã bỏ nước, phiêu lưu. Đến Hà-tiên, mãi đến năm 51 tuổi, mới sinh ra Mạc-Thiên-Tích ở Hà-tiên. Sách không chép rõ bà mẹ Thiên-Tích là người Tàu hay người Việt. Nhưng chúng ta căn cứ trên mộ bia, khi Thiên-Tích lập thạch cho mẹ, đề Thái phu-nhân là họ Nguyễn, thì chúng ta có thể biết được bà mẹ Thiên-Tích là người Việt. Vậy Thiên-Tích là người con lai mới một đời.

Người con lai Tàu đó, đã yêu ngôn ngữ văn chương quê ngoại, chịu khó dụng công học tiếng Việt, làm thơ Nôm, thiệt

là một điều thú vị. Chúng ta nên nhớ điều này. Tập luyện tiếng Việt ngày xưa không phải là vì điều kiện bắt buộc như chúng ta ngày nay. Hơn nữa, ông Tổng binh đại Đô đốc trấn Hà-tiên, vị Minh-chủ Chiêu-anh các thời đó, địa vị tư cách là một ông vua chư hầu, thì có ai bắt buộc, có ai đòi hỏi phải làm thơ văn tiếng Việt làm chi. Bao nhiêu thi phú chữ Hán đã đủ thanh tao phong nhã lắm rồi. Còn làm thơ Nôm làm chi nữa.

Ấy thế mà Mạc-Thiên-Tịch đã làm nên một tập thơ nôm trường thiên, dài hơn 400 câu, vừa song thất lục bát, vừa Đường luật bát cú liên hành.

Nếu không phải nhờ tiếng Việt có sức hấp dẫn cho tâm hồn yêu thơ say đắm, thì còn vị cơ gì được nữa.

Điều này cho chúng ta thêm một nhận xét là hồi thế kỷ thứ XVIII, tiếng Việt đã từ Bắc theo làn sóng Nam tiến của dân tộc tràn đến tận cõi Nam thù, Hà-tiên tuyệt tái.

Điều này tất còn nhiều lý do, nhiều duyên cớ. Chúng ta hãy lướt qua đi, để tôi trình bày cụ thể áng văn chương Nôm của họ Mạc.

Khúc văn Nôm này, các sách chép tay, đề là « Hà-tiên Quốc âm thập vịnh ». Nay tôi xét thấy tập này đề như thế không ổn. Có người gọi là *Hà tiên thập cảnh ca*. Lại cũng không đúng.

Nó là một ngâm khúc, thể song thất lục bát, chia làm 10 đoạn. Mỗi đoạn nói về một cảnh và kết đoạn đó bằng một bài thơ nôm Đường luật. Văn thơ lục bát và văn thơ bài luật thì trên dưới vẫn cần liền nhau, 326 câu song thất lục bát và 88 câu thơ Đường luật, tất cả 414 câu liên hành không gián đoạn. Số câu cũng tương đương với khúc Chinh phụ ngâm (412 câu), và dài hơn khúc Cung oán (356 câu).

Cứ theo thể cách đó thì nên đề nó là *HÀ-TIÊN THẬP CẢNH NGÂM KHÚC* là phải. Đây là lối ngâm khúc cổ, thuộc về thể văn thịnh hành thời cuối Lê.

Có khác một chút là ngâm khúc Hà-tiên này mở đầu bằng câu lục mà không phải bằng câu thất. Và toàn thể câu

thất, không gieo vần ở chữ thứ 5, như thẻ cận kim, mà gieo vần ở chữ thứ 3.

Ví dụ mấy câu mở đầu bài *Kim dự lan đào* :

*Giữa trời một đỉnh cao xây
Sáu ngao ấy giá năm mây là LẦU
Trải ngàn THU con vua ngậm đá
Suy hình hài như thả ngọc phong
Kim-thang đứng sừng giữa dòng
Cổng cao nhạc độc, tuổi đồng niên khôn*

Các bạn thấy vần lâu ở cuối câu bát gieo xuống vần thu thứ 3 của câu thất.

Chinh-phụ ngâm khúc thỉnh thoảng cũng có lối gieo vần này. Ví dụ :

*Chín từng gươm báu trao tay
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất CHINH
Nước thanh BÌNH ba trăm năm cũ
Áo nhung trao quan vũ từ đây*

Bình là vần thứ ba của câu thất.

Còn liên hành với thơ luật là vần cuối câu song thất lục bát đoạn trên, cần với 5 vần bài thơ Luật, rồi vần thơ luật này lại cần với vần đầu Song thất lục bát của đoạn dưới.

Ví dụ đoạn dưới cảnh *Tiểu-tự thán-chung* sang đoạn đầu cảnh *Giang thành dạ cổ*, nối nhau bằng bài thơ luật :

*Đường thiền khéo dắt bóng quanh
Cũng tay tinh trí tu hành rất sâu
Khách tiêu dao sinh tình đối cảnh
Bộ nguyên đề phủ chánh tay cao
Rừng thiền xit xát án ngoài tào
Chuông gió chùa Tiểu tiếng tiếng cao
Chày thổ bạt vang muôn khóm sóng
Oan kinh tan tác mấy cung sao*

*Não phiền kẻ nấu sồi như vạc
 Tri huệ người mài sắc tựa đao
 Mờ mệt gấm đường say mới tỉnh
 Phù sinh trong một giấc chiêm bao
 Hễ là làm khách tiêu dao
 Muốn cùng hưởng ý trải bầu tam thiên*

Phần hình thức thơ cũng đã tạm tạm xong, chúng ta đi vào tinh thần thơ một chút.

« Ngâm khúc Hà-tiên thập cảnh » này, vì lâu ngày, trải bao phen thất lạc, sao đi chép lại nhiều lần, lại có những tiếng cổ bấy giờ nhiều đoạn chưa tìm được nghĩa.

Nhưng đoạn nào hiểu được, nhận ra, đều là ý đẹp lời hay, đủ bóng bẩy đủ thâm trầm, tỏ ra, tác giả cũng là một tay thơ Nôm điêu luyện lắm.

Nay xin tạm dẫn ít câu tiêu biểu cho mỗi cảnh, mỗi tứ thơ của họ Mạc,

Tác giả đã tả cảnh cây xanh lá biếc của dãy Bình san :

*Thọ trời sao khéo đã tình
 Đá giăng lưng hạm cây đoanh khúc rồng
 Lược đông phong chải đầu diệp thúy
 Lúc mưa xuân rơi phủ muôn cảnh
 Rờn rờn trúc lục thông xanh
 Chồi xuân non bện lá quỳnh phơi gié
 Ong vờ ve om sòm cụm liễu
 Bướm dập dìu lẻo đẻo chòm hoa
 Mây liền ba khóm một tòa
 Dưới trên bích mát gần xa xanh gié*

Rồi đây là bốn câu tả tiếng chuông chùa Tiêu tự, có một giọng nhẹ lâng lâng :

*Nỗi buồn vui mặc lòng rộn rã
 Gối chưa êm còn hả sự lòng
 Gió đưa mấy tiếng thần chung
 Lóng tai nghe lọt bèn lòng vơi vơi*

Trái lại, đây là sáu câu tả tiếng trống cầm canh, đêm khuya ở chốn Giang thành, có một giọng nghiêm ngặt chặt chẽ của nhà quân :

*Yên nước nhà phải gài then chốt
Dự phòng khi nhảy nhót binh đao
Đêm hằng canh trống truyền lao
Miễn an đất chúa quân nào thân tôi ...
... Càng khuya càng nhặt máy binh
Giao nghe sồn gáy, chuột rình nép hơi.*

Còn đây nữa là bốn câu tả cảnh Lộc trĩ thôn cư, nhân nhàn vui nghiệp nông trang, có một cảnh tượng hoan lạc thảnh bình :

*Đã say no lại tình nhân nhượng
Vị ở nơi cư thượng hữu khoan
Thảnh thơi cuộc chẳng bừa an
Có dân làm lụng có làng ăn chơi*

Từ trên, là trích dẫn những đoạn thơ song thất lục bát.

Chúng ta nên điếm qua thơ Nôm Đường luật của họ Mạc để xem thơ Hán thì đúc giọng Lý Đỗ mà thơ Nôm có đúc giọng Hàn-Thuyên hay không ? Đây là bài « Đông hồ ẩn nguyệt, » tả cảnh trăng in trên mặt nước hồ :

*Một hồ lỏ lỏ tiết thu quang
Giữa có vầng trăng nổi rõ ràng
Đáy nước chân mây in một sắc
Ả Hằng nàng Tố lộ đôi phương
Rạng thanh đã hừng thuyền Tô-Tử
Lạnh lẽo càng đau kiếng Nhạc-Xương
Cảnh một mà tình người dễ một
Kẻ thì ngả ngớn kẻ sầu thương*

Trong thi văn, tả cảnh một mảnh trăng trên không, in một mảnh trăng dưới nước cũng thường có. Nhưng ở đây, nhân hai mảnh trăng ở hai nơi, liên tưởng đến hai mảnh gương vỡ của

nàng Nhạc xương lúc chia đôi, đề kỷ niệm mỗi tình ly biệt, tương phản với cảnh phiếm cho thỏa thích của chàng Tô-Tử bẻ bạn tao phùng. Cũng thì một cảnh trăng sáng hồ trong, mà một đàng thì hơn hử vui vầy, một đàng thì lẻ loi cô quạnh. Rồi kết luận :

*« Cảnh một mà tình người dễ một
Kẻ thì ngả ngón kẻ sầu thương »*

làm cho tứ mực lời thơ có một dư vị bao la man mác, buồn buồn lạnh lạnh như ánh trăng sương trên mặt nước đêm thu.

Lạ lòng thay và cũng kỳ thú thay ! Cách nay hơn hai thế kỷ, ở góc Hà tiên diêu viễn, đã có một vị tướng quân thi sĩ con cháu Minh-hương, làm được những câu thơ tiếng Việt lọc lõi trau chuốt đến như vậy.

Sắp kết thúc bài văn, không lẽ không có một lời từ tạ. Mà biết tạ từ các bạn gì đây.

Thôi thì xin dẫn thêm mấy câu thơ *Châu nham lạc lộ*, tả cảnh chim tìm về tổ, nói lên ý trung hậu, niềm thủy chung đối với nước cũ non xưa của nhà thơ họ Mạc.

Cũng như tôi hôm nay, nói chuyện quê nhà với các bạn với trông muôn dặm tử phần mà lòng nhớ Hà tiên chi xiết :

*« Quen cây chim thề người quen chốn
Dễ đổi nghìn câu một tấm son. »*

ĐÔNG HỒ

TRÊN đường Saigon-Cholon-Phủ-Lâm, du khách đi qua trường vô bị Cây-Mai, ngừng bước lại thấy nơi đây bây giờ là nơi đào tạo những thanh niên hồ thi của thể hệ hai mươi. Nhưng cách đây vào khoảng một trăm năm, chính đó là nơi nổi tiếng bậc nhất về hào hoa phong nhã của đất nước miền Nam với cái tên là Bạch-Mai thi xã.

Bạch-Mai thi xã lập ra ở đó, vì nơi đây, khi xưa còn ngôi chùa cổ « Mai-Sơn-Tự » và trên ngọn đồi cứ mỗi độ xuân sang, những cây mai trên đó lại nở những bông trắng tỏa ra mùi hương bát ngát để đón khách thừa lương khi nhân du khiển hững, mà thứ bông này là một thứ bông rất hiếm ở miền Nam, cho nên nữ sĩ Sương-Nguyệt-Ánh trong bài thơ vịnh « Bạch Mai » đã cho là một thứ hoa thần, phải nhờ ở cảnh « non linh đất phước » mới sanh ra được.

Người sáng lập ra thi-xã này là ai ?

Chính là nhà thơ Tôn-Thọ-Tường, mà nói đến thân thế cùng sự nghiệp của ông, chúng ta ngày nay cũng không còn lạ nữa.

Xuất thân dòng trâm anh thế phiệt « bốn đời chung đội ơn nuôi dưỡng », với văn tài lỗi lạc, họ Tôn tưởng sẽ vén bước thang mây bằng con đường bút nghiên lều chõng. Nhưng mấy lần ra đi, lại mấy lần trở gót về không ! Thế rồi sau khi bị bắt giải về kinh thọ tội vì ăn tiền đội quyền đi thi cho người khác, họ Tôn lại được vua Tự-Đức thương tình ân xá và cấp cho năm mươi lạng bạc trở về Gia-Định, mới lập ra thi xã này ở trên đồi Cây-Mai, lấy tên là Bạch-Mai thi xã để cùng các bạn văn thơ nhân du và xướng họa.

Bạch-Mai thi-xã ra đời vào khoảng năm 1856-57 lúc ấy sáu tỉnh miền Nam còn đang ở trong một cảnh tri thái bình, nên rất được các sĩ tử ở bốn phương đi lại tụ họp. Trong số những tao nhân mặc khách của Bạch-Mai thi xã có đủ các hạng khoa bảng và sinh đồ như các ông : tẩn sĩ Phan-Hiền-Đạo, thủ khoa Bùi-Hữu-Nghĩa, tú-tài Nguyễn-Đình-Chiều, cử nhân Huỳnh-mẫn-Đạt, v.v... đa số là những văn nhân, thi nhân trứ danh ở Đồng-Nai, Bến Nghé.

Theo tục truyền, Bạch-Mai thi xã cứ mỗi tháng một lần vào

luân trắng sáng có một cuộc hội họp để cùng nhau uống rượu ngâm thơ. Rượu đây không phải của người sáng lập xuất tiền mua, mà cũng không phải là những món tiền góp lại của các ông trong thi-xã, vì Bạch-Mai thi xã lập ra không có điều lệ và cũng không bắt buộc một ai phải đóng một số tiền nào. Vốn là một tay khoáng đạt, nên người sáng lập ra nó chịu mọi phí tổn về chi phí, đãi thọ. Nhưng sau cứ mỗi lần có cuộc họp mặt anh em như vậy thì rượu và đồ ăn đều do các sĩ tử ở khắp nơi đem lại. Mỗi ông đi lại Bạch-Mai thi-xã thường với một tập thơ và luôn cả những thứ thực phẩm của địa phương mình, vì phần nhiều các sĩ tử ở miền Nam khi đó đều là những gia đình khá giả. Các ông thường từ miền Hậu-Giang đi lên bằng ghe mui ống với kẻ hầu người hạ, và mỗi lần đi như vậy trong ghe của các ông có đủ các thứ nào là quà tặng để họp mặt anh em, nào rượu, nào trà, nào các thứ khô biển, nào các thứ thịt rừng. Và mỗi lần họp, các ông trong thi xã chẳng những đã được sảng khoái về tinh thần mà còn được thêm no đủ về vật chất. Có khi ở trên đồi Cây-Mai, các ông ngâm vịnh chán lại xuống ghe thả hồn trên sông nước Đồng-Nai nên đương thời có người đã cho các ông là những chích tiên ở trên đồi Bạch-Mai đi xuống với bầu rượu túi thơ.

Thơ của Bạch-Mai thi xã có rất nhiều, nhưng tiếc thay không in ra để phổ biến, nên qua nhiều cuộc biến cố của thời đại, ngày nay chỉ còn sót lại mấy bài như « Chiêu quân xuất tái » của Tú-Tuyên :

Phong trần trạnh túi phận hồng nhan,
Nhắm mắt đưa chân lúc quá quan.
Tay ngọc gượng nâng dây bán nguyệt,
Gót sen lòn bước dặm trùng san.
Năm canh nhớ Hán sầu vương ngón,
Sáu khắc cảm Hồ lức đốt gan.
Chín bộ những dầu an gối bính,
Ngàn thu tiết gấm tạc bia vàng.

Và sau đây là một bài thơ trào phúng « Vịnh làng Hòa-Khánh » của Cử Thạnh :

Nực cười Hòa-Khánh quá nên hư,
Cha mẹ chẳng nuôi, nuôi Đạo-Tư.
Thịt béo hàng ngày đem cùng tự,

Gái xinh thường bữa đến hầu sư.
 Giồng kinh cứu thế mồm lau tấu,
 Thâu của nhân gian đầy cứng khừ,
 Nghĩ lại mà thương làng xóm ấy.
 Không say lại mắc bệnh lữ đừ.

Bạch-Mai thi xã chưa sống được bao năm thì cái cảnh nhà tan nước mất xảy đến với đồng bào miền Nam. Năm 1860, quân Pháp vào Gia-Định, Bạch-Mai thi xã chết đi không kèn không trống, và nơi tụ họp của các tay thơ thần rượu thánh trên « non linh đất phước trở hoa thần » phải biến thành một một chiến trường đầy rẫy những xương rơi máu đổ. Và sau đó, những ông trong Bạch-Mai thi xã liền chia ra hai khối, một khối là Tôn-Thọ-Tường và Phan-Hiền-Đạo thì ra giúp việc cho chánh phủ « tân trào » còn một khối nữa là các ông Phan-Văn-Trị, Huỳnh-Mân-Đạt, v.v., quyết chống lại, thà chết chứ không chịu đem thân ra làm tay sai cho giặc để sát hại đồng bào.

Trần niềm nhớ cảnh « xưa sao thơ phú ngâm nga, giờ sao tan nát như hoa giữa rừng », Tôn-Thọ-Tường khi ra làm việc cho Pháp, một ngày nọ trở lại thăm xưa, có làm bài thơ vịnh :

Đau đòn cho mai cách mấy đào
 Mười phần trong sạch phận cheo leo.
 Sương in tuyết đóng nhành thơ thót.
 Xuân đến thu về, sãi quạnh hiu :
 Lặng lẽ chuông quen con bóng xế,
 Tò te kèn thời mặt trời chiều.
 Những tay rượu thánh thơ thần cũ,
 Nhìn cảnh bao nhiêu, tiếc bấy nhiêu.

Và một người nữa, cũng có chân trong Bạch-Mai thi xã là Lê-Quang-Chiều, cai tổng ở Cần-Thơ có làm bài họa lại :

Tìm mai mấy độ đã xa đào,
 Xót lẽ thân gần sáng vắn leo.
 Sương tuyết bốn mùa hoa sạch sẽ,
 Gló đông đòi trận sắt đìu hiu.
 Đầy đưa cửa Phật hơi kèn sớm,
 Quạnh quẽ nhành chim xế bóng chiều,
 Thăm tiếc phải còn phong cảnh cũ,
 Văn nhân tài tử biết bao nhiêu !

THÁI VĂN KIỂM

Theo dấu Bùi-hữu-Nghĩa

(1807 — 1872)

MẤY GIÒNG TIỂU SỬ

GẦN tây đô Cần-Thơ (Nam-Việt), tại làng Long-Tuyền (Bình-thủy) khách du lịch có thể viếng thăm nhà thờ họ Bùi. Trên bàn thờ khói hương nghi ngút, còn thấy bài vị sơn son thếp vàng, có ghi rằng Bùi-Quang-Nghĩa, hoặc là Bùi-Hữu-Nghĩa, sinh năm Đinh-mão 1807. Cũng theo bài vị này, Ông đã đỗ thủ khoa kỳ thi hương tại Gia-định năm Ất-mùi 1835.

Nhưng theo bộ sách « Đăng-khoa-lục » thì ông thi đỗ cử nhân năm Minh-Mạng thứ 16, (1836). Sau khi chiếm bảng vàng, Ông được bổ làm tri huyện. Rồi người ta không hiểu vì lẽ gì — mà ngay như sách Đăng-khoa-lục cũng không thấy nói tới — ông đã bị thải hồi và giam cầm tại Vĩnh-Long.

Theo học giả P. Midan, viết trong tập kỷ yếu của Hội Nghiên-cứu Đông-dương xuất bản đầu năm 1934, thì con cháu ông cho rằng sở dĩ ông đã ngộ nạn là vì thái độ cứng rắn của ông đối với cấp trên, lại thêm văn chương lỗi lạc của ông đã làm cho nhiều người ghen ghét.

Lại có truyền khẩu rằng ông đã làm giùm bài thi cho người khác tại trường Gia-định, nên chi ông đã bị cách chức và giam cầm. Trong bài « Văn tế vợ » của ông làm ra khi vợ chết, ông có kể lại ông đã được tha như thế nào.

Vợ ông đã vượt trùng dương từ Gia-định thẳng buồm ra Huế, tìm đến Tam-pháp-Ty để đánh trống kêu oan. Triều-đình Huế được lệnh nhà vua xét lại bản án và nhờ lời nài xin khẩn thiết của bà vợ mà thủ khoa Nghĩa đã được tha.

Tuy nhiên, ông vẫn không được phục chức. Theo « Đăng khoa lục » đề đại công chuộc tội, ông đã phải đứng ra tuyên mộ nghĩa quân để đánh dẹp giặc loạn đang hoành hành ở Nam-Việt. Ông đã lập được nhiều công trạng và được thưởng chức Quản Cơ.

Theo ông Phan-văn-Thiết, viết trong tạp chí Việt-Dân xuất bản trong những tháng 3, 4 và 5 năm 1934, thì hồi đó Bùi-quang-Nghĩa được nhiệm vụ tảo trừ bọn thổ phỉ thường vượt biên giới Miên-Việt qua phá phách miền Tây. Bùi-quang-Nghĩa được giao phó chỉ huy đồn binh Vĩnh-Thông (Châu-đốc).

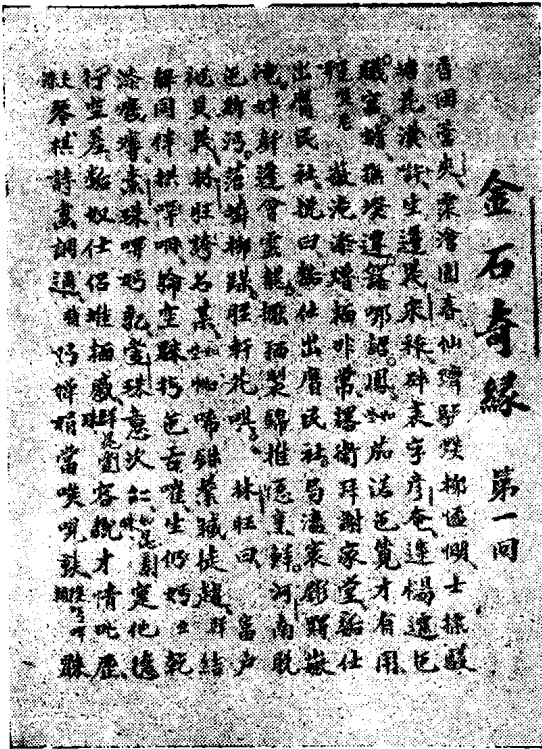
Nhưng thủ khoa Nghĩa, xuất thân khoa hoạn, đã tỏ ra bất mãn vì phải đảm nhiệm một chức vụ thấp kém trong võ biên. Hơn nữa, đồn binh Vĩnh-Thông quá hẻo lánh đã làm cho ông chán nản và do đó ông đã xin từ chức để trở về Long-tuyền ở với con cái.

Tại đây, ông mở trường dạy học, giáo huấn con em, đào tạo sĩ tử và ngâm vịnh với trăng thanh gió mát.

Thỉnh thoảng, ông về Cao-lãnh thăm gia đình bên vợ. Mỗi khi nghe tin ông đến, các vị kỳ hào trong làng đón tiếp ông rất nồng hậu. Ông nói chuyện rất hoạt bát và hấp dẫn, cho nên theo lời con cháu của ông, mỗi khi ông nói chuyện thì kẻ ăn người ở trong nhà, thấy đều đẹp công việc để nghe ông một cách say sưa.

Nhiều người rủ nhau đến xin ông đối liễn, ông không quản khó nhọc múa bút như rồng bay ; và ai nấy cũng lấy làm vinh hạnh và hoan hỉ được một câu đối của thủ khoa Nghĩa.

Chính trong thời kỳ này, vài năm trước khi quân Pháp xâm chiếm nước ta (1858) — ông đã viết bài « *văn tế con gái* » của ông lâm sản mà chết. Và chính cũng trong thời kỳ này mà ông đã viết « *Kim-Thạch Kỳ duyên* ».



*Kim Thạch Kỳ Duyên đệ nhất hồi
(trang đầu)*

Dưới bút hiệu Liễu-Lâm tiên sinh, ông đã làm nhiều bài thơ Đường, theo thể thất ngôn bát cú, đề ca tụng đạo lý Khổng-Mạnh và những lạc thú điền viên.

Khi Tây đến, ông có làm hai bài thơ Đường luật: « Gió Tây » và « Ai khiến Tây đến? » để tỏ nỗi phiền muộn của ông.

Ông Đào-văn-Hội, trong quyển « Danh nhân Nam - Việt », xuất bản năm 1951 tại Saigon, cho biết thêm rằng lúc thiếu thời, ông bầm tính thông minh đỉnhngộ,

nên thân phụ ông là cụ Bùi-Hữu-Vi làm nghề chài lưới đã gọi ông lên Biên-hòa ở trọ nhà một ông hộ trưởng tên là Nguyễn-văn-Lý, người làng Mỹ-khánh, thuộc Tổng Chánh-Mỹ Thượng, để xin thọ giáo với cụ Đỗ Hoành.

Năm Ất-vị (1835) vào tháng 2, ông Nghĩa ra ứng thí Khoa thi hương Gia - định và đã đỗ giải nguyên. Từ đó tiếng tăm ông lừng lẫy. Ông hộ trưởng Lý rất mừng rỡ, làm tiệc khoản đãi vị tân khoa rồi ngỏ ý gả con gái đầu lòng là cô Nguyễn-Thị-Tồn, để mưu cầu hạnh phúc cho đôi trai tài gái sắc.

Nhưng ông thủ khoa Nghĩa xin hẹn một ngày sau, cho đến khi ông được bổ nhậm tri phủ Phước-long, trấn Biên-hòa, ông mới tính chuyện kết tóc xe tơ với cô con gái ông hộ trưởng làng Mỹ-khánh.

Ở Biên-hòa một thời gian, ông Thủ khoa Nghĩa lại được triều đình Huế thuyên chuyển đến trấn nhậm phủ Trà-Vang

(Trà - vinh), tỉnh Vĩnh-long, tòng sự dưới quyền Tổng-đốc Trương - văn-Uyển và bố chánh Truyện.

Tính tình ông Nghĩa rất cương trực. Trong thời làm quan ông không chịu bợ đỡ ai và cũng không tư vị một người nào. Thuở ấy, có một cậu công tử ý thể là em vợ bố chánh Truyện, thường có những cử chỉ xác xược đối với ông. Ông Nghĩa vốn tính chẳng biết sợ ai bèn đánh đòn cậu ta. Vì lẽ đó và cũng vì tính ngay thẳng nên

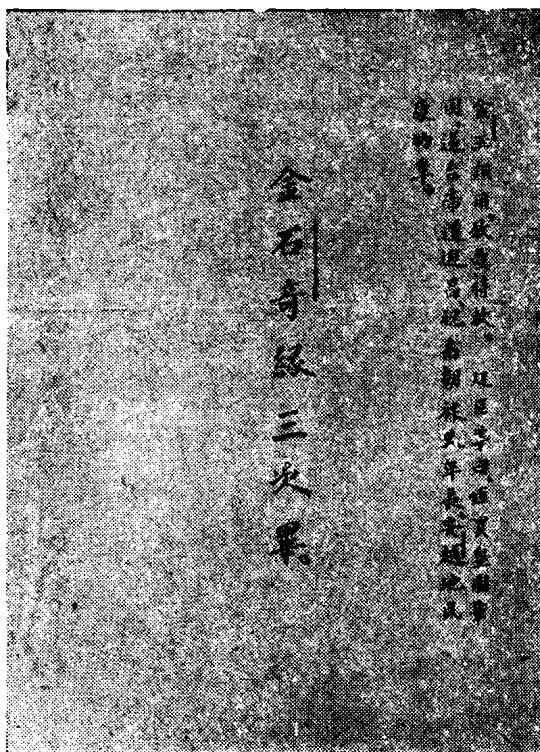
ông Nghĩa bị bọn thượng quan hờn ghét đem lòng hãm hại.

Nguyên là lúc chúa Nguyễn-Ánh bị Tây-Son đuổi, lương thực nhiều lần bị thiếu hụt. Lúc bấy giờ ở Trà-Vang có một số dân Thổ quyền giúp lương thực rất nhiều, lại thêm một số lớn đã tình nguyện tòng quân theo giúp chúa Nguyễn để đánh Tây-Son.

Khi Nguyễn-Ánh tức vị lấy niên hiệu là Gia-Long, ngài nhớ ơn xưa bèn xuống chiếu miễn thuế vĩnh viễn cho dân Thổ để họ tự do khai thác nguồn thủy lợi nơi rạch Láng-Thé.

Sau đó một thời gian có một tên khách trú vận động lo lót với tỉnh Vĩnh-Long để mua được thủy lợi Láng-Thé.

Thấy sự trái phép, Mệ Sóc và các hương mục Thổ kéo nhau đến dinh môn Tri phủ Bùi-hữu-Nghĩa để thưa kiện. Ông Nghĩa xử rằng: « Việc tha thuế thủy lợi rạch Láng-Thé là ơn huệ của vua Thế-Tổ ban cho dân Thổ, nay ai nhỏ hơn vua



Kim Thạch Kỳ Duyên tam thủ tất
(trang cuối)

Thế - Tồ mà đứng bán rạch ấy thì có chém đầu nó cũng không sao ! »

Dân Cao-Miên được lời xử ấy mừng rỡ, bèn phá đập bửa rọ của tên khách trú kia. Hai bên chẳng chịu nhường nhau nên đã xảy ra cuộc huyết chiến, rốt cuộc có bảy tám tên khách trú bị chém chết.

Sau đó nhiều dân Thổ bị bắt. Tổng đốc và Bố chánh Vĩnh-Long bắt luôn thủ khoa Nghĩa gửi về Gia-Định, rồi đệ sớ về Triều, cáo quan huyện về tội lạm phép giết người.

Đứng trước nỗi ức tình ấy, bà thủ khoa bèn một mặt ra Huế thân oan, một mặt nhờ quan Kiệm, em dì của ông Nghĩa lo việc đánh cấp tờ chiếu của triều đình Huế gửi vào Gia-Định kết tội tri phủ Nghĩa và đem dấu di, để bà ta có đủ thì giờ ra Huế minh oan cho chồng.

Thu xếp xong việc nhà, bà thủ khoa Nghĩa xuống Định-Tường, mướn ghe thẳng đường ra Huế. Lúc bấy giờ, cụ Phan-Thanh-Giản đang làm Thượng-thor Bộ-Lại tại Triều.

Đến Huế, Bà thủ khoa Nghĩa tìm ngay tư dinh của cụ Phan đề trình bày nỗi oan ức của chồng, rồi tường thuật các hành vi lộng quyền của các quan tỉnh Vĩnh-Long. Sau cùng bà tỏ ý muốn đến Tam-pháp-tý để kêu oan. Cụ Phan bèn chỉ vẽ đường lối cho bà rồi làm dùm cho bà một tờ trạng tố nỗi oan ức lên nhà vua.

Bà thức rạo rạo đêm, đợi cho gà gáy đầu canh năm, bà bèn đi đến Tam-pháp-tý (Tam Tòa) ở trong kinh thành Huế, và mạnh dạn khua ba hồi trống.

Theo học giả Bửu-Kế, viết trong tạp-chí Bách-khoa xuất bản ngày 1-12-1960, Tam-pháp-tý là một tòa án tối cao, gồm có ba cơ quan hợp lại. Dưới triều Minh-Mạng, Tam-pháp-tý trực thuộc nhà vua. Cơ quan này hoạt động cho đến triều Thành-Thái mới tạm ngưng một thời gian vì lúc đó chiến cuộc giữa Pháp và Việt-Nam vào năm Ất-dậu (1885). Nhưng đến năm Thành-Thái thứ 13 (1901), Tam-pháp-tý được tái lập, cho đến năm Thành-Thái thứ 18 (1906) thì bãi bỏ, rồi tất cả mọi việc đều giao cho Bộ Hình xét xử,

Tam-pháp-ty gồm có nhân viên cao cấp của Bộ Hình, Hồ-sát-Viện và Đại-Lý tự họp lại, không có định kỳ, chỉ có những phiên nhóm bất thường để xét xử những vụ đặc biệt, cần sự can thiệp trực tiếp của nhà vua, nhất là những việc oan ức. Những án chung thẩm đã ban hành, phạm nhân không biết kêu ca vào đâu nữa thì còn biết kêu nơi Tam-pháp-ty mà thôi.

Tại Tam-pháp-ty có đặt một cái trống, những kẻ bị oan hoặc gia nhân đến đánh vào cái trống ấy, gọi là « Kích cổ đăng văn » (đánh trống cho người nghe). Lúc bấy giờ trong thành nội, quan dân không ai được phép đánh trống. Cho nên mỗi khi trong Đại-Nội nghe tiếng trống thì biết ngay có người đang bị oan khuất muốn cầu cứu đến nhà vua để được « đèn trời soi xét ».

Sự kiện này còn được ghi lại trong một câu ca dao mô tả xứ Huế thơ mộng một cách khá đầy đủ :

Thính Thừa-Thiên dân hiền cảnh lịch,
Non xanh nước biếc, điện ngọc đèn rồng,
Tháp bảy tầng, Thánh miếu Chùa Ông.
Chuông khua Diệu-Đế, trống rung Tam-tòa
Cầu Trường-liền sáu nhịp bắc qua,
Tả Thanh-long, Hữu Bạch-hồ,
Đội Khách âu ca thái bình !

Trở lại bà Thủ khoa Nghĩa, vừa rung trống Tam-tòa xong thì đã có một ông Đội chạy đến giữ bà lại, và thâu tờ trạng đem vào cho Trục thần, tức là ông quan Trục trong Nội. Ông này liền đem dâng cho vua xem. Xem xong nhà vua mới giao cho Tam-pháp-ty xét xử và chính nhà vua chung thẩm bản án như sau :

« Tha tội tử hình cho Bùi-hữu-Nghĩa, song phải quản tiền hiệu lực. đái công thực tội. »

Bà Từ-Dũ, mẹ vua Tự-Đức, được tin có người đàn bà trong Nam ra tận Huế, khua trống Tam-tòa, để kêu oan cho chồng, rất lấy làm cảm kích cho người nghĩa phụ đồng hương, bèn cho mời bà thủ Khoa Nghĩa vào, tỏ lời khen ngợi và ban cho một tấm biển có chạm bốn chữ vàng : « Liệt phụ khả gia ».

Cứu được chồng, bà từ giã kinh đô, thẳng đường về Biên-hòa, quê hương của bà rồi ít lâu sau thọ bệnh mà mất.

Khi bà mất, ông thủ khoa Nghĩa đang trấn nhậm ở Châu-Đốc, và phải chờ đến khi ông thủ-khoa về đọc một bài văn tế thống thiết, rồi mới an táng tại làng Tân-Hiệp, tổng Chánh-mỹ-Thượng, trấn Biên-hòa.

Nói về Ông thủ khoa Nghĩa, sau khi được tha tội, ông Nghĩa phải đi làm chức Thủ-ngũ Vĩnh-thông (Châu-đốc), và được giao phó việc tiểu trừ bọn Thổ phiến loạn.

Được ít lâu, ông thấy chán nản vì chức phận không xứng đáng với tài năng của ông, ông bèn xin hồi hưu, trở về quê quán tại Bình-Thủy mở trường dạy học, vui thú điền viên. Ông thủ khoa Nghĩa có cả thảy bảy người con : ba con với bà vợ thứ nhất Nguyễn-thị-Tồn là Bùi-thị-Xiêm, Bùi-hữu-Vàng, Bùi-hữu-Tú ; bốn con với bà vợ kế Lưu-thị-Hoán là : Bùi-thị-Bè, Bùi-hữu-Khánh, Bùi-hữu-Sanh, Bùi-hữu-Út.

Ngày 21 tháng giêng năm Nhâm-thân, là năm Tự-Đức thứ 26 (1872), thủ khoa Bùi-hữu-Nghĩa từ trần, hưởng thọ 66 tuổi.

Ngôi mộ của ông còn ở trong vườn Vĩnh-Lộc của Đốc-phủ Dương-thân-Hỷ, thuộc làng Long-Tuyền, Bình-Thủy, gần tỉnh lỵ Cần-Thơ. Trước mộ, có bi văn do con trai là Bùi-hữu-Tú làm như sau :

« Đại-Nam hiền khảo giải nguyên Bùi-Phủ-Quân chi mộ. Tốt vu nhâm thân niên chánh ngoại năm nhứt nhựt.

Nam Bùi-hữu-Tú kính lập.

(Đây là mộ của bậc hiền khảo giải nguyên Bùi-Phủ-Quân, người Đại-Nam, từ trần năm Nhâm-thân, tháng giêng, ngày hai mươi mốt. Con trai là Bùi-hữu-Tú kính dựng.)

SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG

THỦ-KHOA NGHĨA rất giỏi về thơ văn. Thuở đương thời có câu « Đồng-nai có hõn rồng vàng :

Lộc-họa, Lễ-phủ, Sang-dàn, Nghĩa-thi. »

Câu ca dao này chứng tỏ Ông Nghĩa là một nhà thơ cự phách của miền Nam về giữa thế kỷ 19.

Nhưng Ông Nghĩa được nổi danh nhất là do vở tuồng « Kim-Thạch Kỳ Duyên », một tác phẩm có một giá trị đặc biệt về phương diện văn chương cũng như về nghệ thuật sân khấu.

Sự nghiệp văn chương của ông, ngoài quyền « Kim-thạch Kỳ-duyên » còn có :

— mấy bài văn tế như :

Văn tế vợ ; Văn tế con gái ; Văn vợ Thồ tế chồng Chệt.

— mấy bài thơ nôm như :

Cây vong ; cây bần ; thợ bạc ; kinh quá Hà-âm cảm tác ; câu cá ; Ngủ-Tử-Tư xuy tiêu ; Quan-Công thất thủ ; Bị giam ở Vĩnh-long.

— mấy bài thơ chữ Hán cảm tác lúc trấn nhậm Châu-Đốc, và lúc về hưu ở Bình-Thủy :

— và 2 vở tuồng khác là « Tây-Du » và « Mậu-Tòng ».

Trước tiên, ta hãy nói đến vở tuồng « Kim-Thạch kỳ duyên », rồi sau này sẽ đề cập đến thi phẩm tiên sinh.

Theo chỗ chúng tôi biết, cho đến nay có cả thấy là 3 bản quốc ngữ về vở tuồng « Kim-Thạch kỳ duyên » :

1) — Bản in do Bùi-quang-Nhơn xuất bản và nhà in Claude Cie ấn hành tại Saigon năm 1895.

2) Bản in do Thanh-Phát (Cần-thơ) xuất bản do nhà in Trung-Bắc Tân-Văn ấn hành tại Hà-nội. năm 1919.

3) — Bản in do Hội Nghiên-Cứu Đông-Dương (Société des Etudes Indochinoises) xuất bản tại Saigon năm 1934, trong tập kỷ yếu của hội (Nouvelle série, Tome IX, Nos 1-2, Janvier-Juin 1934). Bản này gồm có phần chữ nôm, phần quốc ngữ do Mai-thọ-Truyền hiệu đính, và phần dịch ra Pháp ngữ với lời chú thích của P. Midan,

« Kim-thạch Kỳ-duyên » là vở tuồng mà nhân dân Bắc-Việt và Trung-Việt rất ít biết đến. Đây là một tác phẩm nổi danh vào bậc nhất nhì trong các tác phẩm do sĩ phu miền Nam trước tác vào giữa thế kỷ 19. Truyện đó cũng được viết một cách rất công phu như Lục-vân-Tiên, một pho truyện có thể gọi là kiệt tác và phổ thông nhất của miền Nam. Song le, truyện Kim-thạch Kỳ-duyên không phải là một truyện bình dân. Người ta truyền rằng tuồng ấy đã được diễn một lần ở Chợ-lớn, nhân cơ hội có một vị quan to của triều đình Huế đi kinh lý miền Nam. Thẻ tài hành văn của truyện có vẻ bí truyền, nhưng ta nhận thấy tác giả đã rất cố gắng và kiên nhẫn chải chuốt lời văn để tiến tới mức văn bác vật. Khi đem diễn trong quảng đại quần chúng thì khán giả ít người hiểu được, vì một phần lớn tự thú rằng trình độ học vấn của họ bất cập nên không thể hiểu được một bản kịch có nhiều điển tích Hán học như vậy. Nhưng ở Nam-Việt không phải là ai ai cũng đều có một con mắt nhìn nhận giống nhau mà nói rằng truyện « Kim-thạch Kỳ-duyên » không đem lại được những kết quả xứng đáng về phương diện giáo dục. Một số đông rất hoan nghênh, hoặc do thích thân được đi nghe diễn, hoặc được các thân sĩ tiền tiến thuật lại ; và cũng có một số người do lòng tin nơi các thân sĩ cũng tỏ ý khen ngợi cốt truyện mà chính họ cũng chưa hề đọc tới bao giờ.

Và sau đây là cốt truyện của vở tuồng « Kim-thạch Kỳ-duyên » gồm có 3 hồi :

— *Hồi thứ nhất* : Ngạn-Yêm (quê ở Hà-nam) có người con trai tên là Kim-ngọc đã hứa hôn với Ái-châu, con gái đầu lòng của Lâm-Vượng một tay trưởng giả ở gần Tô-châu (thuộc tỉnh Giang-Tô bây giờ).

Lợi-Đồ, tri huyện Tô-Châu, có một người vợ cả và một người vợ lẽ vốn hiềm khích nhau, một hôm vợ cả đau, mời Thạch-đạo-Toàn (thầy thuốc) sang chữa ; vợ lẽ thừa dịp bỏ thuốc độc vào thuốc cho vợ cả uống. Người này chết, Đạo-Toàn bị bắt, con gái là Vô-Hà phải bán mình làm thị tỳ cho Ái-châu để lấy tiền chuộc tội cho cha.

Ở vùng núi Đại-Lư (thuộc tỉnh Thiểm-Tây và Hồ-Nam) có tên tướng giặc là Tiên-hóa-Long thường cướp bóc hành

khách qua sông. Khi Thiết-dinh-Quý vâng chỉ đến nhậm chức tri phủ Tây-An (thuộc Thiểm-Tây) đi qua đó, Hóa-Long đón bắt. Đình-Quý trước khi đắm đầu xuống sông chết, không quên dặn lại vợ đương mang nên nhẫn nhục sống để cứu đứa con. Vợ là Giải-thị đành gượng sống, nhưng thề thề nào cũng trả thù cho chồng.

Sau khi thi đậu giải nguyên, Ngạn-Yêm được bổ làm tri phủ Bồ-châu (thuộc Sơn-tây). Khi cùng con qua vùng Đại-Lư để đi nhậm chức, cũng bị Hóa-Tong bắt ; nhờ có Giải-thị xin cho, mới khỏi bị giết và ở đấy dạy con bà là Thuần-Lương. Còn con là Kim-Ngọc thì ngã xuống sông, trôi rạt vào bờ, rồi đến ở một ngôi chùa gần đấy ; chẳng may mắc bệnh hủi. Sau ba năm ở chùa, chàng trở về, nhờ người đến hỏi cưới Ái-châu. Nhưng Ái-châu thấy chàng có ác tật không muốn lấy ; mẹ nàng bèn nghĩ cách trá hôn, đem Vô-Hà thay làm Ái-châu để gả cho Kim-Ngọc. Còn Ái-châu sang lấy con quan huyện Lợi-Đồ là Ái-lang.

— *Hồi thứ nhì* : Kim-Ngọc nhờ có cha nàng Vô-Hà chữa khỏi, lên kinh đô ứng thí, đậu Trạng nguyên. Lư-Khải-Phong làm Thủ-tướng trong triều muốn gả con gái cho Kim-Ngọc để mưu sự thoán đoạt, nhưng chàng từ chối.

Khi ấy, Hóa-Long lấy được thành Tây-an, giết chết quan Tổng-dốc Từ-tuấn-Kiệt. Khải-Phong định hại Kim-Ngọc, mới sai chàng đi đánh giặc ấy, một mặt lại sai đưa mật thư hứa giúp Hóa-Long. Kim-Ngọc cùng với Hữu-Quang (em vợ, con Đạo-Toàn) đi đánh giặc, Hữu-Quang bị giặc bắt ; nhưng Kim-Ngọc ra trận thì Hóa-Long bị thua, chạy về thành Tây-An. Giải-thị, Thuần-Lương, Ngạn-Yêm bèn mưu với Hữu-quang cho Hóa-Long uống rượu say, rồi giết chết. Kim-Ngọc được tin, vào thành Tây-An, nhận cha, nhận mẹ, nổi mừng khôn xiết. Giải-thị mới chặt đầu Hóa-Long làm lễ tế chồng, rồi đắm đầu xuống sông chết. Kim-Ngọc kéo quân về kinh đô, vua nhà Tống thưởng công cho cả mọi người, Còn Khải-Phong can án phản quốc phải tội chết.

Vì tội hà lạm, Lợi-Đồ cùng với con là Ái-Lang đều phải tù và bị tịch biên gia sản. Ái-Châu (vợ Ái-Lang) cũng bị bắt đem bán lấy tiền cho đủ số sung công.

— *Hồi thứ ba* : Kim-Ngọc được cử đi giữ thành Tây-An. Vợ là Vô-Hà, nhân sinh con, cần người hầu hạ, bà đỡ đưa một người đến ; người ấy lại là Ái-Châu. Vô-Hà Ái-Châu định nhường ngôi vợ cả cho nàng, nhưng Kim-Ngọc không thuận. Ái-Châu bèn tìm cách quyến rũ Kim-Ngọc, nổi giận, dò biết tội của Ái-Châu, mới làm án trảm. Nhờ có Vô-Hà xin cho Ái-Châu được tha, nhưng phải bỏ đi nơi khác. Sau Ái-Châu vào ở thanh lâu.

Trong khi ấy, bọn em Lư-khải-Phong, muốn báo thù cho anh, bèn đánh Đài-loan bấy giờ do Thành-Trai (bạn cha Kim-Ngọc) và Lý-thiệu-Cơ (ân nhân của Thạch-hữu-Quang) đương làm quan ở đấy. Hai ông này thấy thế nguy, bèn phi báo nhà vua. Vua sai Kim-Ngọc đi đánh. Kim-Ngọc cùng đi với Hữu-Quang đến nơi, đánh tan quân giặc, kéo quân về kinh đô. Khi đi qua một ngôi chùa, thấy có người thất cổ ở trước ; nhận ra thì Ái-Châu. Về tới Kinh, vua Tống ban thưởng cho cả mọi người.



« **KIM-THẠCH** Kỳ-Duyên » là một truyện gồm nhiều thể văn. Thể thơ và văn mà tác giả đặc biệt hay dùng nhất là Thất-ngôn, Lục-bát và Nói lời ; trong những đoạn cần phải biểu diễn lời lẽ quý tộc thì tác giả dùng thất ngôn và lục bát.

Thơ thất ngôn ở đây là thất ngôn tứ tuyệt. Tác giả tuy hay dùng 2 thể văn trên để diễn đạt tư tưởng của phái quý tộc, song cũng không quên rằng xã hội còn gồm có những giai cấp phức tạp, nên cũng xen vào những lời lẽ bình dân để dung hòa văn quý tộc với văn giản dị. Trong toàn cả vở, ta có thể đếm được chừng trên trăm câu thơ thất ngôn tứ tuyệt. Loại thơ đó phần lớn chỉ dùng đến khi cần phô diễn nỗi buồn lo cùng những cảm xúc kịch liệt. Loại này ta nhận thấy giống như loại ngâm.

Còn thơ lục bát nghĩa là câu sáu chữ, câu dưới tám chữ, như thơ của truyện Kiều vậy. Loại lục bát này có gần một trăm câu. Tác giả dùng nó làm văn để bày tỏ những tình cảm bi ai.

Còn thơ ngũ ngôn ta cũng thấy ít nhiều trong truyện thường gọi là phú hay nói lối. Nói lối là một thể văn đặc biệt của tuồng kịch. Thể này khác văn xuôi thuần túy và giản dị ở chỗ hai câu nói bắt buộc phải đối xứng với nhau như :

« Xinh a ! trời xanh nguyệt rạng, gió mát sóng trang,
« Trăng thanh màu nước rơi vàng, sao tỏ da trời nhận ngọc
« Ấu là, bầu Trường-canh kíp rót, thơ Đỗ-Phủ liền ngâm ».

Mấy câu này lời văn xướng lên rất êm đềm thi vị, Đoạn nói lối sau này nữa cũng chẳng kém phần thi vị :

« Quan ô hạp khéo đánh phách, loài cầu du biểu khá giữ
hồn. Như ta, non cao hùm dễ sợ chồn, biển rộng rồng chi
thua rắn.

« Dân nước sao không an phận, phép vua há dễ Oung tru.
Chúng tướng! Ở lệnh phấn qua màu, bố trận cầm tặc bối. »



TIÊN sinh không những là một nhà soạn kịch tài ba mà đứng về cương vị thi văn thuần túy chúng ta có thể nói tiên sinh là một đại thi hào căn cứ trên những thi phẩm sau đây.

Khi đi sứ Xiêm, ban đêm phải qua huyện Hà-Âm (nay là Giang-thành Hà-tiên), trông thấy đồng xương của bọn thổ phi bị giết hồi đời Minh-Mạng còn chồng chất thê lương, tiên sinh cảm tác làm bài thơ này :

KINH QUÁ HÀ-ÂM CẢM TÁC

Mịt mịt mây đen kéo tối dầm
Đau lòng thuở nọ chống Hà-âm
Đồng xương vô định sương phao trắng
Vũng máu khi thường có nhuộm thâm
Gió trốt dật dờ nơi chiến lũy
Đèn trời leo lét dậm u lâm
Nghĩ thương con tạo sao dòi đời.
Vấn vỏi đêm trường tiếng đế ngâm.

Trong bài này tác giả ghi lại nỗi thương xót của một khách lữ hành đứng trước đồng xương vô định ngồn ngang nơi chiến lũy xưa.

Kể tiếp đó là bài cây vông, qua mấy vần thơ, ta thấy tác giả bày tỏ một nhận xét chua chát, khinh đời rõ rệt :

CÂY VÔNG

Uồng sanh trong thế mấy thu đông
Cao lớn làm chi vông hỡi vông
Da thịt càng già càng lộp xộp
Ruột gan chẳng có, có gai chông
Rường xoi cột trở chưa nên mặt
Giệu mỏng rào thưa phải dùng lòng
Mới biết cây nào sanh cây ấy
Xuân qua bốn tấn cũng đơm bông

Tác giả ngụ ý nói rằng cây vông càng to càng xộp, ruột rỗng lại có gai khắp thân, dầu có muốn xử dụng làm rường cột cũng không được, vậy chỉ trồng làm phen dậu mà thôi.

Trong bài thơ câu cá sau này, tác giả thâm kín tự ví mình như ông Lã-Vọng khi chưa gặp được vua Văn-Vương, còn đang ngồi câu cá trên sông Vị :

CÂU CÁ

Danh lợi màng bao chón lửa hầu,
Thanh nhàn quen thú một cần câu
Giăng đường chỉ mảnh dơ khơi rộng,
Thả mồi mời thơm vực cạn sâu.
Khởi nước năm hồ tình cá đẹp
Gló trắng kho cũ cảnh riêng màu
Bá-vương hội cá đâu chưa gặp
Thao lược này ai biết được đâu ?

Tác giả lại vịnh « Ngủ-Tử-Tư xuy tiêu ». Ngủ-lữ-Tư là một trang hào kiệt đời Xuân-thu, tên là Viên, cha tên là Xa, anh là Thượng bị Bình-Vương (vua nước Sở) giết. Tử-Tư chạy qua nước Ngô, nửa đường xin ăn, sau giúp Ngô đánh Sở vào đất Trịnh ; khi ấy Bình-Vương đã mất, Tử-Tư đào mã Bình-Vương đem thầy ra đánh 300 roi. Sau nước Ngô đánh bại nước Việt, vua nước Việt là Câu-Tiền xin hòa, Phù-Sai y cho, Tử-Tư can,

Phù-Sai không nghe, bị Thái-tể-Bỷ đem pha, Phù-Sai khiến sứ giả đem cho Tử-Tư cái gương, Tử-Tư bảo người nhà rằng :

« Móc mắt ta đem treo trên cửa phía Đông nước Ngô để ta coi giặc nước Việt vào diệt nước Ngô ». Phù-Sai nghe cả giận, lấy thi thể của Tử-Tư đựng vào da con Đê-Di, bỏ trôi trên sông, sau 9 năm, nước Việt diệt nước Ngô. Tác giả cảm khái thấy tư cách của mình có phần giống Tử-Tư, nên tỏ mỗi lòng kính mộ làm bài thơ này để gửi chút tâm sự là tận trung báo quốc, nhưng không được nhà vua hiểu thấu mà trọng dụng lại còn hãm hại nữa :

NGŨ-TỬ-TƯ XUY TIÊU

Lạc loài nước bước đờ trăm chiều
 Ngơ ngẩn nơi người một ống tiêu
 Trời Sở oán theo mây cuộn cuộn
 Đất Ngô buồn glyc gló hlu hiu
 Tám ơn tư tóc so dày mỏng
 Ngàn dặm non sông cảm ít nhiều
 Cái bạn tri âm chưa gặp gỡ
 Thẹn cùng cú ngựa biết bao nhiêu.

BÀI thơ này ý nói sau khi cha anh bị giết, Tử-Tư bỏ nước Sở mà đi. Nhà hào kiệt lạc loài nơi đất khách. Lòng băng khuâng ngơ ngẩn, Tử-Tư bèn thổi ống tiêu để khuấy khỏa vơi đời. Lúc nào người cũng nhớ mối thù nhà, lòng oán than vua Sở vô bờ bến. Đem thân thể lang thang nơi quê người, lòng đã buồn lại thêm cơn gió lạnh đìu hiu. Người nghĩ đến ơn sâu của cha anh chưa trả được, lại cảm cảnh ít nhiều về nỗi phải đi sang Ngô đường xa xôi ngàn dặm. Hiện giờ tâm lý người là đương muốn kiếm một bạn tri âm, một minh quân lương tế nhưng chưa gặp được. Bây giờ mà chưa báo thù được, và sau này nếu mưu sự báo thù cũng chưa chắc đã thành, thì lòng dạ này ngửa lên sẽ thẹn với trời, cúi xuống sẽ thẹn với đất biết nhường bao !

Tiên sinh lại làm bài thơ tán dương đức độ và lòng trung trinh của Quan-Vân-Trường, nhưng trong thơ đó cũng có ngụ ý tả chân tướng và sĩ khí của mình nữa.

QUAN-CÔNG THẮT THỦ

Hạ-Bì ngày nọ chẳng màng nào
Gương sáng chỉ làm chước túng thao
Chén rượu anh em, keo gắn chặt
Tám sơn tôi chúa đuốc chong cao
Theo rồng dốc nhóm mây trời Hán
Xuống ngựa đâu tham bạc đất Tào,
Hal mồi can thường gồm động cả
Ngàn năm thom đề mệnh cười rao.

Khi bị giam ở Vĩnh-Long, Tiên-sinh xúc cảnh sinh tình, nên làm bài thơ tỏ nỗi oan ức của mình như sau :

BỊ GIAM Ở TỈNH VĨNH-LONG

Nhượng chàng là nhượng kẻ cày voi
Lục lục thường tài cũng một mò
Mờ mịt bởi mây che bóng nguyệt
Âm-thầm vì trống lấp hơi còi
Kìa câu ich kỷ kinh còn tặc (?)
Nọ kẻ thi nhân thánh hỡi roi (?)
Lần thần hết suy rồi đến thái
Ngày qua tháng lại bước đường thôi.

Ý tiên sinh muốn nói rằng tiên sinh phải chịu nhượng đó là vâng mạng cả của triều đình, chứ bọn tỉnh quan lúc bấy giờ thì tiên sinh cũng coi như là bọn thường tài có hơn gì ai mà tiên sinh phải nề sợ. Sự tình đã run rủi đến thế này là do ở chỗ bọn quan trên tìm cách che mặt nhà vua đi, cho nên nỗi oan ức của tiên sinh chưa được nhà vua thấu triệt. Một lẽ nữa là mình chỉ là một viên quan nhỏ dầu có nói nhiều bao nhiêu đi nữa thì cũng không sao lại được với bọn thượng ty. Nhưng dầu sao mặc lòng, lẽ trời đất thì hết suy đến thái, tiên sinh rất tin ở lẽ đó nên cứ vẫn tin tưởng và hy vọng một ngày kia trăng sẽ sáng tỏ nghĩa là nhà vua sẽ xét đến sự trạng của

mình. Tiên sinh đã nghĩ như vậy, mà quả thật hết suy rồi đến thái, vua Tự-Đức đã phán cho Bộ Hình thẩm xét lại án của tiên sinh.

Tiên sinh lại còn có 3 bài thơ là bài « Thợ Bạc », bài « Khóc vợ » và bài tả « Cây bần » như sau :

THỢ BẠC

Lò tạo nghe ra thú cũng nhàn
Chơi bời quên những khách giàu sang
Đốt hàn, theo thế hình long hồ
Đậu chọm, dầu ai cách phụng loan
Lắm thuở cầm cung day mũi bạc
Từng phen lên ngựa trải gan vàng.
Ra tài búa vót tay lừng lẫy
Nghề nghiệp lâu dài đặt vững an.

KHÓC VỢ

Đã chẵn ba năm mới động thăm
Màn loan đâu vắng bật hơi tâm
Gió đưa đâu thấy hình dương liễu
Đêm vắng ai hoài tiếng sắt cầm
Chồng nhớ vợ lòng tơ bó rối
Con thương mẹ lụy ngọc tuôn đầm
Có linh chín suối đừng sao lãng
Thình thoảng về thăm lúc tối tăm.

CÂY BẦN

Cao lớn làm chi bần hỡi bần ?
Uồng sanh trong thế đứng chần ngần
Lá xanh tợ liễu, nhành thưa thốt
Bông bạc đường mai, nhụy sượng sần
Quyến luyến bầy cò theo sập sập
Chiêu qui đoàn khi tới dần dần
Rường xoai cột trở chưa nên mặt
Cao lớn làm chi bần hỡi bần ?

Ngoài ra, tiên sinh có làm đôi liễn thờ vợ như sau :

« 我之貧,卿能獨助;我之冤,卿能獨明,朝堂皆稱卿是婦.
« 卿之病,我不可養;卿之死,我不可葬,江山應笑我非夫 »

Dịch âm : « Ngã chi bần, khanh năng độc trợ ; ngã chi oan, khanh năng độc minh, triều quận giai xưng khanh thị phụ,

Khanh chi bệnh, ngã bất khả dưỡng ; khanh chi tử ngã bất khả táng, giang sơn ưng tiếu ngã phi phụ »

Dịch nghĩa : « Ta nghèo, mình hay giúp đỡ : ta bị oan mình hay kêu oan giúp ta, trong triều ngoài quận đều bảo mình mới thật là người vợ ;

« Mình bị bệnh, ta không thể nuôi nấng được ; mình chết ta không thể mai táng được ; non sông cùng cười rằng ta chẳng phải là một người chồng thật sự ».

Tiên sinh lại còn một câu đối này nữa, chưa đựng biết bao [nhiều nỗi niềm thương tiếc bà vợ là liệt nữ Nguyễn-thị-Tồn :

« Đất chẳng phải chồng, sao nỡ thịt xương hòa với đất !

« Trời khôn chết vợ, dặng coi gan ruột thử cho trời ? »

Sau khi đã ôn lại thân thế và sự nghiệp văn chương của Thủ khoa Nghĩa, chúng ta không khỏi bồi ngùi cảm thương một bậc tài hoa suốt đời phải long đong lận đận.

Nếu miền Bắc có một Cao-bá-Quát ngang tàng đến phải bỏ mạng, vì chống với triều đình ; nếu miền Trung có một Nguyễn-Công-Trứ cũng không kém hiên ngang nhưng chưa đến nỗi bạo động như Cao-bá-Quát, thì miền Nam cũng hãnh diện có một Bùi-hữu-Nghĩa mà « thao lược ấy tài, kinh luân là chí » đã không tìm được một miếng đất xứng đáng để dựng võ, đành phải treo ấn từ quan, lui về cố lý gửi lại chí lớn của mình cho đám sĩ tử Đồng-nai.

Chí lớn của Nghĩa là lập nên công nghiệp hiên hách, tế thế an bang, như Trạng nguyên Kim-Ngọc, đề rồi kết duyên với Thạch-Vô-Hà con của vị ân nhân đã giúp mình thành người lỗi lạc trong xã-hội.

Là một chiến sĩ gan dạ trên các chiến trường miền Hậu-giang, Thủ khoa Nghĩa đồng thời đã tỏ ra rất can đảm trên lãnh vực văn chương, vì ông đã không từ nan khi dám soạn một vở tuồng đề mô tả mối kỳ duyên giữa Kim và Thạch. Soạn một vở tuồng cổ điển là cả một nghệ thuật khó khăn, tế nhị và điêu luyện, không phải văn gia nào, thi sĩ nào cũng làm được. Vì thế, suốt trong văn học sử dài dằng của ta, đã mấy ai còn để lại những vở tuồng có một giá trị đặc biệt như Thủ khoa Nghĩa, như Cụ Đào-Tấn?

Nết ta quan niệm rằng Thủ khoa Nghĩa đã ký thác ít nhiều tâm sự trong Kim-Thạch kỳ-Duyên thì Thạch-Vô-Hà hẳn là hiện thân của bà Nguyễn-thị-Tồn, người đã vượt biển Nam-Hải, về Kinh khua trống để minh oan cho chồng.

Thủ khoa Nghĩa hãnh diện có một bà vợ được xếp vào hàng liệt nữ, đã được một liệt nữ khác là bà Từ-Dũ hết lòng ca ngợi. Và chúng ta có thể kết luận rằng tác phẩm Kim-Thạch Kỳ Duyên là đề diễn tả tấm lòng thiết tha triu mến của một bậc anh tài đối với vị hiền thê đã cứu mình, để cùng lưu danh trong sử sách.

THÁI VĂN KIỀM

MỘT BÀI THƠ ÍT NGƯỜI BIẾT CỦA CỤ THỦ - KHOA HUẤN

NÓI đến cụ Thủ Khoa Huân người làng Trịnh-Hà tỉnh Mỹ-Tho, không mấy ai không biết về thân thế và sự nghiệp của cụ.

Nhưng chỉ liệt cụ trên địa hạt kháng chiến là một vị anh hùng dân tộc đã từng phất cờ chống xâm lăng trong những ngày đầu quân Pháp đổ bộ lên đất này, rồi bị bắt đày đi Côn-Đảo và Phi-Châu. Sau một thời gian cụ được thả về, lại dấy binh lên nữa, và cuối cùng quân thua bị bắt, cụ phải lên đoạn đầu đài ở Mỹ-Tho để lại trong lòng dân tộc mãi mãi một tấm gương trung liệt ái quốc cho hậu thế noi theo.

Và trên địa hạt văn chương, người ta chỉ biết cụ là một nhà khoa bảng trứ danh thi đỗ cử nhân số một từ thuở chưa đầy 20 tuổi và là tác giả của những bài thơ như bài vịnh « cây bắp » bài « tha hương cảm tác », bài « tuyết mạnh » làm trước giờ bị hành quyết.

Nhưng còn một bài sau này thì thật chưa mấy ai biết đến cũng như chưa hề có cây bút nào đã đem lên sách vở hay trên mặt-báo chí. Đó là bài thơ của cụ viết ở Phi-Châu đề gởi về cho bà cụ Thủ-Khoa ở nhà. Nay tôi xin chép ra đây để hiến cùng quý bạn.

Theo lời một vài bộ lão mà chúng tôi được tiếp xúc mới đây như ông Thương-Tiên trước làm việc tại tòa bố Vĩnh-Long, hiện nay còn sống và đã gần 80 rồi thì :

Khi cụ Thủ-Khoa bị đày đi Côn-Đảo rồi lại bị đem đi Phi-Châu, thời gian ấy vào khoảng năm 1865. Cách vài năm sau, cụ được thư của cụ bà gởi đi cho hay ở nhà có dâng lên chánh quyền Pháp đơn xin ân xá cho cụ. Xem thư xong cụ viết một bài trả lời như sau :

« Xem qua thư gởi rất kính hoàng.

Phụ nữ cha chò cũng lớn gan.

Đơn gói cúi lòn loài bạch quỳ.
 Sân quỳ vát và cái hồng nhan.
 Nhọc nhằn đầu nọi phiền lòng sắt,
 Chuộc tội thà cam đẹp dạ vàng,
 Tiết khí dưới trời col ít mặt,
 Cong thường còn nặng gánh giang san.



Đã sanh làm gái vẹn theo chồng,
 Hóa đá kìa ai cũng đứng trông,
 Vẹn tốt kề gì cơn gió bụi,
 Đạo hằng hỡi vừng nổi non sông.
 Cửa gai hlu hắt sương in mặt,
 Trướng vải lụa thưa nguyệt tỏ lòng.
 Tam hiệp dấu ràng cơ tạo hóa,
 Liễu bồ vóm thử lúc trời đông ».

Mười sáu câu thơ tỏ rõ cái khí tiết cao cả của một vị anh hùng tiền bối ra sao ? Cụ bị đi đày, lòng cụ cũng buồn ngùi khi nhìn lại quê hương đất nước khi tưởng đến gia đình, vợ con và trăn trở nghĩ cho thân thể cùng sự nghiệp của mình. Nhưng « hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hùm », cụ không phải như kẻ tầm thường khác, hễ gặp nước bĩ là lòng dạ lung lay. Cụ muốn được về nơi đất tổ. Nhưng về bằng cách nào kìa chứ còn như đi xin cầu lạy, há chẳng là nhục cho thân thể của một người đã quyết đem gươm và bút sắt để rửa hận cho dân tộc lắm sao ? !

THÁI BẠCH

NGUYỄN THÀNH CUNG

Hương sắc miền Nam

HƯƠNG SẮC MIỀN NAM, đó là đề tài một buổi thuyết trình « tam giác » giữa các Ông Phạm-Đình-Tân, Thái-Văn-Kiểm và Nguyễn-Thành-Cung vào cuối năm 1959, tại Trường trung học Taberd, do lời mời của Hội Phụ huynh học sinh trường ấy. Trước một số thính giả khá đông, ba diễn giả lần lượt trình bày những linh hoa của ba miền, từ nếp sống hằng ngày qua những trang sử oai hùng, những câu ca lời hát, điệu hò, đến phương diện kinh tế, v.v... hợp thành một sắc thái dân tộc.

Nhưng hương sắc đó, theo ba diễn giả, không phải là ba « đặc điểm địa phương » như thực dân đã cố ý ngụy biện, mà là sắc thái chung của dân tộc, tùy hoàn cảnh địa dư, kinh tế, cơ hội như có một nếp sống khác nhau, nhưng, thật ra, nó là kết tinh của hồn dân tộc.

Đất đai miền Nam — từ tiền ta đến khai khẩn đất này — từ sáu tỉnh Nam kỳ đến hai mươi hai tỉnh Nam Việt — nhận xét về văn học, về một ít sự kiện lịch sử và một ít nhân vật lịch sử miền Nam, đó là các đề tài về phần diễn giả Nguyễn-Thành-Cung trình bày với cử tọa tối hôm ấy.

Đặc biệt là về miền Nam, cuộc nói chuyện đã được các nghệ sĩ tên tuổi phụ giúp như : Cô Lệ-Liễu ca từ đại oán, cô Thanh-Hoa hát huê tình và hò, nghệ sĩ Huỳnh-năng-Nhiều (tức Bảy Nhiều) đọc văn điệu của Cụ Đồ-Chiêu tế chiến sĩ ở Cần-giục và sáu tỉnh Nam kỳ.

Sau đây là đoạn chót trong phần thuyết trình về miền Nam của Ông Nguyễn-Thành-Cung.

Ông Vũ-văn-Mẫu có viết :

« Trên thế giới, có lẽ không dân tộc nào ưa chuộng thi ca bằng dân tộc Việt-Nam. Hầu hết những áng văn có giá trị, không những được giới trí thức ngâm vịnh, mà còn được truyền tụng trong các tầng lớp dân chúng ».

Riêng về miền Nam, điều kiện lịch sử và sanh hoạt đã tạo một hoàn cảnh đặc biệt thích hợp cho một nền văn hóa, một nền thi ca rất gần gũi với dân tộc và vẫn thăng trầm theo vận mạng của dân tộc.

Hôm nay, thiết tưởng, chúng ta trước hết nên xem qua các bộ môn truyền khẩu như các bài vè, điệu hò, các điệu hát đối hay hát huê tình.

Chúng ta cũng không quên rằng bộ môn cải lương đã xuất hiện trước nhất ở Nam, trước cải lương có những bài ca rất được lưu hành như Văn thiên tường, Tứ đại oán. Chính giới cải lương đã vịn vào những bài ca đó để thiết lập bộ môn cải lương ngày nay.

Quý vị đã đọc nhiều sách, hay đã nghe thuyết trình nhiều về dân ca, nhất là về ca dao miền Nam. Trong quyển « HUƠNG HOA ĐẤT NƯỚC » tác giả là ông Trọng-Toàn, đã có công ghi chép trên 1.700 câu ca dao hay hát đối đã lưu hành từ xưa ở xứ ta, nhất là ở miền Nam.

Ông Thuần-Phong, trong quyển « CA DAO GIẢNG LUẬN », cũng đã hiến cho chúng ta nhiều nhận xét lý thú và đầy đủ về bộ môn này.

Trong quyển « THÀNH NGŨ ĐIỀN TÍCH » ông Diên-Hương cũng có ghi chép một ít bài vè và câu hát thời xưa.

Chúng tôi thiết tưởng các công trình ấy, có lẽ còn nữa mà chúng tôi không biết được, rất có ích. Vì bộ môn hát đối, bài vè v.v... phần nhiều là truyền khẩu, không biết trước kia ai đặt ra, hay nói một cách khác, tác giả đặt ra là để lưu hành, chứ không cần ai biết mình đặt ra. Như vậy, nếu không

có những tác phẩm mà tôi vừa kể qua, thì các câu hát, các câu hò, sợ e sẽ theo thời gian mà tiêu diệt đi. Lúc này, tôi đề cập đến những bài ca xưa kia rất thanh hành trong Nam.

Trong những bài ca đó, có bài Tứ đại oán tựa là **BÁ-LÝ-HÈ**.

Sở dĩ đồng bào miền Nam thích nghe bài này, vì nó kể lại một đoạn rất hợp với tâm lý đồng bào miền Nam : truyện **Bá-Lý-Hề**.

Nhà nghèo lại chưa gặp thời, **Bá-Lý-Hề** muốn đi chu du thiên hạ để tìm chỗ dung thân, nhưng thấy vợ con không nơi nương tựa, nên còn dè dặt, chưa nhất quyết ra đi. Nhưng vợ là **Đỗ-Thị** khuyên chàng cứ ra đi, đừng bận bịu, Nhà nghèo, chỉ có một con gà mà không có củi ! **Đỗ-Thị** phải chẻ cánh cửa để nấu một bữa cơm, tiễn chồng lên đường. **Bá-Lý-Hề** ra đi. Mấy năm đầu cũng vẫn khổ cực vì không tìm được người tiến dẫn. Mãi đến khi qua nước Tần, mới được phong làm thừa tướng.

Sau khi **Bá-Lý-Hề** ra đi, **Đỗ-Thị** ở nhà làm ăn không đủ sống, đành phải bồng con đi tìm chồng. Ngay khi ấy, **Bá-Lý-Hề** hãy còn nghèo, và có dịp trở về nước. Ngu thẩm vợ con. Nhưng ở đó, người ta cho hay rằng **Đỗ-Thị** đã bồng con đi từ lâu rồi, và không ai biết nay ở đâu mà chỉ dẫn. **Đỗ-Thị** lần hồi phiêu bạt đến nước Tần, may mướn nuôi con. Lúc đó, thì **Bá-Lý-Hề** đã làm thừa tướng nước Tần rồi. **Đỗ-Thị** dò xét kỹ lưỡng, mới biết trong thừa tướng phủ, cần người may vá, nên xin vào ở may.

Một ngày kia, ở thủ tướng phủ có đãi tiệc và đờn ca, **Đỗ-Thị** xin lên nhà khách, đờn ca giúp. Khi **Đỗ-Thị** cất tiếng, **Bá-Lý-Hề** sửng sốt, cho kêu lại gần mà hỏi thì được biết quả là vợ mình.

Bài tứ đại oán « **Bá-Lý-Hề** » tức là bản tâm sự của **Đỗ-Thị** vậy.



Thưa quý vị,

Sau khi đã hiểu qua một ít sắc thái của đồng bào miền Nam, qua câu hò và giọng hát, giờ đây thiết tưởng cũng nên nhắc lại một sự kiện của lịch sử cận đại miền này.

Trong lịch sử ấy, chúng ta thường đề ý đến ba giai đoạn chính : giai đoạn Gia-định thành, giai đoạn Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông với ba tỉnh miền Tây, giai đoạn dân quân Nam kỳ chống Pháp.

Trải qua các giai đoạn chính yếu ấy, các vị mà đồng bào không thể quên là Lê-Văn-Duyệt, Phan-Thanh-Giản và Nguyễn-Đình-Chiêu.

Quý vị đều biết ông Lê-Văn-Duyệt là người gốc tỉnh Mỹ-tho. Sinh năm 1763, trong một gia đình tầm thường, ông theo phò Nguyễn-Ánh lúc 17 tuổi để đánh quân Tây-Sơn. Sau làm đến chức Tổng-trấn Gia-định thành. Tánh tình Ông rất ngay thẳng và thường tuyên bố, trái với vua Minh-Mạng, rằng không nên quên ơn Đức Cha Bá-đa-Lộc đã giúp vua Gia-Long khôi phục ngai vàng. Mặt khác, Ông muốn có sự tự do tín ngưỡng nên không bao giờ chống đạo.

Vì vậy, lúc vua Minh-Mạng lên ngôi và ra lệnh chống đạo triệt để, tại Nam kỳ, Ông không bao giờ áp dụng những luật ấy. Hơn nữa, năm 1828, Ông bèn thân ra Huế để binh vực cho các cố đạo, trong đó có Đức Cha Taberd, bị vua Minh-Mạng cho đòi và cầm giữ tại Huế. Chính nhờ Ông Lê-Văn-Duyệt can thiệp, nên Đức Cha Taberd mới được vua Minh-Mạng tha cho trở về Nam kỳ. Về đây, Đức Cha lên cai quản nhà giòng tại Lái-thiêu.

Sau khi chiếm Đà-nẵng, đo đốc Rigault de Genouilly lại trở về Nam kỳ để đánh chiếm Saigon, vì theo Ông sẽ có lợi hơn là chiếm miền Trung : ở miền Nam có nhiều gạo, và các chiến thuyền có thể ra vào Saigon được.

Lần lượt, Saigon và ba tỉnh miền Đông lọt vào tay Pháp, để đi đến Hiệp ước 1862, giữa đo đốc Bonard và Palanca

(phía Pháp — Tây ban Nha) và Phan-Thanh-Giản và Lâm-Duy-Hiệp (phía Việt-Nam).

Chúng ta đều biết Hiệp ước ấy, chỉ có điều 8, liên quan đến khoản bồi thường mà tôi xin kể ra đây, có phần lý thú. Vì ngay từ năm ấy, Pháp buộc ta phải trả bằng dollars :

Điều 8. — Vua nước Annam cam đoan trả một khoản bồi thường là bốn triệu dollars trong thời gian 10 năm.

« Vì nước Annam không có đồng « dollars » nên sẽ tính mỗi đồng này có giá trị bằng 72 phần trăm của một lượng (vàng ? bạc ?).

Năm năm sau, năm năm mà các sử gia Pháp gọi là năm năm « nhấn nại và khoan dung đại độ », Đô đốc Lagrandière quyết định thôn tính luôn ba tỉnh miền Tây. Ông này chuẩn bị cuộc tấn công rất khoa học, Ông chờ đến mùa mưa, tức là mùa thuận tiện cho các pháo hạm đi lại trên các sông rạch, rồi chỉ huy 17 chiến tàu lấy trọn Vĩnh-long, Châu-đốc, Hà-tiên trong vòng năm ngày, ở đâu cũng chưa gặp quân ta chống cự. Chín viên thanh tra Pháp được đề cử từ trước, đến tận chỗ lãnh những sổ thuế và văn khố của các quan ta giao cho, đề cai trị các lãnh thổ mới chiếm được.

Bây giờ, chúng ta thử xem coi vào khoảng 1859-1862, Thủ đô Saigon ra sao ?

Khi người Pháp đến chiếm Saigon là nơi tụ tập của 40 làng mạc, tức là những thôn xã nhỏ, sắp xếp với nhau, chứ không có một hệ thống tổ chức chung nào hết. Đa số đồng bào thì đã bỏ thành đi hết. Vì vậy, muốn xây cất, người Pháp không tìm được nhân công và vật liệu. Họ phải đưa những người thợ chuyên nghiệp từ Quảng-Đông sang, mua xi măng ở Hồng-Kông và mua ván gỗ tại Tân-Gia-Ba.

Đến năm 1859, lúc Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây, đồng bào hậu giang lại lũ lượt tản cư lên Saigon. Vì vậy, trong một báo cáo của ông thanh tra Grammont thấy có mấy chữ này :

« Tôi cũng công nhận rằng, nhờ sự xê dịch ấy, nhiều kẻ đáng nghi ngờ đã về ẩn núp tại Saigon. Nhưng xét cho kỹ, thì giữ họ ngay dưới tay ta còn hơn là để họ ở ngoài xa sự kiểm soát của ta. Nhưng ngay từ mấy năm đầu, thì các ông thực dân trở ngón rồi, Tôi lấy một bằng cớ sau đây là trường hợp một người Pháp tên Semanne. Ông này là một trong những thực dân đầu tiên đến lập nghiệp tại Saigon, làm nghề thầu khoán rồi làm Chánh án Tòa Thương mại Saigon. Sau khi Hoàng đế Napoléon III mất ngôi, ông thành lập đảng cộng hòa ở Saigon. Sự kiện tôi muốn kể đây là bức thư ông viết cho Đô đốc Lagrandière, than phiền hoa kiều ở Saigon đốt pháo, gây tai nạn, trong một lúc mà, theo ông, người Âu không được phép bắn súng trường, hay súng lục trong vườn của họ, hay đốt pháo thăng thiên, hay pháo thường. »

Buồn cười nhất là ông vịn vào nguyên tắc « bình đẳng » để phản đối :

« Đại diện cho hầu hết dân chúng người Âu ở đây tôi đến xin Đô đốc ra lệnh cho ít nữa nguyên tắc bình đẳng phải được tôn trọng, để cấm đoán những trò chơi nguy hiểm của bọn Hoa kiều ».

Và đây là thư trả lời của Đô đốc Lagrandière. Buồn cười, là khi trả lời Đô đốc này vịn vào lý do « tôn giáo » để bác bỏ đơn của ông kia :

« ...Chúng ta chiếm cứ xứ này là do theo một Hiệp ước : trong đó, có điều khoản buộc chúng ta không được động phạm đến phong tục của những người theo đạo Phật.

Dẫu rằng không có điều ấy đi nữa, thì đừng về mặt chánh trị, chúng ta phải tự đặt cho ta một bồn phận như vậy.

Tục lệ đốt pháo rất xưa đối với Phật giáo đã chỉ còn được phép trong một vài dịp tế lễ mà thôi...

Dân bản xứ đã chịu nhiều phiền phức vì những ngựa của ta, những xe của ta, những lệ luật canh sát của ta, tất cả các việc này đều đi ngược lại thói quen của họ.

Vậy thì ta phải chịu phiền phức vì họ đốt pháo.

Các binh đẳng mà ông đòi hỏi sẽ có nghĩa là ; tất cả về phần chúng ta, còn về phần họ thì không được gì « (le principe d'égalité que vous réclamez serait : tout pour nous, rien pour eux) ».

Cũng trong lịch sử cận đại miền Nam, chúng ta không quên cái chết oanh liệt và đau thương của ông Phan-Thanh-Giản ngày 1-8.1867 tại Vĩnh-long.

Sau đây là báo cáo của Trung tá ANSART, gửi về Saigon đề tường thuật vụ tử tiết thê thảm ấy :

« Chúng tôi đã trông ông già kỳ lạ ấy chết đi mà không khỏi cảm thấy một nỗi buồn tê tái. Ông đã tự vẫn với một tri sáng suốt dị thường. Ông nhịn ăn luôn 15 ngày để cho thuốc độc dễ ngấm và mau tàn hoại thân thể. Ông thu xếp mọi công việc một cách thần nhiên, đặt mua hòm, may quần áo tang cho thân nhân, tự định đoạt cả những chi tiết nhỏ nhặt về việc cử hành tang lễ, và khuyên bảo con cháu bằng những lời khôn ngoan và nhân cách. Ông dặn các con nên ở lại với người Pháp, nhưng không được nhận một chức vụ chi của họ hết ».

Sau Cụ Phan-thanh-Giản, chúng ta không quên nhắc đến Ông Nguyễn-dinh-Chiều, một nhà nho chính thống của thời đại, đã sống một cuộc đời khổ ải và trong một giai đoạn lịch sử vô cùng hỗn loạn, mà vẫn trung thành với không giáo và giữ được thái độ của một quân tử.

Cái khí phách ấy được biểu lộ rõ ràng trong tác phẩm « LỤC VÂN TIỀN » mà tất cả đồng bào đều biết và hai bài văn tế, ít được biết hơn.

Ấy là bài « VĂN-TẾ NGHĨA-SĨ CẦN-GIUỘC » và bài « ĐIỀU LỤC TỈNH NAM-KỶ NGHĨA-DÂN ».

Ngoài lòng yêu nước thiết tha và mối hận thù sâu sắc đối với kẻ xâm lăng, chúng ta còn phải công nhận rằng hai bài ấy là hai áng văn kiệt tác về chữ nôm. Ta dễ ý thấy các câu

văn thường dùng chữ thông dụng trong Nam, nhưng cũng gây nên một cảm giác vô cùng bi đát, vì đây chính là lời nói thiết tha do tận đáy lòng.

Trước hết, đây là vài đoạn trong bài văn tế nghĩa sĩ Cần-giуộc :

« Súng giặc đất rền,

Lòng dân trời tỏ.

Mười năm công võ ruợng, xưa ắt còn danh nổi như phao ; Một trận nghỉ đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ.

Nhớ lính xưa :

Cui cút làm ăn,

Riêng lo nghèo khó.

Chưa quen cung ngựa, đưa tới trường nhung ;

Chỉ biết ruợng trâu, ở theo làng họ.

Việc cuốc, việc cấy, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm ;

Tập khiên, tập cung, tập mác, tập cò, mắt chưa từng ngó.

Tiếng phong hạc phấp phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa ;

Mùi tinh chiến vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.

Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan ;

Ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cỏ,

Một mối xa thơ đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu ;

Hai vừng nhứt nguyệt chói lòa, đầu dung lũ treo dê bán chó.

Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình
Chẳng thèm chốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ.

Khá thương thay ;

Vốn chẳng phải quân cơ quân vệ, theo dòng ở lính điền binh ;

Chẳng qua là dân ấp dân lân, mến nghĩa làm quân chiêu mộ.

Mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn ;
 Chín chục trận binh thư, không chờ bày bố.
 Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu,
 bầu ngòi ;
 Trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu,
 nón gõ.

.

Chi nhọc quan Quân giống trống kỳ, trống giục, đạp rào
 lướt tới, coi giặc cũng như không ;
 Nào sợ người Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông
 vào, liều mình như chẳng có.
 Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho Mã tà, Ma
 ni hồn kinh ;
 Bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.

.

Đau đớn bảy mẹ già trông con trẻ, ngọn đèn khuya leo
 lét trong lều !
 Nào nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế
 dật dờ trước ngõ !

Ôi !

Một trận khói tan,
 Ngàn năm tiết rỡ.

Binh tướng nó hãy đóng sông Bến Nghé, làm cho bốn
 phía mây đen ;
 Ông cha ta còn ở đất Đồng nai, ai cứuặng một phương
 con đỏ.

Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu
 tỉnh chúng đều khen ;

Thác mà ưng đình miếu đề thờ, tiếng hay trải muôn đời
 ai cũng mộ.

Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp
 cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia ;

Sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã rành rành, một chữ Âm đủ đền công đó.

Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên dân ;

Cây hương nghĩa sĩ thấp thêm thơm, cảm bởi một câu vương thổ. »

Và sau đây là bài « ĐIỀU LỤC TỈNH NAM KỲ NGHĨA DÂN »

«

Tiếng đồn trung nghĩa đến xe,

Thì giữ cương thường làm chắc,

Từ thuở Tây qua cướp đất, xưng « tán trào » gây nợ oán cừu,

Chẳng qua dân mắc nạn trời, hoài cự chúa mang lời phản trắc.

Các bác sĩ nông công cồ liền mang tai với súng song tâm ;

Mấy nơi tổng lý xã thôn, đều mắc hại cùng cờ tam sắc ;

Bọn tam giáo quen theo đường cũ, riêng than bất hạnh lâm nghèo ;

Bầy nữ lưu cứ giữ nghề xưa, thâm tủi vô cơ chịu cực.

Phạt cho đến người hèn kẻ khó, thâu của quay treo ;

Tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà bắt vật.

Kể mười mấy năm trời khốn khó, bị khảo bị tù, bị đày, bị giết, trẻ già nào xiết đếm tên.

Đem ba tấc hơi mọn bỏ liều, hoặc sông hoặc biển, hoặc núi hoặc rừng, quen lạ thấy đều rơi nước mắt.

.

Thời :

Lòng nghĩa dân thảo với Ngô quân,

Tiếng nghịch đảng lỗi cùng dịch vút.

Gần Côn-nôn, xa Đại-hải máu thấy trời nổi ai nhìn,

Hàng cai đội, bọc quần cơ, xương thịt rã rời ai cắt ?

Sống thời chịu tuyết sương trời một góc, khó đem sừng ngựa hện quy kỳ ;

Thác rồi theo mưa ngút biển muôn trùng, không muốn
thơ nhàn đem tin tức.

.

Như vậy thời :

Số dẫu theo sáu nẻo luân hồi,

Khi sau đề trăm năm ức uất.

— Trời Gia định ngày chiều rạng sáng, âm hồn theo
con bóng ác dật dờ :

— Đất Biên-hòa đêm vắng sao lơ, oan quỷ nhóm ngọn
đèn thân heo hắt.

— An hà quận đương khi bạch trử, gió cây vụt thổi,
cát bụi bay, con trốt dựng bên thành ;

— Long trường gian mỗi lúc huỳnh hôn, khói nước
sông mùi lửa đốn nháng binh mã chèo dưới vực.

.

Nhớ phận áo cơm đất nước, trọn mấy năm ngóng cổ
trông quan ;

So bề mờ mả ông cha, còn hơn đưa đành lòng theo giặc. »

Tới đây, tôi tưởng đã đến lúc cần phải cảm ơn Quý Vị
đã kiên nhẫn cùng tôi du lịch quanh co khắp miền Nam, một
cuộc du lịch « không bờ không bến », để cùng nhau ôn lại
những đặc điểm của Non Sông đất Nước, tại một miền mà
tổ tiên ta đã dày công khai phá.

Sau khi hai Ông bạn tôi đã trình bày với Quý Vị hương
sắc ba miền, tôi nhận thấy cần phải nhấn mạnh về « căn bản
thống nhất » của Nước Việt-Nam. Sự dị đồng mà Quý Vị vừa
nghe xong, là kết quả tất nhiên của phong thổ, khí hậu, địa
lợi, v.v... từng khu vực, đã ảnh hưởng không nhỏ vào cách
thức sinh hoạt và trạng huống tinh thần của người dân sống
tại mỗi nơi. Sự kiện này chứng tỏ sức sống phong phú của
dân tộc ta, luôn luôn đủ khả năng hòa mình vào khung cảnh

xung quanh, và luyện cho trí óc nảy nở thích ứng với những điều kiện sẵn có tại chỗ.

Dầu sao, đó chỉ là những sai biệt về chi tiết, không vượt ra khỏi « nguyên lý thống nhất » mà thuở giờ các nhà bác học đã cùng nhận thấy nơi dân tộc ta.

Quả vậy, theo Ông Pierre GOUROU, người Việt-Nam đã tự tạo ra được một nền văn minh cân bằng và hợp lý, mà nhiều nước tiến bộ hơn không có, một nền văn hóa có thể đem so sánh với bất luận nền văn hóa cổ điển nào.

Nền văn hóa ấy có tánh cách thống nhất đặc biệt : từ biên giới Trung-hoa đến mũi Cà-mau, dân tộc ta có một bản chất đơn thuần mà phần nhiều các dân tộc khác trên thế giới không có được.

Tất cả các yếu tố căn bản để lập thành một dân tộc, một quốc gia, đều gồm đủ nơi đây, khiến cho nước ta trở nên một quốc gia thống nhất từ lâu, và đã gây ra cho dân tộc ta một « tâm hồn chung », tức là cái « nguyên lý tinh thần » mà Ernest Renan thường vịn vào để định nghĩa một dân tộc.

Các yếu tố đó là : cảm giác chung sống với nhau trên một lãnh thổ, đặc tính đồng chủng, sự đồng nhất về ngôn ngữ, sự kết hợp về kinh tế, khuôn khổ rèn đúc tâm lý và tinh thần chung.

Trước đây người Pháp phủ nhận sự thống nhất ấy để chia rẽ chúng ta, đã làm một việc vừa phi lý, vừa điên cuồng, vừa tàn ác. Vì, chính ngay các sử gia Pháp, trong đó có Ông C. GOSSELIN, cũng phải công nhận :

« Các danh từ « Cochinchine, Annam, Tonkin » đối với người Pháp đã trở thành hầu như chánh thức, song đối với dân Annam, thì không có nghĩa lý chi hết. Khi chúng ta mới đến xứ này, chúng ta phải đương đầu với một dân tộc thống nhất đến mức độ ngoài trí tưởng tượng của chúng ta : từ các núi non miền thượng du Bắc kỳ đến biên giới Cao-miền, sự

thống nhất sẵn có về phương diện nhân chủng, cũng như về phương diện chánh trị và xã hội ».

Không một sức mạnh nào, dầu ở trong hay ở ngoài, có thể phân chia dân tộc ta được. Và, nếu hiện giờ, do sự phản phúc của một thiểu số, đất nước ta bị chia cắt ra làm hai, chúng tôi cũng như quý vị và toàn thể đồng bào, đều tin chắc rằng một ngày không xa, sự thống nhất sẽ trở lại. Vì sự chia cắt ấy là một sự chia cắt giả tạo, chỉ có những kẻ bội nghĩa đối với quốc gia chấp thuận mà thôi. Lực lượng thống nhất của dân tộc ta rất mạnh và vẫn mạnh, và một ngày gần đây, ranh giới mỏng manh ấy sẽ tự sụp đổ, trôi bồng theo nước lũ bờ.

Trải mấy ngàn năm biến đổi, nước Việt-Nam ta đã từng chịu sự thử thách qua bao cuộc hưng phế tang thương, nhưng kết cuộc đất nước vẫn vẹn toàn, dân tộc ta vẫn biểu dương một sức sống mạnh hùng, quyết đem xương trắng máu đào ra bảo vệ giang sơn gấm vóc của người xưa trao lại.

NGUYỄN THÀNH CUNG

HAI NHÀ THƠ PHỤ NỮ MIỀN NAM

Nói đến văn chương miền Nam, về giới phụ nữ, ngoài bà Sương- nguyệt-Ánh tức bà Nguyễn-thị-Ngọc-Khue, ái nữ cụ Nguyễn-dinh-Chiêu, mà thi văn nổi tiếng một thời, hãy còn lưu danh thơm đến tận bây giờ, người ta không thể bỏ qua hai cây bút cự phách khác, đó là bà Trần-kim-Phụng, và bà Trần-ngọc-Lầu tức Ngọc-Dũng hay Ngọc-Bích.

Trước đây chừng hơn nửa thế kỷ, thi văn của hai bà Ngọc-Lầu và Kim-Phụng đã được nhiều người truyền tụng và thưởng thức, vì hai bà linh tình phóng khoáng, nên hay lui tới những nơi văn xướng họa, ngâm vịnh cùng các bậc tri giả tài danh.

BÀ TRẦN-KIM-PHỤNG

Bà Trần-kim-Phụng quê ở vùng Sa-Đéc, từ nhỏ đã hấp thụ một nền nho giáo thâm thúy, vững chắc, lại thêm tư chất thông minh, nên thơ phú rất thành thạo. Mới hơn mười tuổi, bà đã làm được bài thơ vịnh « Cây vạn thọ », ý tứ bóng bẩy, già dặn, làm ngạc nhiên nhiều người, không ai tưởng đó lại là khẩu khí của một cô gái nhỏ :

Tuổi già từng trải có ai qua
 Vạn thọ khang cường vốn đầy ta
 Vững cỗi khoe cành xinh nét vẽ
 Lớn chồi tựa lá lịch màu hoa
 Tháng ngày thông thả cùng quan các
 Tết nhất khoe khoang với phú gia
 Bởi có cái danh ai cũng chuộng
 Nên người yêu mến chúc ông bà

Đa tài, thì đa lụy, bà Kim-Phụng cũng không thoát khỏi cái định lệ trớ trêu ấy. Tình hoa sớm phát, nên trọn đời bà cũng nổi trôi như cánh hoa mặt nước, nhất là bà lại sinh nhằm vào giữa lúc quốc gia rối rắm giữa buổi giao thời của hai nền văn minh Âu-Á xô nhau, khiến bà mang lòng yếm thế, mà có lần đã phải gửi thân nương nhờ cửa Phật

Vì yếm thế, nên cũng chua chát với cuộc đời, do đó mà ảnh hưởng đến thi văn của bà, trong đó thường mang những ý tứ mỉa mai. Bài thơ dưới đây ta thấy phảng phất có cái giọng của Tú-Xương :

Cuộc rượu Nam thành thật rất vui
 Trộm xem ai nấy cũng say vùi
 Anh Tây chuenh choáng quảng chal ngược
 Chú Khách xì xồ ném chén xuôi
 Glộn đất lung lay không vững bước
 Cười trời lửng đững bóng vờn lui
 Đứng ngồi chẳng tiện, lồi thối cả
 Cuộc rượu Nam thành thật rất vui

Bài thơ cũng phản ảnh được khía cạnh nào của cái xã hội lố lăng xa xưa, « thằng Tây, chú Khách ».

Khi bà Phụng chán ngán cảnh đời đi tu, có nhận của một bà bạn, tên Quảng-Hàn ở Nam-Vang một bài thơ ngụ ý luyến tiếc.

Bà Trần-kim-Phụng ở đâu xa
 Sao chẳng nghe thi phú nữa cà
 Hay đã rời chân Thiên-trúc quốc
 Hoặc còn lẩn chuối Phật-di-đà
 Đĩa nghiên ráo mực khuyên mài nữa
 Ngồi viết khô lông hấy chấm mà
 Dù muốn tìm lên khoan cỡi hạc
 Nợ trần chưa rút khó xong a

Tạ lòng tri kỷ, bà tỏ bày tâm sự :

Ngao du đã mỗi bước giăng hồ
 Lánh mộng trần ai đến Phật đồ
 Từ giã non tây, cùng biển bắc
 Phụng-hoàng nay đậu một cành ngô

Tuy chán ngán cảnh đời, đến phải nương mình cửa từ-bi, song bà chẳng hề quên mình đang sống trong cảnh « quốc phá gia vong », mà xa phận sự của một người dân yêu nước,

Bà huyện Thanh-Quan xưa đã thối ra câu cảm khái :

« Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia »

*thì bà Kim-Phụng trước sự xâm lăng của ngoại bang, cũng sôi
bầu máu nóng mà hùng hồn lên tiếng :*

Rằng ta tuy phận đàn bà
Tâm lòng yêu nước cũng là như ai
Việc đời ta phải chung vai
Non sông gánh vác gái trai khác nào
Mình sức mạnh Tây nào dám đề
Sức mạnh nhờ toàn thể cùng lo
Xưa nay độc lập tự do
Phải dành mà lấy, ai cho không mình
Vận tổ quốc lênh đường áy
Mình không lo nhờ cậy vào ai

.



BÀ TRẦN-NGỌC-LẦU

NGỌC-LẦU nữ sĩ, tên thật là Trần-ngọc-Lầu, là một trong số các thi nhân cận đại nổi tiếng cũng như Sương-nguyệt-Ánh hay Trần-kim-Phụng v.v... vốn xuất thân trong một gia đình khoa giáp, ai nữ của cụ thủ khoa Trần-xuân-Sanh, lại còn mang tên là Ngọc-Dung, hay Ngọc-Bích, song người ta thường cứ gọi là cô Ba-Lầu

Bà sinh trưởng ở Vĩnh-Long, mồ côi mẹ từ nhỏ, sống với bà kế mẫu ác nghiệt, nên gia đình không tránh khỏi những tấn bi kịch xảy ra sự xung đột. Vì được thấm nhuần một nền giáo dục nho học căn bản, và sẵn có tư chất thông minh, lại được cụ thủ khoa rèn dạy, nên bà từ nhỏ đã nổi tiếng hay chữ.

Khi cảnh nhà sa sút, bà theo chạ về Mỹ-tho dạy học. Năm

ấy bà mới mười tám tuổi, mà tài văn chương đã nổi tiếng khắp vùng.

Hồi bà gặp ông Nguyễn-hữu-Được tức huyện Được cũng là một thi nhân nổi tiếng, thì hai người đã mau trở nên đôi tri kỷ rất tương đắc, vì vậy mà bề ngoài tuy chỉ là văn hữu, mà dần về sau lại trở nên đôi nhân tình yêu nhau thắm thiết, một hai vẹn ước, lòng son đầu bạc với nhau.

Nhưng rồi vì gia đình bắt buộc sao đó, ông Được không thể giữ lời mình thề với bà Ngọc-Lầu, đành mang tiếng phụ tình, để kết duyên với một thiếu nữ khác, con một nông gia trong hạt.

Có người đưa tin cho bà Ngọc-Lầu, bà chỉ buồn, và có gửi cho ông Được một bài thơ như sau :

Lỡ khóc, nên chi cũng lỡ cười
Xốn xang đình đóng giữa con người
Ngón đàn tri kỷ xa từ đây
Chén rượu chung tình nhấm những ai
Muôn kiếp dù không ân ái nữa
Một ngày cũng đã tiếng tâm rồi
Thôi thôi, phải vậy thôi đành vậy
Góc tía lầu hồng đã có nơi

Hồn thơ kêu gọi, chẳng lẽ làm thinh, ông Được bèn họa lại, với giọng an ủi ân cần, hầu làm khuây lòng buồn cổ hữu :

Cũng là buồn bã đề vui cười
Thăm sát phận mình luống hồ người
Vàng đã biết nhau chừng có hạn
Tóc tơ rũ rụng ấy là ai
Hiếu tình đôi ngã khôn tròn một
Duyên nợ ba sinh khó trả rồi
Độc ác gớm ghê tay tạo hóa
Làm cho loạn phụng rẽ đôi nơi

Được bài thơ an ủi của người tình cũ, bà Ngọc-Lầu cũng buồn đến mấy hôm, biếng ăn, biếng ngủ, và trong những ngày đó, bà đã để ra biết bao bài thơ não ruột.

Đến hôm ông Được cưới vợ, trở trêu làm sao, đám cưới linh đình lại đi diều qua nhà bà, khiến bà tức khầu bốn câu thơ rất mỉa mai chua chát :

Đám cưới lớn, đám cưới lớn
Cuộc đời thấy mà tởm
Tài sắc có hơn ai
Giàu sang mới hí hờn

Câu chuyện thơ và tình này đến nay hãy còn truyền tụng ở miền hậu giang, tuy nữ sĩ mới qua đời chừng vài chục năm nay thôi.

Ngoài ra, bà cũng còn để lại nhiều bài thơ, mà hiện nay người ta hãy còn đọc cho nhau nghe

Bực mình vì những kẻ mới mai làm phiền nhiễu, có lần bà đã phải thốt ra những vần thơ trách móc nặng nề :

Cái giọng dâm ba thiếp đã từng
Trao tin về bước ghẹo hoa xuân
Thử lòng ở Trắc ai kia nhớ
Kháng điệu chàng Tương thiếp bảo đừng
Rơ vầy hàm rồng khen lớn mặt
Cấp non nhẩy biền gấm khen chưa
Làm thính chẳng nói cho làm ngộ
Nói lại e mang tiếng sỗ sàng

Một hôm đi thuyền qua Mỹ-Tho, vào lúc hoàng hôn, bỗng đâu giống tổ kéo đến, bà tức cảnh một bài thơ khiến các bạn đồng hành đều rất tán thưởng :

Dì gló ghen chi với chị Hằng.
Mà đem mây trắng lấp cung trăng
Non sông khuôn thoát cơn mơ mộng
Sóng gló như khêu nổi bất bằng
Lánh nạn bay dài chim mồi cánh
Glận trời nghiêng mồi cóc mòn răng
Ai ơi, vì nước không lo liệu
Kẻo đến chân rồi, hết nói năng

Lời thơ bóng bảy, ý tứ hàm súc, tỏ rõ một tâm hồn cao thượng, nặng lòng đất nước, vì nhà.

Khi được tin ông huyện Đức, người tình cũ qua đời, giữa năm mới hai mươi sáu tuổi, bà quên hẳn vết thương lòng cũ, có làm một bài thơ khóc người tri kỷ, lời ý chân thành thấm thiết :

Phong-Lâm ơi, người ở chốn nào
 Hai mươi sáu tuổi một đời sao
 Tưởng câu cọng tháp mờ hôi đồ
 Nhắc chuyện tri âm nước mắt trào
 Chôn khối văn tình trời đất nhẽ
~~Chết~~ Glây cầm nguyệt ruột gan bào
 Cảnh đời vận đời xem buồn nhĩ
 Nhận nhớ chừng mây, cá nhớ ao.

Nữ thi sĩ Ngọc-Lầu thọ đến năm ngoài bảy mươi mới qua đời. Văn thơ của bà và nhất là câu chuyện tình duyên giữa bà và ông huyện Đức, ở miền hậu giang cho đến nay vẫn coi là một giai thoại lý thú mà dân chúng thường kể cho nhau nghe. Chỉ còn đáng tiếc thi phẩm của hai bà Kim-Phụng và Ngọc-Lầu tuy rất nhiều mà người ta không giữ lại được bao nhiêu !

PHẠM CÔNG

NGUYỄN VĂN XUÂN

Nguyễn - đình - Chiêu và Nguyễn - Du

HAY ĐẠI DANH TỪ VÀ CÁC TIẾNG XUNG HỒ TRONG
TRUYỆN KIỀU VÀ LỤC VÂN TIÊN

Trong bài khảo luận này, Nguyễn-văn-Xuân chú ý đến một phương diện rất mới mẻ của hai tác phẩm nổi tiếng nhất và được phổ biến rộng rãi nhất, một ở miền Bắc, một ở miền Nam Việt-Nam : cách xưng hô của tác giả đối với nhân vật và của các nhân vật với nhau. Tuy là đối chiếu hai tác phẩm nhưng để hiểu một tác phẩm, « phân biệt hai người để thấy rõ một người » : Nguyễn-Đình-Chiêu với những đặc tính miền Nam.

CHƯA bao giờ bằng ngày nay, trước thế giới tự do dân chủ, nhà văn Việt-Nam băn khoăn đi tìm những đại danh từ, những tiếng xưng hô thích hợp thời đại trong cái kho đại danh từ và tiếng xưng hô vô cùng phong phú và rất biến chuyển gần như có mẹo luật tinh thần của Việt-Nam.

Những trang sau đây trình bày cách dùng đại danh từ và tiếng xưng hô trong các tập

truyện trên — Truyện Kiều và Lục Vân Tiên — ngoài mục đích để nhận định phép dùng loại tiếng ấy một cách hết sức chứng xác, dễ dàng, biến hóa, phong phú, có thể gọi đã đến cao điểm của nó. Tôi còn mong trình bày cá tính của từng tác giả và hoàn cảnh xã hội thời đại tác giả cùng làm rõ thêm những khía cạnh tâm tư thầm kín của các nhân vật trong truyện — khía cạnh ít ai đề cập tới.

TRUYỆN KIỀU : TỪ YÊU THƯƠNG ĐẾN Ý THỨC TRẬT TỰ XÃ HỘI PHONG KIẾN

Không rõ thuyết chính danh của Đức Khổng-Tử đã ảnh hưởng đến Nguyễn-Du như thế nào, chứ ai đã đọc qua truyện Kiều một lần, không thể nào không nhận thấy tư tưởng của tác giả biểu thị minh bạch đối với từng con người từng trạng người. Sự biểu thị đó không kể nội dung, nó còn nằm trong cách sắp chữ, đặt câu, hoặc dùng một số tính từ hết sức xác đáng để thể hiện con người đồng thời bày tỏ mối thương ghét của mình nhận thức qua thân phận Thúy Kiều và quan niệm của nhà nho đối với vận mệnh con người và nhân tình thế thái.

Nhưng những điều đó quá rõ ràng. Nó đã giống và còn giống rất nhiều đối với các tác giả khác tùy theo tài năng cảm hứng mà thành công nhiều hay ít khi *phương pháp chủ quan* và việc xây dựng *nhân vật cảm tình* còn áp dụng trong phép sáng tạo văn nghệ phẩm. Một điểm để biểu thị *rõ ràng* mà *hết sức kín đáo, tinh tế* nhiều người muốn đến, nhưng thật khó ai tới kịp — *kể cả thời đại chúng ta* — là phép dùng các danh từ và tiếng

xưng hô độc đáo của Nguyễn-Du.

Sự chính danh (hiểu theo hình thức) tôi muốn nhắc đến nằm trong điểm này. Khi Đức Khổng-Tử chép kinh Xuân Thu, ngài đã làm cho người đời phải nghĩ ngợi nhiều về ý nghĩa và vị trí từng chữ. Vì mỗi chữ có giá trị định rõ kẻ cao, người thấp, ai tà, ai chính. Cùng là sự *chết* mà bậc thiên tử (tất nhiên chân chánh) thì gọi là *băng*, vua chư hầu thì gọi là *hoảng*, mà ông vua cướp ngôi chết thì gọi là *tồ*... Dẫn một ví dụ nhỏ đó để ta hiểu rộng là mỗi mỗi sự việc nào cũng gây một ý niệm nhất định để chính danh gọi ra không lầm lẫn sự trung, nịnh, sang, hèn. Cho đến nỗi người đời sau đã phải giật mình nhận ra mỗi chữ của ngài có giá trị hoặc vinh như áo cồn hoa của vua ban hoặc nhục như phải tội búa rìu! Ở Nguyễn - Du, điểm khiến chú ý trong phép dùng đại danh từ là ở sự biểu thị việc ghét, thương khinh trọng rất phân minh mà do đó người ta còn thấy việc phân định trật tự xã hội phong kiến một cách rạch ròi.

Hai điều này : Sự ghét thương khinh trọng đối với cá nhân và trật tự phong kiến luôn luôn chống đối nhau rồi hòa hợp nhau đề nảy ra những đại danh từ là những tiếng xưng hô mềm dẻo, biến đổi, đã đưa Nguyễn-Du đến chỗ kỳ tài, khó còn một nghệ sĩ thứ hai sánh kịp tuy nhiều lúc ông tỏ ra ngang tàng, đứng đắn, rộng lượng, bao dung mà cũng không thiếu lúc câu chấp, hẹp hòi.

Về đẳng cấp xã hội trong trật tự phong kiến, ta thấy ông phân biệt con người ra làm nhiều hạng ; đối với mỗi hạng ông chỉ dùng một chữ đủ để biết hạng ấy có địa vị nào trong xã hội, có tài sản hoặc tư cách ra sao. Và đối với nhân vật ấy, qua sự biến đổi cách dùng, ta sẽ thấy rất rõ ràng tình cảm ghét, thương của tác giả.

Nhưng dù thương yêu tới đâu, cảm mến tới đâu thì cái hạng đàn bà gọi là cặn bã, tầm thường, nô lệ cũng đừng mong vượt ra địa vị của họ. Bởi vì ta có thể theo Thúy Kiều đến nhà Tú Bà lần đầu tiên để gặp « mấy ả mày ngài », thì trong lúc nàng bị đánh đập tơi bời, có người kỹ nữ tốt bụng đứng bảo lãnh cho nàng cũng chỉ

được ông gọi thon lỏn là « Bầy vai có ả (1) Mã Kiều », cũng lại ả mà thôi. Từ ngữ thứ hai là Mụ. Mụ rất phổ thông dùng để chỉ cái lũ *mụ* Tú Bà, Bạc Bà, « Mụ nào đưa người viễn khách » (Mã Giám Sinh) đã đành. Mà đến những người đáng trọng, đáng yêu như bà quản gia ở với mẹ Hoạn Thư, người đã lo lắng thuốc thang bày điều hay, lẽ thiệt cho Kiều cũng chỉ được ông gọi bằng *mụ* trong một câu thơ lạnh nhạt, lạnh lùng !

Quản gia có một *mụ* nào

Nhưng đối với đàn bà thế mà kẻ ra ông còn dễ dãi. Đàn ông vào loại này thì thái độ ông hết sức minh bạch, có khi ác liệt nữa. Kẻ bán tơ xưng xuất gia đình viên ngoại khiến cha con ông bị bắt, tác giả gọi ngay là : *thằng* bán tơ. Khuyển Ưng, Khuyển Phệ, những gia nhân tàn bạo dưới trướng *mụ* Hoạn thư, đã theo chủ thi hành độc kế, ông gọi bằng : hai *đứa*, bầy *côn* quang. Khéo léo một cách tàn nhẫn hơn, đối với Mã Giám Sinh, ban đầu ông gọi bằng một từ ngữ khá gọi cảm, nhưng không chủ định tài năng, địa vị nào : *viễn khách*. Trước

(1) Những chữ viết xiềng trong câu là do người biên khảo cốt để độc giả dễ nhận định.

khi họ Mã giở trò cò kè ra, ông vẫn một rằng *khách*, hai rằng *khách* duyên dáng. Nhưng tới khi Thúy-Kiều sa vào tay Mã rồi, ông không dấu điểm gì mà chẳng bật lên, như kẻ nín thở trước một biến cố mình không dừng được vì tính chất tâm thường dè tiện của nó đã phạm vào người ngọc :

... *Gã mã giám sinh*

Vẫn là một *dứa*...

Hết ! từ ngữ đã lột truồng hết « áo quần bảnh bao » của viên khách rồi ! Từ đây Mã chỉ còn là tên bọm bải.

Trên cái hạng Mã-giám-Sinh là Sở Khanh. Tuy y chỉ là một tên kiếm ăn miền Nguyệt hoa tồi tàn, song dù sao cũng là hạng có theo dõi nghiên bút, biết làm thi phú, « hình dong chải chuốt áo khăn dịu dàng » nên ông cũng có phần nhẹ tay, không liệt y vào *hàng* *ngũ* Mã giám Sinh. Tất nhiên ông cũng dùng phương pháp *trước nhẹ sau nặng*, nghĩa là bắt đầu, nào là !

Một *chàng* vừa trạc thanh
xuân,

nào là :

Trông *chàng*, nàng cũng
ra tình đeo đai

Nhưng đến khi « mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào » thì ông cũng hạ tay thay đại danh từ :

Dor *tường nghĩ* mời kiếm
đường tháo lui.

nhưng có ai ngờ trong cái tâm hồn hết sức phóng khoáng của thi sĩ Tiên Điền, sự phân chia đẳng cấp nhiều khi quá quắt đến thế. Vì ta không thể tưởng tượng cũng chữ *nghĩ* kia rõ Sở Khanh (một đại danh từ khá phổ thông ở miền Bắc Trung Việt dùng để gọi một nhân vật thứ ba, có giá trị như chữ *y*, chữ *giả*, chữ *va* ở miền trong. Tuy ngoài đời nó không hoàn toàn chỉ kẻ trung bình, tầm thường hoặc có tội lỗi v.v. song trong văn chương, nhất là loại văn tình cảm tao nhã nó chỉ dùng cho hạng trên này) ông cũng dùng chữ *nghĩ* ấy để gọi một người... người ấy mà tất cả chúng ta đều thương xót mà tác giả cũng hết sức xót thương, song chức tước chỉ đến hàng viên ngoại và tài sản chỉ mới « thường thường bậc trung » (1) :

(1) Địa vị tài sản của viên ngoại (một chức nhỏ, mua được, như chức bá hộ ở làng) không ăn nhập với ấn tượng Nguyễn-Du gây cho độc giả về lối sống đài các, nền giáo dục trăm anh, cùng khung cảnh trang lệ chị em Thúy-Kiều lúc ở nhà. Ta có cảm tưởng họ là con một thư quan khoa mục, giòng giới quan sang, tài sản trên bậc trung lưu-nhiều lắm. Sở dĩ có sự mâu thuẫn này là vì tác giả muốn đưa đến việc viên ngoại khi bị vợ vét là hết sạch và khi bị bắt thì đành cô thế khiến Thúy-Kiều phải bán mình, mà Kiều khi bán mình không thể tìm chồng.

Có nhà Viên Ngoại họ
Vương

Gia tư *ngỉ*...

Lẽ tất nhiên, ở chỗ khác, Nguyễn Du cũng đã gọi Viên ngoại bằng những chữ *ông* dịu dàng, đầm thắm hơn. Song do cái tiếng *ngỉ* xuất phát đầu tiên ấy — nhìn từ địa vị bậc thượng quan xuống hàng hương lý — đã cho thấy trong tiềm thức của thi sĩ, sự phân chia cấp bậc đã thâm căn, cố đế đến đâu !

Đã gọi chồng bằng *ông*, tất phải gọi vợ bằng *bà*. Nhưng ta không thể nào lầm lẫn chữ *bà* dẫn dụ — *bà* viên ngoại. ấy với cái chữ *bà* sau đây, theo một lối xây dựng tuyệt bút của bậc thầy để đánh mạnh vào cảm giác con người :

Ban ngày sấp thấp hai bên,
Giữa giường thất bảo, ngồi
trên một *bà*.

Một *bà* ! Một *bà* gì trong khung cảnh vô cùng lộng lẫy mà kỳ bí đó ? Một nữ chúa, một vị thần hay một yêu tinh ? Chúng ta sẽ không nghe tác giả dùng từ ngữ nào để cho biết ý kiến của ông đối với *bà* ta trong tình trạng tôn kính, cao quý đó. Nhưng khi Hoạn Thư đến với mẹ — tức là cái *bà* hiển hiện trên kia — khi mẹ con trò chuyện, trớ trêu và

sau cuộc mưu hại Thủy-Kiều, thì tác giả cho ta biết người ấy là ai. Tất nhiên chúng ta không thể quên đó là một mẹ đàn bà xảo quyệt, nham hiểm, độc ác đã nuôi cướp trong nhà, sai tội *côn quang* ấy đi bắt Kiêu như bắt giặc — còn hơn chính mẹ ghen chứ không phải con mẹ — rồi còn sai gia nhân lấy gậy tre đánh cho nàng : « *ba chục biết tay một lần* ». Nhưng Nguyễn-Du còn dám gọi *bà* là cái gì, khi mà :

Ngang trông tòa rộng, đầy
dài,

« Thiên quan chủng tế » có
bài treo lên.

Phu nhân !

Phải. Địa vị một người khoa chỉ đến tam trường (tú tài) hoạn chỉ đến cai bạ (bổ chánh) thì dẫu là danh nhân cũng phải nhờ « *Thiên quan chủng tế* » là gì, *Lại bộ thượng thư* là gì chứ. Cho nên thi sĩ lại hạ bút về mẹ một cách hiền hòa :

Phu nhân mới gọi nàng
(Kiêu) ra dạy lời.

Mẹ đã được gọi bằng *phu nhân*, tất con phải gọi bằng *tiểu thư*. Hình như Nguyễn-Du đối với con người cao quý thứ hai ở dòng dõi thế phật,

trăm anh này, ông cũng không nỡ dùng một từ ngữ nào khác chữ *tiểu thư* để gọi nàng. Cũng có một lần, ông gọi bằng nàng ở giữa câu, trong trường hợp một câu trống, câu *mai* song hành :

Roi câu vừa dóng dặm
trường.

Xe hương, nàng cũng
thuận đường qui ninh.

Và một lần khác quyết liệt hơn, khi nàng bị đưa ra trước mặt Kiều và Từ Hải tác giả chỉ gọi trống không tên của nàng.

Hoạn thư hồn lạc, phách
xiêu

Sở dĩ có sự gọi trống không tên cùng com của *Hoạn thư*, một là vì chữ *tiểu thư* đã bị Thúy Kiều dùng trước một cách xách mé, mỉa mai nhưng không phải thiếu sự nề nang ngấm ngấm :

« *Tiểu thư* cũng có bây giờ đến đây ? » hai là ông muốn tỏ ra cái thái độ của mình phần nào đối với nhân cách của *Hoạn Thư*. Dù sao, sự gọi thẳng tọc danh như thế, ông chỉ làm đối với *Hoạn Thư* mỗi một lần — chứ đâu dám đối với mẹ *Hoạn Thư* hay với Hồ Tôn Hiến sau này.

Không biết tôi có làm không khi tôi lần thẩn đếm những

câu có chữ *tiểu thư* mà tác giả dùng để gọi *Hoạn thư* trong phần trước truyện *Kiều* : 17 lần ! Mà chỉ trừ một câu tiếng *tiểu thư* là *túc từ*, còn tất cả đều là *chủ từ*.

Có người sẽ bảo : Gọi *Hoạn thư* bằng *tiểu thư*, phải chăng Nguyễn-Du muốn tránh cho người ta khỏi lầm với chữ *nàng* dành cho *Thúy - Kiều* trong nhiều trường hợp dụng đầu ? Tôi tưởng nếu nói thế, ta chưa khám phá được hết những bí ẩn trong tư tưởng Nguyễn-Du.

Muốn rõ tư tưởng ấy hơn, tưởng phải tìm hỏi Từ-Hải và Hồ-Tôn-Hiến.



TỪ-Hải là tình nhân của *Thúy-Kiều*. Trừ anh chàng họ Sở, tất cả những anh chàng đã đến trong đời *Kiều* đều bắt đầu bằng chữ *khách* không chỉ định rõ rệt đề rồi sau đó, ta sẽ tìm hiểu thêm. *khách* *biên* *đình* đi vào đời *Kiều* khác hẳn cái lối *chàng* *dị* *dàng* thân mật của « *Khách đà xuống ngựa* » Kim - Trọng, hoặc cộc lốc, chương kỳ như « *Viễn khách tiến vào vấn danh* » đề rồi thành *đưa*, thành *gã* Mã Giám Sinh, cũng không « *trăm nghìn đồ một trận cười* » đề buông

xuôi như chàng khách du họ Thúc. Từ-Hải khó gọi là gì quá trong bước phong trần. Ở đây ta mới thấy rõ thái độ của tác giả đối với một tiếng xưng hô, mà ông quá ư cân nhắc. Chắc hẳn ông đã suy nghĩ, lựa chọn hẳn khoản khá nhiều trước khi quyết định gọi con người cao lớn, thêm râu hàm én, thêm chí « Dọc ngang trời rộng, vẫy vùng bể khơi » ấy là gì khác hơn cái họ của chàng. Gọi người chỉ bằng họ tức là ngấm ngấm đã có sự tôn xưng kẻ ấy, nhất là khi kẻ ấy chỉ là bạch đình. Thế là lập tức ta nghe một Từ rằng, hai Từ rằng một cách cởi mở sáng khoái, hào hùng. Và rồi chỗ tối tăm, lẫn khuất, người anh hùng thành công triệu vời Kiều đến nơi rực rỡ cao sang, con người có binh hùng, tướng dũng trong tay *thân phận có khác đi*, thì thi sĩ cũng đòi ngay tiếng gọi cho nó xứng hợp với người mà cũng cả với lòng mình :

Kéo cờ lũy phát súng
thành,

Từ công ra ngựa thân
ngheh cửa ngoài.

Từ công !

Thật là bao dung rộng rãi tấm lòng thi sĩ ! Ông đã dùng cái chữ mà ông riêng dùng để gọi những kẻ quyền quý như

Hồ-tôn-Hiến (1) cho con người cầm quân *nổi loạn* chống lại triều đình. Không phải ta sẽ không gặp lại chữ *Từ* thân mật cũ nhiều lần nữa, nhưng tưởng như thế cũng đủ để thấy trong con mắt ông, trong chỗ sâu thẳm của lòng ông, cái tài năng, cái nhân cách, cái phẩm giá của họ Từ đâu có thể xem thường được.

Và bởi lẽ Từ Hải được tôn xưng Từ công nên ta cũng phải mỉm cười khi thấy tác giả cũng tôn xưng Thúy-Kiều — một lần kỳ lạ trong đời nàng — lên địa vị phu nhân trong cuộc trả ân trả oán, giữa cảnh gươm trần giáo dựng.

Từ công sánh với *phu nhân* cùng ngồi.

Mà ở Thúy-Kiều, nàng cũng thay đổi cách xưng hô với chàng. Nếu trước kia, khi chàng rút áo ra đi sau « nửa năm hương lửa đương nồng », nàng xưng hô :

Chàng đi, thiếp cũng một
lòng xin đi.

Thì khi chàng chết, nàng sắp nhảy xuống sông Tiền đường, trong khi lòng tự nhủ lòng, Thúy-Kiều — ngoài nhiều

(1) Chữ công, ngoài Hồ-tôn-Hiến còn một lần dùng để gọi một ông lại già có đức độ : Chuong-công, người giúp kế cho Vương ông thoát nạn.

trường hợp hãn hữu và ý vị mà Thủy-Kiều được gọi *phu nhân* (chỉ có nghĩa là vợ quan chứ không phải tiếng tôn xưng) để sánh vai cùng *Từ-công* ngồi xử án, tất cả nhân vật cảm tình này vẫn trước sao, sau vậy. Vẫn *Chàng* và *Nàng*. Nếu ban đầu, ta gặp « *Chàng* Vương quen mặt ra chào », hoặc « *Chàng* Kim từ lại thư song » thì đến khi thi đỗ, làm quan cũng vẫn thế mà thôi. Không bị hạ bệ như Mã, Sở đã dành, họ cũng không được lên một bước như kiêu Từ công. Họ vẫn là :

Chàng Vương cũng cải
nhậm thành Phú-Dương.

Hoặc :

Nọ *chàng* Kim, ấy là người
ngày xưa.

Phu nhân Thủy-Vân, cũng chỉ được gọi một cách vô cùng thân mật :

Đứng lên, *Vân* mới giải
bày một hai.

Những khía cạnh tâm tư nào đó của Nguyễn-Du bày tỏ rõ ràng. Ông muốn giữ nguyên vẹn cảm tình như nước suối trong lọc qua cát mịn tự thuở đầu của họ mà cũng là của riêng đời ông nữa : những kỷ niệm của một mối tình êm ái hay chính những hoài vọng một mối tình Kim-Trọng, Thủy

Kiều ở tận đáy tâm hồn tuổi xanh ông vọng lại ?



Sự dùng đại danh từ trong truyện Kiều biểu thị tư tưởng đẳng cấp xã hội của tác giả và các mối cảm tình của ông đối với từng nhân vật thật là thâm thúy. Sự khen, chê, tán thành, phản đối hết sức phân minh xuất phát từ một tâm hồn tế nhị, thâm trầm. Tôi tưởng nếu ta muốn biết tổng quát ý kiến tác giả đối với một nhân vật nào, chỉ cần chấp các từ ngữ dùng cho nhân vật theo thứ tự trước, sau :

Vi dụ : *Sở* Khanh = chàng,
chàng, nghi.

Từ-Hải = Từ, Trượng phu,
trai anh hùng,
Từ công, Từ.

là có thể biết ngay đời kẻ kia lên xuống ra sao cùng các biến chuyển tình cảm tác giả thế nào rồi.

Đại danh từ và tiếng xưng hô trong truyện Kiều còn nhiều lắm. Nhất là những *lời mà các nhân vật gọi nhau, xưng hô với nhau*. Giả chúng ta bỏ công nghiên cứu thêm cũng không phải thừa để hiểu rõ cái tài phù thủy biến hóa không lường và do đó hé thêm

những trạng thái tâm lý tài tình của ông.

Tôi sở dĩ dừng lại ở đây vì

tôi nghĩ những nguyên tắc căn bản về phép dùng loại tiếng

ấy đã được trình bày.

LỤC VÂN TIÊN : TƯ TƯỞNG BÌNH DÂN, SỰ TỰ Ý THỨC CÁ NHÂN VÀ CÁC MỐI TÌNH CỐ TÍNH CHẤT VIỆT-NAM

I

Trong Lục Vân-Tiên, phương pháp tác giả dùng để nhìn nhân vật khác hẳn truyện Kiều. Ta có thể tóm tắt: Tác giả gọi nhân vật hầu hết bằng tên: *Tiên*, *Trục*, *Hâm*, *Kiểm*. Nếu là những ngư tiều hay thường nhân thì lấy nghề nghiệp của họ mà gọi. *Quán* rằng, *ngư* rằng, *tiều* rằng v.v... Các thầy bói, thầy pháp, điều tra cũng được gọi *thầy* như đấng tôn sư khả kính của Vân Tiên. Những kẻ trưởng thượng cũng không phân biệt tốt xấu. Cho nên ta gặp bậc cha hiền của Lục Vân Tiên trong chữ *Lục ông*, thì ta cũng gặp người cha điều tra của Bùi Kiệm trong lốt *Bùi ông*. Những bậc quyền quý, không cần biết tư cách riêng tây, cho nên kẻ đường quan khả ái cha Nguyệt Nga và kẻ hưu quan khả ố cha Võ - thế - Loan cũng đều được gọi bằng *công*. Mà dấu vô hạnh như Võ - thế - Loan,

đức hạnh như Kiều Nguyệt Nga, vinh nhục khác nhau chứ đại danh từ dùng để gọi họ thì từ đầu đến cuối cũng không thay đổi. Ở Võ - thế - Loan, kết cuộc là:

Thấy hai con cọt chạy ra
đón đảng

Thầy đều bắt mẹ con *nàng* thì ở Nguyệt Nga, vòng hoa vinh quang vẫn không thay đổi cách xưng hô:

Các quan đi họ cưới *nàng*
Nguyệt Nga.

Đã hiểu cách cư xử của thi sĩ đối với Võ - thế - Loan như thế, thì ta cũng hiểu dùm lối ấy đối với Thái sư hoặc Trịnh Hâm (1).

(1) Có lần ông gọi Hâm và Kiệm là đứa trong câu « Kiệm Hâm là *đứa* so đo » và sau này, khi Hâm mưu sát Lục Vân Tiên ông gọi là *gã* « Vân Tiên bị *gã* xô ngay xuống vờ » song những từ ngữ này vẫn dùng cho người khác một cách hiền hòa « *gã* Vương Tử Trục », « một *gã* con trai ».

Tất cả đều ít thay đổi dù có kẻ nên quan cao chức cả như bọn Tử Trục, Hồn Minh hoặc rơi xuống tội ác như Võ công, Trịnh Hâm. Đáng ngạc nhiên nhất con người ta không chờ thay đổi tí nào thì bị đổi thay: ấy là Văn Tiên. Từ khi chàng đỗ *trạng nguyên* đi dẹp giặc, tác giả lấy luôn cái danh vị mới ấy để nhiều lần thay tên Văn Tiên. Chúng ta đều hiểu tác giả muốn tôn thêm cái « bề thế » của con người hiển đạt để gây thêm phần hào hứng cho quyền truyện về sau. Vả chăng, chữ *trạng nguyên*, dù là một cấp bằng, nhưng đối với toàn thể người xưa: học sinh, nhân dân, nó là một danh hiệu gọi nhiều thì từ hơn là quyền thế. Đọc đến chữ *trạng nguyên*, người ta không thể nào không cảm hứng nghĩ đến cảnh xem hoa ngự uyển, ăn yến vua ban, qua phố cho thực nữ gieo cầu, về làng vinh qui bái tổ...



NHỮNG điểm trên đã cho ta thấy phương pháp của tác giả dùng có vẻ khôn khéo và cần thiết cho một quyển tiểu thuyết quan trọng mà tưởng

đến nay cũng chưa ai có thể làm hơn thế. Đó là một phương pháp hết sức tiến bộ chứng tỏ phần nào quan niệm khách quan về xây dựng nhân vật, và tư tưởng dân chủ của tác giả. Tôi nói khách quan bởi trong tiểu thuyết, cái tư tưởng tôn xưng và miệt thị đối với nhân vật bằng đại danh từ của Nguyễn Du thật tài tình đến chỗ tuyệt luân, biểu thị tư tưởng thâm kín ghét thương của tác giả, thì tuy « rằng hay thì thật là hay » nhưng tất cả đều phải chấm dứt cùng thời đại cũ. Ngày nay, tất cả các nhà văn đều mong đạt tới sự làm sao thể hiện con người theo tự nhiên, không phân địa vị, không cần cho biết tác giả thương ghét ra sao mà độc giả tự nhiên thấy phải ghét, phải thương. Muốn thế, vấn đề trước tiên là phải dùng các đại danh từ chỉ về nhân vật hoặc dùng cách xưng hô (của tác giả) hết sức giản dị, khách quan. Nghĩa là phải đi đến những từ ngữ *il, elle, she, he* của Pháp, Anh, Nếu tôi không lầm thì chính người Trung-hoa cũng muốn vượt qua cái kho đại danh từ vô cùng phong phú của họ để đạt tới chữ tha: 他: cho đàn ông, cho mọi người, 她 cho đàn bà, 牠

cho loài vật (1) (tức là tiến tới khách quan hóa, dân chủ hóa lối gọi mà đồng thời cũng cả về chính tả văn phạm hóa nữa).

Tất nhiên có người cho là còn gọi họ Võ, họ Kiều bằng công là chưa hết tư tưởng phân biệt. Tôi không cố tình bào chữa, song tôi nghĩ trong óc Nguyễn-dinh-Chiều, sự gọi công là một thói quen văn chương đối với các bậc có địa vị. Vì nếu ông có tư tưởng đẳng cấp như Nguyễn Du, tất

khi gọi Thái Sư hay vua Sở, ông đã không gọi ngay là: Thái Sư hoặc Sở Vương một cách đơn sơ như vậy. Vả chăng, chúng ta có thể đòi hỏi gì hơn ở một thời đại mà người đòi xét giá trị con người qua chức tước, địa vị như thế nào, mà một chữ *chết* của bậc quyền quý viết khác dân đen thế nào, mà kẻ trung người nịnh phân biệt ra sao thì ta chỉ có thể cảm phục nhà văn Miền Nam đã tiến một bước quá xa trên địa hạt này.

II

LẠI cũng trong đại danh từ và tiếng xưng hô của các nhân vật đối với nhau (chứ không phải như phần trên, tác giả đối nhân vật) thì Nguyễn-dinh - Chiều càng khác xa Nguyễn - Du trên hai mặt : a) Cụ thể hóa các ngôi thứ phát biểu trong khi Nguyễn-Du trừu tượng hóa, d) dùng nhiều đại danh từ hoặc tiếng xưng hô làm chủ từ cho câu phát biểu trong khi Nguyễn-Du cố gắng tỉnh giảm.

Tôi tưởng chỉ cần dẫn ra đây hai đoạn so sánh, hai đoạn cùng nói về sự gặp gỡ trai tài, gái sắc. Tất nhiên Thúy - Kiều gặp Kim - Trọng trong một hoàn cảnh nên thơ,

một buổi chiều yên lặng, một quen biết âm thầm nảy ra một mối tình không nói không lời nên ta chẳng biết họ xưng hô ra sao đã đành. Chứ như khi đã mượn trâm vương cảnh đào làm mối lái, rồi Thúy - Kiều sang nhà Kim-Trọng, nào thế nguyên gấn bó, nào vịnh thơ, đánh đàn mà tuyệt nhiên ta

(1) Về đồ vật thì có chữ 它 tha. Nhân đây, tôi cũng góp thêm ý kiến trong việc tìm đại danh từ : Theo chỗ tôi biết, trước kia, người Trung Hoa cũng dùng nhiều cách xưng hô phức tạp mà 它 tha chỉ dùng để chỉ kẻ trung bình, tầm thường, hèn hạ. Vậy không hiểu họ đã dùng phương pháp nào nâng nó lên hàng *đại danh từ chính thức*. Điều này sẽ giúp chúng ta giải quyết được khá nhiều cho công cuộc sửa đổi để dân chủ hóa, các đại danh từ của các tác giả Việt-Nam.

sẽ cho thi sĩ quá nghèo từ ngữ tượng trưng để gây rung cảm êm ái, nhẹ nhàng. *Tôi*. Quả thật nó chan chất đập vào tai kẻ sành âm vận.

Nhưng đối với chúng ta ngày nay, những tiếng tôi dần dị đó có một giá trị khác hẳn. Nó chứng tỏ việc đầu tiên là thi sĩ đã có gan dùng một từ ngữ thích đáng nhất, hợp lý của muôn đời nhất mà ông cha ta thích theo lối Tàu đã bỏ quên khi ngôi thứ nhất tự xưng trong trường hợp đó. Nó còn tiến bộ hơn chính văn chương bình dân vốn trọng thực tế mà nhiều câu cũng đầy rẫy *thiếp*, *chàng* phi lý. Việc thứ hai, nó chứng tỏ sự tự ý thức cá nhân của nhân vật rõ ràng, điều mà đến thế kỷ này, khi văn chương Pháp tràn vào, chúng ta mới hiểu vỡ ra. Bởi vì, từ bao nhiêu năm, hầu hết nhân vật chỉ lơ mơ biết mình trong cái *ta* trừu tượng và khi chỉ biết *ta* thì cá tính suy nhược để nhường cho gia đình tính, đẳng cấp tính hay ước lệ tính. Chữ *tôi* của hai miệng tờ, thầy nói ra còn làm cho ta thấy tính cách dân chủ của Kiều-Nguyệt-Nga nhất là khi ta biết cả hai người cùng ngồi chung trong một xe (mặc dù sau đó không ai đẩy xe, Nguyệt-Nga phải bảo Kim-Liên đẩy); mà nhất là câu hỏi của Vân-Tiên: « Hai nàng, ai tờ,

ai thầy nói ra » thì chắc không phải chỉ vì Kim-Liên xinh đẹp (1) mà còn vì lối phục sức của nàng không quá cách biệt chủ nàng.

Cũng do sự ý thức « *tôi* » rõ ràng như thế nên ta bớt ngạc nhiên trước một cử chỉ có lẽ từ trước đến nay, văn chương cổ điển Việt-Nam chưa hề có, mà có lẽ cả trọng văn chương Trung-Hoa cũng ít thấy xảy ra: sự biết ơn hăng hái và sự tỏ tình quyết liệt của Nguyệt-Nga trước thái độ nghiêm chỉnh, trốn tránh của Vân-Tiên. Vân-Tiên quả không kịp nghĩ ngợi... Mà sự tỏ tình đó còn đáng ngạc nhiên xiết bao khi ta biết nàng không hẳn hoa vô chủ: chính lần này nàng đi là theo tiếng gọi của cha:

— « Rước tôi qua đó tiện bề
nghe gia »

Mặc dầu nàng không phải không biết gì nghi lễ:

— Làm con dâu dám cãi cha,
Vị dầu ngàn dặm xông pha
cũng đành.



Chữ *tôi* trong Lục-Vân-Tiên còn là một đại danh từ họ

(1) Điều kiện để sau nàng thay Nguyệt-Nga trá đảng Phận chúa.

Lục rất hay dùng. Mà dùng đối với ai? *Với cả thầy, cả cha.* Những ai ở trong gia đình phong kiến tất lấy làm lạ đã đành mà cả những người sinh trong thời chữ *mới*, chữ *je* rất thịnh hành, có óc phóng đạt, sống trong gia đình không câu nệ, vẫn cứ ngạc nhiên. Có người sẽ hỏi: Có lẽ ở vào thời đó, họ chưa dùng chữ *con* khi tự xưng với cha mẹ, thầy học? (1) Không, vì có lúc Văn-Tiên vẫn xưng với thầy học là *con*:

« Xin thầy nói lại âm hao *con* tường. »

Còn Nguyệt-Nga thì đối với cha, mỗi tiếng nàng một xưng *con*.

Tôi không phê bình phương diện luân lý của cách xưng hô này. Tôi chỉ nêu ra một hiện tượng: cho đến những năm rất gần đây, một số người chủ trương phát triển tinh thần dân chủ giữa thầy trò (nhất là các thầy giáo quá trẻ, có khi trẻ hơn trò) khuyến khích sự dùng chữ *tôi* khi học sinh tự xưng đối với thầy. Thế mà bước tiến bước lùi, đầu hoàn đấy: trò vẫn xưng *con* tuy có người đã đáng bậc anh của thầy! Có thể nào tinh thần thầy trò của cổ thời lại ít câu nệ hơn chính thời mới gọi là Dân chủ? Mà ông đồ Nguyễn-dinh-Chiều chẳng

lẽ không hiểu hơn ai hết điều đó hay sao?

Từ cái *tôi* đối với cha mẹ, thầy giáo còn nghe được. Chữ *tôi* đối với cả Sở-Vương thì chỉ làm ta hoàn toàn ngạc nhiên! Trong óc chúng ta có một trăm tuổi hát, một nghìn quyển truyện Tàu. Mà chưa cần dỡ ra, chúng ta đã biết ngay, như một định kiến bất di dịch, là quan với vua phải xưng *thần*, *hạ thần* và hô *bệ hạ*, *thiên tử*, *cửu trùng*, *thánh chúa*. Nhưng Lục-Văn-Tiên với nhà vua vẫn nói *đàng hoàng*:

Trịnh Hàm là đứa gian tà
Hại *tôi* buổi trước cùng *đà*
ghe phen.

Điều này — việc quan xưng *tôi* — dù chúng ta chưa tin hẳn đi nữa, ít ra cũng bắt ta nghĩ là những chữ *thần*, *hạ thần*, *cửu trùng*, *thiên tử*, v.v... chỉ là chữ trong sách tàu, trong sớ, hiểu... Còn nhất định trong lúc nói thường, như Văn-Tiên đối diện Sở-Vương, hễ *tôi* đứng trước nhà vua, tất có những chữ dùng rất thông thường dân dị (2). Vậy dù các cách xưng

(1) Nhiều chữ xưng *hô* mà ta tưởng có từ nghìn năm như *cụ lớn*, thật ra mới được đặt gần đây. Trước, người ta gọi các đại thần là *quan lớn* (Theo lời một ông cụ tám mươi tuổi).

(2) Ta có thể xét lối xưng hô ở trong cung cố-đô Huế thì biết.

hò của Văn-Tiên không hoàn toàn đúng lối xưa, ít ra ta cũng biết chắc lối xưng hô xưa theo sách vở cũng không đúng hoàn toàn. Mà những tiếng xưng hô : *vua — thầy — cha : tôi* (quân sư phụ) tự nó đã nói lên một cái gì thân mật hơn là những *tôn sư, thân phụ, thánh đế* rất Tàu và kiêu cách, và sách vở.



Từ *tôi* đối với các bậc trên, ta tìm hiểu thêm chữ *tôi* đối với bạn bè.

Có người nói nước ta từ trước đến nay giữa bạn bè chỉ có tình *huynh đệ*, rồi đến khi Pháp tới, tình *tôi, moi* ; sau biến cố 1945 lại nhập cảng thêm thứ tình « đồng chí »... Ngoài ra thì rất những *mày tao chỉ tớ*. Lời phê bình đó không đúng hẳn song nó cũng phản ánh ít nhiều sự thật. Cái tình bạn bè trong quan niệm *huynh đệ* suốt ngàn năm, cho ta cảm tưởng dù thân mật mà nghiêm trang ; cái tình *tôi, moi* cũng thân mật mà có vẻ suồng sã (tuy tính chất của Pháp không như thế) ; cái tình *đồng chí* cũng có thể thân mật nhưng khắc khổ. Lục-Vân-Tiên cho chúng ta biết điều nhận xét kia sai. Tình bạn xưa không phải chỉ thu gọn vào thứ tình

tiêu biểu trong bài khóc Dương Khuê của Nguyễn - Khuyến ; không phải chỉ có lối xưng hô bác bác, tôi tôi, huynh huynh đệ đệ. Mà hình như người Việt-Nam cho đến ngày nay cũng chưa biết bè bạn có thể có thứ tình nào, mà muốn có thứ tình nào phải có sự *xưng hô tương xứng thế nào*. Chúng ta phải thú thật chúng ta đều ngượng miệng khi chơi thân với nhau mà phải gọi *tôi, anh*.

Lục-Vân-Tiên của Nguyễn-đình-Chiều không ngạc nhiên chút nào, trái lại rất bao dung đối với lối xưng hô đúng nhất trong tình bằng hữu này. Bạn bè trong ấy đều gọi nhau bằng anh và tự xưng *tôi* rất dãn dị, rất Việt-Nam. Chính tên phản bạn Trịnh-Hâm đã từng bị chính :

« Ai mượn kêu *anh* »

Cái chữ *anh* (1) đẹp để tiêu biểu cho những mối tình chân thật không thể bị lạm dụng. Kẻ đã lạm dụng, tất không hiểu nó một cách sâu xa nên khi gặp biến thì cũng hạ mình :

Vốn *em* mới đại một lần
xin dung.

Kẻ đã biết gọi nhau *anh tôi* tất nhiên cũng phải có mối tình

(1) Chữ *tôi* anh trong Lục-Vân-Tiên bao hàm thứ tình camarade và ami của Pháp : bạn, đồng chí, bạn thân.

xứng đáng với nó, thể hiện trong tiếp xúc. luận đàm chơi đùa, giúp đỡ.

Đây, chúng ta dự vào cái tình *Tôi Anh Văn Nhân* của Văn-Tiên, Tử-Trực :

Cùng nhau tả chút tình
hoài

Năm ba chén rượu, một vài
câu thơ.

Đây, cái tình *Anh Tôi vui đùa* (chứ không phải bao giờ cũng đạo mạo, nghiêm trang) giữa Tiên, Trục, Hâm. Kiệm :

Hai người lại gặp hai
người

Đều vào trong quán vui cười
ngả nghiêng

Đây, vẫn tình *Anh tôi khi tưởng kẻ khuất người còn*, Tử-Trực mắng Thề-Loan vì hương hồn của bạn :

« Mồ chồn ngon cỏ còn
tươi

Lòng sao mà nữ buông
lời nguyệt hoa »

Trong văn chương kim cổ của ta, trước khi *Tự Lực* văn đoàn ra đời, phải chăng chỉ có *Lục Văn Tiên* mới cho chúng ta biết rằng người Việt-Nam vốn có một mối tình mà đến nay, chúng ta chỉ có thể đứng đắn, nghiêm chỉnh học hỏi, phát huy đến tận cùng

để tận diệt những lối xưng hô lai căng, sỗ sàng, kiểu cách ?



TÔI tạm dừng lại đây. Trong cách xưng hô với nhau của các nhân vật, tôi mới thử tìm hiểu một tiếng *tôi*. Còn bao nhiêu cách xưng hô khác phải mất nhiều trang giấy, nhiều suy ngẫm mới nói hết được. Mà Lục-Văn-Tiên thì tiếng đại danh từ và tiếng xưng hô vô cùng phong phú. Phong phú hơn bất cứ quyển tiểu thuyết mới nhất, bạo nhất nào từ xưa đến nay (kể cả những quyển viết theo lối hiện thực) trên văn đàn Việt-Nam. Tiếng xưng hô giữa nhân vật của ông cũng hết sức Việt-Nam, nghĩa là thay đổi tùy theo hoàn cảnh của con người (1). Ví như lần đầu gặp Văn-Tiên, Nguyệt-Nga xưng :

Tôi > chút tôi > thiếp > tiện thiếp

Ta sẽ thấy sự chưa thuần nhất, do ảnh hưởng văn học Trung-Hoa còn đè nặng trên tinh thần Việt. Nhưng ta cũng thấy ngay những biến chuyển tình cảm thay đổi khiến nàng cũng

(1) Chú ý ! Phép tác giả dùng gọi nhân vật thì phải khách quan. Mà phép nhân vật dùng gọi nhau thì phải theo tình cảm chủ quan. Đó là phương pháp khách quan nhất.

đổi thay luôn cách xưng. Tất nhiên tác giả cũng phạm rất nhiều khuyết điểm và nhiều chữ có lẽ chưa được chuẩn xác như Nguyễn-Du. Song ông « khác nào Triệu-Tử vượt vòng Đương Dương » để đưa bao nhiêu đại danh từ mới mẻ, thực tế vào thơ, nhờ đó thể hiện *vừa tinh tình nhân vật trong truyện, vừa vừa tinh tình nhân dân miền Nam vừa phong phú hóa kho từ ngữ Việt-Nam.*

Sự thành công lớn lao của ông về phương diện này sở dĩ mà có bởi bản tình bình dị, thích gần mọi người, thích thông cảm mọi người của ông đã dành mà còn bởi tư tưởng bình dân trong một hoàn cảnh xã hội nông nghiệp, mới mẻ với những dân đi khai phá đã ảnh hưởng tới ông.

Những điểm này còn khá dài; khi luận chung về Nguyễn-đình-Chiều tôi sẽ đề cập. Ở đây tôi chỉ ghi thêm mấy nét về lý do tại sao thi hào Nguyễn-Du và thi sĩ Nguyễn-đình-Chiều lại có sự khác nhau như trên. Tất nhiên tại tâm hồn và hoàn cảnh hai thi sĩ khác nhau rất nhiều :

Một người hoàn toàn thiên tình cảm dù nặng ý thức đẳng cấp xã hội ; một người thiên về lý trí mặc dù nặng sự ghét thương. Một người chú ý đến

các biến chuyển phức tạp tâm lý bên trong ; một người thích nhìn ra nhân tình thế thái. Một người muốn đi tới cái tinh túy của thi ca và đưa tiếng Việt đến chỗ diễn tả được những trù tượng, thơ phải dành riêng cho những người học thức có tâm hồn rung cảm vì thơ ; một người muốn xem thơ là sự biểu thị tư tưởng tình cảm chung, muốn dùng tiếng Việt diễn tả được tình đời dẫn tới sự cụ thể hóa đạo lý, muốn thơ là văn nghệ phẩm dùng cho mọi người, kể cả kẻ không biết chữ, một người thụ hưởng tất cả kinh nghiệm sáng tác của tiền nhân, dân chúng, bạn bè, ở một khu vực mà tiếng nói đã đi tới chỗ tinh luyện ; một người ở một nơi chưa có bao nhiêu trí thức, chưa có thi sĩ tiếng tăm, đất đai mới định, dân trí chưa mở mang nhưng tinh thần mới mẻ, ít thành kiến, với một tiếng nói đầy từ ngữ chưa qui định.

Phân biệt hai người dễ thấy rõ một người. Nguyễn-đình-Chiều đã gặp bao nhiêu trở lực. Nhưng những thí nghiệm của ngòi bút ông chỉ có thể cho ta biết là ông đã không lằm. Và ông mới lằm đối với chúng ta.

TÓN - THỌ - TƯỜNG

CÓ KHÓC PHAN - VĂN - TRỊ KHÔNG ?

TÓN-Thọ-Tường là ai ?
Phan-Văn-Trị là ai ?

Nhắc đến hai ông trên này, hẳn đồng bào miền Nam không ai còn lạ mấy, nhất là cuộc bút chiến giữa hai ông đã xảy ra trong khi người Pháp mới tràn lên đất này. Một bên, ông Tường ra theo Pháp muốn che dấu hành động của mình bằng cái thuyết « ngộ biến tòng quyền ».

Một bên, ông Trị chống lại, cho Tường là một tên phản quốc, ông chủ trương nhất định không ra hợp tác với kẻ thù dân tộc. Về thân thế và sự nghiệp của hai ông cũng như về các thi phẩm, từ trước đến nay người ta đã nói đến rất nhiều, mà bàn cũng rất lắm. Nhưng có một điểm không biết ai đưa ra trước mà đã làm cho một số người hiểu lầm là khi ông Phan-Văn-Trị mất, ông Tón-Thọ-Tường làm một bài thơ nhan đề là « Hán-Cao-Tồ khóc đau Hạng-Vương » đề diếu Phan-Văn-Trị. Nguyên văn bài thơ ấy như sau :

« Trăm hai non nước một gươm thần,
Hết giận thôi mà khóc cổ nhân.
Con mất bốn người nhìn với mặt,
Cái thân tám thước tử nào thân.

Bát canh Quang-Võ ơn còn nhớ,
Chén rượu Hồng-Môn lụy khó ngăn.
Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo,
Mặc ai rằng già mặc ai chân. »

Hán Cao-Tồ với Sở Hạng-Vương là hai người cùng khởi nghĩa đánh Tần và kết làm anh em. Nhưng khi phá được Tần rồi thì vì quyền lợi xung đột nhau, rồi gây ra chiến tranh với nhau. Cuộc chiến tranh Lưu, Hạng này kéo dài đến 5 năm mới dứt. Kết quả Hán-Cao-Tồ lấy được thiên hạ về tay mình. Còn

Hạng-Vương thì phải tự vẫn ở Ô-Giang. Quân Hán đem thủ cấp Hạng-Vương về dâng Hán-Cao-Tổ. Nghĩ lại tình cũ nghĩa xưa, Hán-Cao-Tổ khóc rất thảm thương, khiến cho ai nấy đều mũi lòng sa lụy.

Bài thơ trên của Tôn-Thọ-Tường kể lại sự tích ấy. Theo tôi thì chỉ là một bài thơ vịnh sử của Tôn. Còn nói rằng đề vịnh sử nhưng mà cũng đề khóc Phan-Văn-Trị nữa thì thật là phi lý.

Phi lý về nội dung, vì Tôn-Thọ-Tường trong bài « Tự-Thuật » đã nói mình là kẻ thân còn chẳng kể kể gì danh. Như vậy, Tôn không thể và cũng không dám đặt mình vào địa vị như địa vị Hán-Cao-Tổ, đề đối với Phan-Văn-Trị được. Phan-Văn-Trị là người chống lại tư tưởng và hành động của Tường một cách dữ dằn hơn ai hết ở đương thời. Nhưng họ Phan phải đầu ở vào cái thế của Hạng-Vương. Hán-Cao-Tổ đánh thắng được Hạng-Vương lấy được thủ cấp của Hạng-Vương. Còn Tôn-Thọ-Tường thì sao? Ông đã không thắng nổi Phan-Văn-Trị ở trong cuộc bút chiến. Mà dù sao, chính ông cũng đã tự nhận mình là kẻ bất chính, kẻ theo quân xâm lược, kẻ lỗi đạo hăng. Rồi đi đến kết luận, ông đã lên tiếng trước dư luận cho việc làm của ông cũng không khác nào như việc làm của Tì-Thứ khi xưa phải bỏ Lưu-Bị theo Tào-Tháo. Thứ không còn thì hành được cái gì để giúp ích cho Lưu, thì khi về Ngụy ông sẽ cam tâm làm một đứu đại. Thân ông, ông đã tự gác ra ngoài vòng nhân thế:

« Chẳng động khôn Lưu đành đại Ngụy.

Thân này xin gác ngoài vòng thoi. »

Như thế rõ ràng là đối với họ Phan, họ Tôn không dám và cũng không có quyền hành trắng trợn đề đặt mình vào cái địa vị của một chiến thắng vẻ vang như Hán-Cao-Tổ đã chiến thắng Hạng-Vương, chiến thắng vì chính nghĩa, vì được lòng người, vì hiểu mưu năng thính và khoan nhân đại độ.

Còn phi lý nữa là về phần thời gian. Phần này cho chúng ta ngày nay thấy cần xét lại rõ rệt bài thơ của Tôn-Thọ-Tường. Nhưng hoàn toàn một trăm phần trăm không đúng là đề khóc Phan-Văn-Trị ở những lý do này :

Tôn-Thọ-Tường sinh năm 1825 và mất năm 1877.

Còn Phan-Văn-Trị thì sinh năm 1830 và mất năm 1910.

Tôn-Thọ-Tường sanh trước Phan-Văn-Trị 5 năm và mất trước 33 năm trời.

Như thế, khi Phan-Văn-Trị mất, hỏi Tôn-Thọ-Tường có còn đâu nữa mà làm thơ đề khóc ? Chẳng lẽ ông lại làm sẵn khi hấp hối rồi dặn gia đình hễ Phan-Văn-Trị mất thì đem ra mà đọc ? !

THÁI BẠCH



Phần thứ hai

Phần thứ hai của Văn Hũu số 10 này được hoàn thành với sự cộng tác của quý bạn : Lai Sinh — Tô Kiều Ngân — Tường Linh — Bùi Giáng — Có Tuyết Hương — Phương Đình — Cô Hoàng Mai

LAI SINH

Đẹp

BẦM MẸ, con đợi những lời mầu giáo trước khi bái biệt lên đường.

— Con sửa soạn hành lý đâu vào đó chưa ?

— Thưa xong.

— Lộ phí mẹ đặt ở đầu giường ?

— Thưa có.

— Thiếu áo ngự hàn hồ trù ?

— Thưa đã xếp vào.

— Bức thư mẹ gửi cho Lưu-Thái phó ?

— Thưa đủ cả.

— Hay lắm ! Tập Chính-khi ca ?

— Thưa mẹ...

— Tập Chính-khi ca đặt ở án thư ?

— Thưa, con cam lỗi... con quên !

— Hừ ! Riêng con, con đem những thi văn gì làm bạn tùy hành ?

— Thưa mẹ, không có gì lắm : vài quyển Cổ thi và thi tập của con.

— Hà hà !

Tiếng cười ngắn, nhẹ nhàng của Trinh mẫu làm cho Trinh-Duy sợ hãi cúi đầu.

Trinh Mẫu yên lặng nhìn con, nét mặt dịu dần. Nỗi niềm tự hào có một đứa con hình dung tuấn tú, phong thái hào hoa, trỗi dậy nơi lòng người mẹ hiền từ bao năm phải kiêm nhiệm luôn vai trò nghiêm phụ.

Trinh-Duy quả xứng đáng với mỹ hiệu Ngọc diện lang mà các bạn hữu đã tặng cho chàng. Chiếc thanh cân bằng nhiều Hòa-Nam bỏ mối lòng thông làm nổi bật vầng trán cao, trắng muốt. Dưới hàng lông mày chữ Nhất, đôi mắt đen, sáng như sao Bắc Đẩu, giờ đây vẫn quyến rũ trong trạng thái lo âu.

Tầm mắt của Trinh mẫu dừng lại ở miệng của con và bà thấy nao nao lòng. Rõ ràng cái miệng của Trinh viên ngoại thuở sinh bình, rộng, đôi môi mỏng phơn phớt hồng, luôn luôn hình dung một nụ cười hàm tiếu.

Sự liên tưởng đến chồng khuất bóng từ lâu làm cho Trinh mẫu vụt sống lại trong khoảnh khắc cả một thời kỳ quá vãng.

Trinh viên ngoại đã làm bà bận tâm, mệt trí khá nhiều ngày xưa với chứng bệnh đa tình, đa cảm. Thôi nhị nương ở Đông lân, Tiểu-Hương-Hương ở Bắc-lý vẫn còn, hiện nay đều cùng tóc bạc, da mồi, con đàn, cháu lũ. Năm năm, vào tiết Đạp-thanh, khi gió về thổi lạnh những tâm hồn đến độ sống bằng dĩ vãng, hẳn các bà cụ ấy không quên gọi lại hình ảnh chàng trai đã làm mềm lòng họ một thời nào... Nhất phiến nhu hoài chi vị... quân... Giòng máu đa tình ấy hiện nay đang chảy trong huyết quản của Trinh-Duy. Trinh Mẫu lắc đầu, lẩm bầm :

— Hồ phụ sinh hồ tử !

Trinh-Duy ngẩng lên, rụt rè :

— Thừa mẹ dạy ?

— Không ! À...

Bị lời trở về thực tại, Trình mẫu nghiêm sắc mặt lại, nói tiếp :

— Con có hiểu mẹ cười điều gì không ?

— Thưa, con đang bàng khuâng ?

— Mẹ nghĩ con đại dốt, không tìm dễ thấy rộng, hiểu xa. Con tuy là một thi nhân có tài đấy nhưng tài của con là tài đối với một địa phương nhỏ nhỏ. Ra chốn kinh kỳ, nơi qui tụ anh tài tứ xứ, con phải thấy mình như giọt nước rơi xuống đại dương...

— Dạ.

— ... Đó là mẹ chưa nói rằng thi tài của con phải ứng dụng cho phải đường. « Nhất thất cửoc thành thiên cổ hận, tái hồi đầu thị bách niên sầu ». Ngựa Kỳ, ngựa Kỳ không hay ở kéo cày, kiếm Can tương, Mạc gia không quý ở làm dao đồ tể. Lời thơ của con trác tuyệt nhưng ý thơ tầm thường, tình của con thiết tha nhưng lẫn quẩn trong các chủ đề thấp hẹp. Sự nghiệp khách tu mi há chỉ để bắt chộp « cái ngáp rung rinh vũ trụ của Hằng nga » hay cái cười « dậy sóng Động đình hồ của Bao Tự », theo như lời thơ của con hay sao ?...

Trình-Duy se sẽ mỉm cười. Chàng đoán con giống tổ sắp qua rồi. Hiểu mẫu thân, chàng tin rằng mỗi khi đã lạc qua lãnh vực thi văn, bà mẹ học vấn uyên thâm của chàng dễ say sưa, quên mất việc cho chàng những nghiêm huấn về đạo đức. Nhưng lần này, chàng phải thất vọng. Ngưng một chốc, hình như vì mệt, Trình mẫu bỗng buông một câu đột ngột :

— Thế mà con lại dám quên tập Chính-khi ca trong khi nhớ mang theo thi tập của con !

Trình-Duy giật mình, bất giác lùi lại một bước, dường như lời nói của mẫu thân có sức mạnh của một ngọn roi, và chàng cau mày. Bây giờ thì chàng đợi chờ bà giảng giải thật lâu về lợi ích tu thân mà người ta có thể nhận lãnh trong

các bài ca chính khí. Nhưng chàng lại tính sai lần nữa. Trình mẫu dăm dăm nhìn con, thăm dò tâm trạng, chợt mỉm cười:

— Mẹ muốn con mang tập ấy đi theo. Mỗi khi tưởng đến mẹ, con hãy giở nó ra xem. Bao nhiêu điều dạy dỗ con bấy lâu nay, mẹ cũng nhờ các các bậc cô nhân trong đó truyền dạy.

Trình-Duy hăng hái thưa :

— Dạ, con xin vâng.

Nhưng chàng chưa kịp thở ra, nhẹ mình thì mẹ già đã tiếp :

— Còn bây giờ, trước khi con xa mẹ, không biết đến bao giờ, mẹ muốn dặn con vài điều...

Trình-Duy gượng gạo :

— Con xin nghe.

— Điều thứ nhất : theo như tướng số của con thì ở cung thê thiếp con có số Đào hoa...

— Trình-Duy vụt mỉm cười trong khi Trình mẫu thở dài nhẹ nhẹ, nhớ đến những lời thể tục nói về huyết thống di truyền. Bà tăng hăng, át sự cảm xúc, nói tiếp :

— Con nên thận trọng, luôn luôn tề tâm, chính ý, đừng vọng động vì nhan sắc mà rước lấy hậu họa khôn lường. Mẹ ở xa, nếu gặp nơi nào vừa ý và chính đáng, con phải bầm mệnh với Lưu-Thái phó và xin người đứng ra tác thành nhân duyên cho con. Trong thư mẹ cũng đã thưa với người điều ấy...

— Con xin lãnh ý.

— Còn một điều này nữa ; điều cuối cùng, là mẹ mong con tìm được một con đường lập nghiệp, tiến thân trong sạch. Thế nhân thường bảo : Hoạn bất tài hà hoạn vô vị. Mẹ muốn thêm : Hoạn thiếu đức hà hoạn vô danh. Mẹ chỉ trọng cái đức và cầu tiếng thơm mà thôi. Con làm việc gì cũng được, miễn là danh lưu phương cáo, thế là đã báo hiếu cho bố mẹ rồi.

Giọng Trình mẩu trở nên nghẹn ngào. Từ khu rừng cạnh thôn trang mấy tiếng chim từ qui cất lên, buồn não ruột. Trình mẩu bỗng rùng mình, lo sợ vẩn vơ. Rút vương khăn lụa điều nhỏ, bà thấm hai hàng nước mắt đang lăn trên đôi gò má nhăn nheo, tiếp lời chậm chậm :

— Thôi, mẹ đã nói với con những điều muốn nói. Chúc con thượng lộ bình an...

Trình-Duy thồn thức cúi xuống lạy mẹ, giã từ :

— Kính mẹ an tại...

Chàng chỉ đủ can đảm thốt bấy nhiêu lời rồi vùng dậy, bước nhanh ra ngoài.

Trình mẩu vươn mình tới trước, cố gắng nói với theo lời cuối :

— Hồn mẹ sẽ theo dõi bước chân của con trong cuộc viễn trình.

Nhưng Trình-Duy không còn dấy nữa. Bà ngồi lặng người, nhìn sững bóng mình chập chờn trên tấm màn còn lay động. Trên mặt kỷ, chiếc hồng lạp, cháy không đều, tuôn xuống tự bao giờ một chuỗi dài lệ máu.



— **T**ội nhân ra mà lãnh phần ăn !

— Trong bóng tối của nhà ngục, một bóng người cử động chậm chạp, làm cho viên đề lao thét lên !

— Mau lên chớ ! Ta ở đây mà hầu người à ?

Rồi y hạ thấp giọng, bảo hai người lính gác đứng bên mâm thực phẩm :

— Cần trọng nhé ! Tử tù này không sống quá mùa xuân !

Lính vương yên lặng gặt đầu trong khi Cai Tam lên tiếng :

— Y làm gì mà phải tử tội, thầy Đề ?

Đề Bính không trả lời câu hỏi ấy mà hỏi lại :

— Ba hôm nay, những lúc không có ta, tội nhân có hành vi gì khác thường ?

Cai Tam vuốt mấy sợi râu mép đen lánh, cười hà hà :

— Không có tội nhân nào hiền lành như tội nhân này !
Y chỉ ngủ, hết ngủ thì nằm ngâm thơ...

Giọng Cai Tam dịu lại, vấn vương chút nào thiện cảm :

— Giọng ngâm sang sảng như chuông đồng. Phải chịu là hay !

Đề Bính cười gằn :

— Thì y là thi nhân mà ! Y ngâm gì, có nhớ không ?

Cai Tam gật gù :

— Dễ lắm ! Gì mà không nhớ ? Và đi đi lại lại cũng chỉ có mỗi một bài. Đề tôi nhớ xem... À, y ngâm hay ca như thế này :

*Xưa nàng là tiên hề đánh võ chén ngọc
Đày xuống trần gian hề sinh ở đền vàng
Ta cũng là tiên hề cùng vòng đọa lạc
Buồn nhớ thiên-thai hề ta làm thi nhân.*



*Mắt nàng là sóng hề hồn ta cồn độ
Miệng nàng là hoa hề tình ta trắng ngàn
Sóng vỗ bến xưa hề nhạc hồn rộn rã
Hoa cười trắng cũ hề tình ta chơi vui*

Nàng ơi ! Nàng ơi !

*Vì nhớ kiếp xưa hề cùng ta hội ngộ
Tay cầm tay nhau hề viết chữ Yêu đương
Viết lên không trung hề cho trời ớn lạnh
Cho sao lên đèn hề tình ấm bốn phương*

Đề Bình cười :

— Cai giỏi nhớ đó. Đúng là bài thơ của Trình-Duy nhưng y đã sửa lại thành bài ca.

Giọng viên đề lao trầm xuống ngậm ngùi :

— Bài thơ cột người vào tử tội !...

Linh Vương buột miệng :

— Trời ơi ! Sao thế thầy Đề ?

Đề Bình nheo mắt nhìn linh Vương, không trả lời. Y cho Vương không có tư cách để hỏi một cấp trên như vậy. Linh Vương không phải là Cai Tam. Y hất hàm về phía trước :

— Kia, sao tử tội còn nằm trong ấy ?

Cai Tam lắc đầu :

— Kẻ thuộc hạ này cũng không hiểu nổi. Y ăn cơm ít tỏ vẻ ít cần cơm nước. Vì có lệnh của thầy « không được đụng chạm đến y » nên chúng tôi chỉ lo canh giữ bên ngoài.

— Được. Mặc y. Như thế là đúng. Nhưng hôm nay là ngày Tết, thực phẩm có dồi dào hơn ngày thường. Nên báo cho y ăn. Thôi các người canh chừng nghe, ta vào hầu quan Đề đốc hộ thành.

Đợi cho viên đề lao khuất dạng, Cai Tam bảo linh Vương :

— Chú mày ở ngoài này. Ta bụng thực phẩm vào cho tội nhân.

Đến trước mặt Trình-Duy, Cai Tam đặt mâm cơm xuống, mỉm cười :

— Dùng bữa đi người, hôm nay có nhiều thức ăn.

Trình-Duy, trong bộ y phục tội nhân đang ngồi bó gối, dựa lưng vào vách đá lạnh. Liếc nhìn mâm cơm, chàng hỏi một cách lơ đãng :

— Sao hôm nay lại khá hơn mọi ngày ?

Cai Tam ôn tồn :

— Người quên cả thời gian à ? Hôm nay là ngày cuối năm. Đêm nay giao thừa. Chúng ta sắp sửa đón xuân mới.

— A !

Trình-Duy thở dài, tiếp :

— Thì ra ta xa cách mẫu từ trót năm rồi ! Xuân về !
A ha ha... !

Tiếng cười trong trẻo, vô tư của chàng bỗng vang lên thách đố không khí vắng lạnh hỡi hừng của ngục thất.

— A ha ha ! Xuân về... Xuân về trong trời đất và trong lòng bá tánh. Nhưng xuân có về trong ngục tối không ? Các người cho ta ăn uống khá hơn nhưng các người có cho ta đón Xuân hay không ? Một bánh pháo ! Ta cần được đốt lên một tiếng pháo đêm nay ở phút giao thừa ! Bộc trức nhất thanh trừ cừu tuế ! Ha ha ha !

Ngưng một lát, Trình-Duy nhìn Cai Tam, vui vẻ :

— Người có vẻ ngạc nhiên. Ta vui không phải chỗ phải không ?

Cai Tam gật đầu, thành thật :

— Ta nghĩ hoàn cảnh của người khó mà vui !

Trình-Duy nghiêm sắc mặt lại :

— Người nói hữu lý, nhưng ta vô tội !

— Vô tội ?

— Hoàn toàn vô tội !

Cai Tam lắc đầu, mỉm cười, thương hại nhưng Trình-Duy đã nói tiếp, giọng cao lên, sang sảng, mắt long lanh niềm tin tưởng :

— Ta chỉ xúc động vì cái Đẹp mà làm một bài thơ. Thơ ta chỉ ca tụng người đẹp. Thế thôi ! Ta chẳng hề xúc phạm đến ai, cũng chẳng có âm mưu, dự tính... Sao lại cấm đoán ta ca ngợi cái Đẹp ? Sao lại tống lao thi nhân nói lên sự cảm xúc chân thành ?

— Không chỉ ở tù !

Cai Tam cố gắng mới ghìm lại được câu nói trên cứ chực thoát khỏi bờ môi. Ý dúi dằng :

— Triều đình bắt giam người vì một bài thơ ?

Trình-Duy gật đầu :

— Không còn cơ nào khác. Vả người ta cũng cho ta biết như thế.

— Người làm thơ ấy trong hoàn cảnh nào ?

— Một chiều dạo chơi chùa Huyền-Pháp, vùng Tây-Bắc kinh kỳ, ta gặp một thiếu nữ lá ngọc cành vàng đi dâng hương. Oai vệ lắm ! Nàng ngồi kiệu ngọc, có quân binh hậu tống, tiền hô. Không hiểu vì đâu ta linh cảm thiếu nữ ngồi trên kiệu phải đẹp. Ta ngóng cuống không chịu tránh đường, để cho quân binh la hét, làm kinh động đến nàng. Nàng đã vén màn lên, hỏi thăm cơ sự, rồi cuộc truyền lệnh cho cả đoàn tiến bước, mặc ta đứng sững...

Đôi mắt Trình-Duy chớp chớp, thoáng nổi buồn man mác :

— Trời ơi ! Mắt ta chưa bao giờ thấy một sắc đẹp dị kỳ như thế ! Nụ cười, trời ơi, nụ cười dám làm cho thần tiên giã từ ngôi vị, trốn xuống hồng trần. Đôi mắt ! Người ơi ! Không hiểu nàng là Ma-vương hay Bồ-Tát ? Nàng nhìn ta... ta bỗng thấy sẵn sàng trở nên anh hùng, hào kiệt hoặc, trái lại, gian tặc, nịnh thần, để hưởng lấy phút giây được đôi mắt nàng mơn trớn, vuốt ve...

Cai Tam ngắt lời họ Trình :

— Người kẻ chưa hết ! Việc nói vừa rồi nào có liên can gì đến việc bắt giam !

— Đúng. Ta xin nói thêm. Nàng đi rồi, ta đứng sững rồi hồn thơ bỗng nhiên trời dấy, ta ngồi xuống, dựa lưng vào một gốc cây, sáng tác một bài thơ. Đọc đi đọc lại mấy lần, ta thỏa mãn và tự dưng nảy sinh cái ý muốn cho người đẹp được đọc một bài thơ dán lên vào kiệu ngọc đề ngoài chùa. Vừa lúc nàng dâng hương xong, bước ra...

Trình-Duy bỗng cười chua chát :

— ...Nàng bước ra, không mang theo ít nhiều phong độ từ bi của nhà Chùa mà trái lại... Đọc thơ ta, nàng nổi trận lôi đình...

— Nhưng làm thế nào dán lên ?

— Đúng hơn là ta ném tờ hoa tiên vào ngọc kiệu, quân canh vừa hô hoán lên thì nàng bước ra... Nàng nổi trận lôi đình rồi ta bị bắt...

Cai Tam cúi đầu nghĩ ngợi rồi cất giọng ngậm ngùi :

— Một thi nhân ở tù vì một bài thơ ! Mà là tử tù.

Y hỏi tiếp :

— Người có biết Nàng là ai không ?

Trình-Duy vụt cười khanh khách :

— Ta không cần biết ! Ta chỉ biết cái Đẹp, cái Đẹp trong đất trời, ở mọi nơi, khắp chốn. Một ánh nắng vàng, một áng mây ngũ sắc, một chiếc lá lìa cành, một nụ cười, một làn thu thủy, cho đến một vẽ buồn thoáng qua, một cảnh cô liêu hoang phế...

Chàng dịu giọng, mơ màng :

— Nàng ở đây đẹp như tiên nga...

Cai Tam cười, hóm hỉnh :

— Có lẽ người là thi nhân, dễ cho cái gì và ai cũng đẹp. Thật ra, khắp chốn kinh kỳ này, và có lẽ trong toàn xứ, chỉ có một người mà ai cũng nhận đẹp như tiên nga. Nhưng người ấy thì...

— Thì sao ?

— ...Thì chính hiệu là Ma-Vương chứ không phải Bò-Tát !

Trình-Duy chăm chú nhìn viên cai ngục, ôn tồn :

— Tại sao người ở chốn này ? Ta đoán không lầm thì người có am tường chữ nghĩa thánh hiền, vì đâu chôn mình ở một nơi lẩn lộn vàng thau ?

Cai Tam sầm nét mặt :

— Người hỏi mà làm gì ? Từ lâu rồi ta yên phận. Công phu sách đèn cho lắm mà không có vận thời cũng khó tiến thân.

Trình-Duy mỉm cười dịu dàng :

— Tùy người. Thôi ta cho qua chuyện ấy. À, người đẹp mà người vừa nói vì sao lại là chính hiệu Ma-Vương ?

— Nàng đẹp nhưng kiêu ngạo vô cùng...

Cai Tam hạ thấp giọng :

— ...Mà lại là người vô cùng quyền thế. Sắc đẹp của nàng đã hại nhiều kẻ si tình. Bốn, năm gã nam nhi trong hàng dân giả vì quá say mê, thốt ra những lời ân tình vượt đẳng cấp tai nàng, đã bị nghiêm trị, người bị phạt trọng, kẻ bị án tù...

— Lỗi ân tình vượt đẳng hay lời say mê cái đẹp ?

— Tùy người hiểu. Riêng ta, chỉ mong bài thơ của người, tội lỗi của người hiện nay không liên quan tới nàng.

Trình-Duy cau mày :

— Nhưng người đẹp của kinh kỳ là ai ?

Cai Tam nghiêm nghị :

— Ta cũng muốn hỏi thi nhân : người ca tụng sắc đẹp của ai trong bài thơ ấy ?

Trình-Duy nói chậm rãi :

— Nàng có cái tên đẹp như trăm hoa...

Cai Tam kêu lên, hoảng hốt :

— Trời ơi ! Không phải là Bách-Hoa Công chúa, con gái yêu của Triệu-Vương chứ ? Không phải là Người đẹp kinh kỳ chứ ?

Trình-Duy cười nhè nhẹ :

— Chính nàng !

— Trời !

Viên cai ngục lùi lại một bước, trở mắt nhìn Trình-Duy như nhìn một vật lạ. Rồi từ khóe mắt của con người tuy sống trong cảnh quen thuộc với xích xiềng, hình phạt, vẫn còn giữ đầy đủ bản chất thiện hòa, hai giọt nước mắt ứa ra, ngập ngừng, như bờ ngỗ.

Trình-Duy bỗng thấy bàng hoàng và lần đầu tiên, từ khi vào ngục thất, chàng thấy mất tự tin, không còn muốn tự mình chế diễu hoàn cảnh của mình nữa. Chàng bước tới gần Cai Tam, nhìn vào tận mắt, hỏi :

— Người thương cảm cho ta ? Tội ta nặng lắm ư ?

Cai Tam quay đi, tránh cái nhìn của kẻ tử tù, ngẹn ngào :

— Ta mến mấy vần thơ đẹp... Ta khóc một thi nhân !



LEN mấy ngón tay giữa bộ râu dài sườn đuột, vuốt nhẹ từng sợi, Triệu-Vương nhìn quần thần, phán :

— Còn việc nữa chăng ? Hay quả nhân bãi triều ?

Từ hàng văn quan, một vị cân đai y phục tam phẩm bước ra, quỳ xuống :

— Tàu Vương thượng...

Triệu-Vương phác một cử chỉ, ra hiệu cho viên quan bình thân :

— Lưu Thái phó có điều chi tấu trình ?

Tàu Vương thượng, đây không phải là đại sự nhưng cũng là việc dị thường, thần xin tàu Vương thượng xét...

— Khanh cứ nói.

— Tàu Vương thượng, mấy ngày hôm nay tại chợ Trường-Phát cũng như quán Chiêu-Anh cùng các nơi dân chúng đi lại nhiều nhất, người ta truyền cho nhau một tin đồn...

— Đồn thế nào ?

— Dạ, đồn rằng giới sĩ tử các miền thôn dã, xa cách kinh kỳ, tỏ lòng chán nản không muốn về kinh ứng thí, đầu Vương thượng đã phán truyền sang năm mở cuộc chế khoa...

— A !

Triệu-Vương cau mày, dăm dăm nhìn vị văn quan, dường như muốn tìm hiểu sự thật nơi con người ấy.

— Khanh có hiểu vì đâu ?

— Tàu Vương thượng...

Thấy sự băn khoăn của Lưu Thái phó, Triệu-Vương nhìn một lượt các đình thần :

— Các khanh có hiểu ?

Một sự im lặng đầy sợ hãi trả lời câu hỏi của đấng quân vương.

Triệu-Vương cười gằn rồi phán, cơn giận dần mạnh từng tiếng nói :

— Các khanh không hiểu ? Không nhận ra nguyên do của một đại sự như thế này ? Trời ! Giới sĩ phu không ham muốn dẫn thân vào hoạn lộ là một việc đáng lo. Ta sẽ không ở mãi ngai vàng cũng như các người sẽ có ngày hưu lão, để rồi vùi thân dưới ba tấc đất. Rồi lấy ai lo việc xã tắc, triều đình ? Ai, nếu không phải là những anh tài mới trong giới sĩ phu ?

Triệu-Vương dừng lại, thở dài :

— Luôn mấy đêm nay, ta nghe tiếng con chim lạ kêu ở mé Tây lầu Vạn-Hạnh. Điềm gỡ rõ ràng :

Một võ quan bước ra, phủ phục. Triệu-Vương lo lắng :

— Gì đó nữa, Đề đốc hộ thành ? Phải chăng có tin loạn lạc ?

Viên Đề đốc cung kính :

— Tàu Vương thượng, có một việc nhỏ mà hạ thần tưởng không nên tấu trình... Nhưng nay Vương thượng đã truyền phán về điềm gỡ thì...

— Một điềm gỡ nữa sao ? Khanh nói mau đi.

— Tàu, mấy hôm nay có kẻ vô danh dán trên bốn cửa hoàng thành một bài thơ kỳ lạ...

— Bài thơ thế nào ?

— Tàu, hạ thần có nhớ kỹ :

*Hỡi Cao xanh !
 Có con chim lành
 Mơ trời mây rộng
 Chờ lượng công mình,
 Hỡi Cao xanh !
 Oán khi Nam thành
 Thần sâu, quỷ giận*

Thương kẻ tài danh.

Hỡi Cao xanh !

Sao nữ đành ?

Triệu-Vương nhủ đôi mày, lăm bầm :

— Việc này đâu phải nhỏ ! Có khanh nào đoán hiểu tình ý trong bài thơ này chẳng ?

Lưu Thái phó rụt rè, tâu :

— Tâu Vương thượng, thần e không đạt thấu ý tình... Theo ngụ ý của thần thì dường như tác giả vô danh trình lên Vương thượng một việc gì... « Hỡi Cao xanh » và « lượng Công minh » đây dường như ám chỉ Ngọc Hoàng Thượng đế hay là đấng quân vương ở thế gian. « Con chim lành mơ trời cao rộng » đây có thể là một kẻ hiền nào bị tù tội hay gặp oan khốc gì đây. Câu « Oán khí Nam thành » nói rõ thêm ý trên bởi lẽ Nam lao ở phía Nam kinh thành...

Triệu-Vương băn khoăn :

— Không hiểu ta có nên xem hai việc dị thường này dính líu với nhau không ?

Lưu Thái phó cúi đầu, nói nhỏ :

— Thần cũng ngại...

Triệu-Vương quay nhìn quan Hình bộ :

— Tam pháp tòa có giam giữ kẻ nào không hợp lý tại Nam lao chẳng ?

Viên quan hình bộ run sợ, rập mình :

— Muôn tâu, mọi can phạm đều được giam giữ đúng theo phép nước.

— Có án tử hình nào chẳng ?

— Muôn tâu, có một bản án đã được Vương thượng ngự khán và phê chuẩn... Tội nhân bị giam ba tháng rồi, sẽ bị đưa ra pháp trường vào giờ Dần ngày mai...

Hướng về phía trái ngai vàng, quan Hình bộ tiếp :

— Muôn tâu, tội nhân này phạm tội đối với Công nương...

Triệu-Vương không quay lại, dịu dàng hỏi :

— Phải không con ?

— Tàu Vương phụ...

Bách-Hoa Công chúa, người đẹp không hai của đất kinh kỳ, cất giọng oanh vàng, thỏ thẻ :

— ...Đúng như vậy.

— Tội nhân tên gì, làm gì ?

Quan Hình bộ tâu :

— Tàu, Trình-Duy là một thi nhân. Va đã xúc phạm đến Công nương trong một bài thơ.

— Trời !

Triệu-Vương thở dài, tiếp :

— Có lẽ đây là đại sự đã gây nên sự bất mãn của giới sĩ phu và tác giả bài thơ dán ở cửa thành...

Giọng nhà vua trở nên nghiêm khắc :

— Bách-Hoa con ! Tại sao trước đây con tâu rằng đó là một kẻ thứ dân đã lăng nhục con ? Sao con không tâu rõ mọi sự ?

Bách-Hoa lạnh lùng :

— Tàu Vương phụ, thi nhân cũng là một con người. Con người là một kẻ thứ dân đã xúc phạm đến một Công chúa.

Triệu-Vương cười gằn :

— Con là nhi nữ, không am tường quốc sự. Đành rằng thi nhân là một con người nhưng người thơ cũng có khác thể nhân. Hơn nữa thi nhân ở trong hàng sĩ phu. Con không thể bỏ qua điều đó...

Nhà vua cao giọng truyền lệnh :

— Hình bộ quan ! Cho dẫn tội nhân vào bệ kiếu !

— Xin tuân lệnh !

Viên quan vừa khuất dạng thì từ cửa Ngọ môn đưa vào mấy tiếng trống, tiếp theo tiếng quát tháo của Cẩm vệ binh.

— Gì đó ?

— Muôn tàu... Muôn tàu Vương thượng, có một bà lão tóc bạc da mồi đánh trống kêu oan...

— Việc chi ?

— Muôn tàu, lão bà nài nỉ xin vào chào lạy trước đấng Cửu trùng... đề... Muôn tàu, lão bà nói năng rất kỳ dị...

— Cho phép nhà ngươi cứ tàu rõ.

— Muôn tàu... lão bà xin bệ kiến đề... cứu một người con và... giết một nhà thơ !

— Ủa !

Triệu-Vương, kêu lên sững sốt, trong khi đình thần cũng tròn mắt nhìn nhau.

Riêng Lưu Thái phó cúi mặt, giấu một nụ cười khó hiểu.



TRÌNH-DUY, con !

— Lạy mẹ.

— Mẹ đau lòng thấy con của mẹ bị hàm oan...

— Dạ...

— ...Nhưng mẹ lại vui lòng thấy bài thơ của con bị kết án.

— Lạy mẹ.

Trình mẫu liếc nhìn Triệu-Vương, Bách-Hoa Công chúa và toàn thể đình thần đang nin thở, theo dõi ngôn ngữ, hành động của mẹ con bà. Trình mẫu thấy trái tim mình như bị thắt lại. Tình mạng của Trình-Duy đang mong manh như sợi chỉ treo chuông. Trách nhiệm của bà rất nặng nề. Bà đã tàu xin và được nhà vua cho phép xử sự với con bà, trước khi triều đình quyết định về số phận của Trình-Duy. Bây giờ... Bà nghiêm sắc mặt lại :

— Trình-Duy con. Nhà ta thuộc hàng dân giả. Công nương ở điện ngọc, lầu vàng. Con mơ chi những điều cao xa quá vậy ?

Trình-Duy thoáng mỉm cười, đôi mắt long lanh :

— Thưa mẹ, con không mơ màng Công chúa.

Trình mẫu nạt lớn :

— Con đừng chối. Họ Trình của con chưa bao giờ hèn nhát.

Trình-Duy vẫn tươi cười :

— Thưa mẹ, con tự xét không có gì phải tui hổ. Chứng cứ là trong mấy con trắng bị giam trong ngục thất, con chưa hề nghĩ rằng con có tội.

— Nhưng vì đâu bài thơ của con lại xúc phạm đến Công nương ?

Trình-Duy vụt nhớ lại câu hỏi của Cai Tam ngày nào và những lời đáp của mình. Chàng ôn tồn lập lại :

— Thưa mẹ, con không hề có ý xúc phạm đến Công nương, bởi trước mắt con ngày đó, con chỉ thấy xuất hiện một giai nhân. Con chỉ để lòng xúc cảm vì cái Đẹp ở người, vật, cảnh ở mọi nơi, khắp chốn. Một ánh nắng đang thoi thóp ở cảnh dương cũng đẹp, một nụ cười hàm tiếu trên đôi môi giai nhân cũng đẹp. Ngày xưa cha đã làm bao nhiêu bài thơ ca ngợi người đẹp ở miền sơn dã thì mới đây con làm thơ ca ngợi người đẹp kinh kỳ. Chỉ có thế thôi... Thưa mẹ lương tâm con yên ổn, con hoàn toàn vô tội.

— Đúng ! Người thơ là như vậy !

Triệu-Vương buột miệng nói một mình. Ngồi bên vương phụ, Bách-Hoa nghe được ý kiến ấy, hơi biến sắc, cúi đầu suy nghĩ.

Nhưng dưới sân rồng, Trình mẫu đã cao giọng :

— Trái lại, mẹ thấy con có xúc phạm đến Công nương !

— Ủa !

Lần thứ nhì, nhà vua không kiềm chế được sự xúc động. Bên đấng quân vương, Bách-Hoa Công chúa mở to đôi mắt đen như nhung dăm dăm nhìn...

Trình-Duy bắt gặp đôi mắt của người đẹp kinh kỳ, bối rối một giây nhưng rồi chàng quay đi, lo lắng vì những lời nghiêm khắc bất ngờ của mẹ. Chàng ôn tồn :

— Thưa mẹ, xin mẹ thương con. Con chưa được hiểu. Trình mẫu cười gằn :

— Con có bao giờ chịu hiểu ! Con hãy nhìn Công nương ! Câu nói đột ngột và táo bạo của lão bà làm cho Bách-Hoa Công chúa giật mình, cúi mặt, hai gò má đỏ bừng.

Trình mẫu vẫn tiếp :

— Con có thấy rằng sắc đẹp thiên kiều bá mị của giai nhân cũng có ngày phải tàn tạ ? Con hãy nhìn mẹ đây !

— Dạ.

— Con có nghĩ rằng ngày xưa mẹ phải có nhan sắc ít nhiều ?

Giọng Trình mẫu trầm xuống, buồn rầu :

— Con chỉ chạy theo cái đẹp hình thức, chóng tàn ! Con ca ngợi những người thôn nữ. Sao con không thấy đức tánh nhẫn nại, cần cù, can đảm của thôn nữ trong việc cấy cày, bắt đất đai biến thành củ khoai, cây lúa ? Những đức đức tính này không đẹp sao ?

Con thấy mẹ già xấu xí nhưng nếu nhớ rằng vì con mà ở cuộc đời tàn xé, mẹ phải vượt qua bao nhiêu sông núi về đây, hẳn con cũng phải thấy mẹ thương con. Tình thương này có đẹp không ? Còn như đối với Công nương...

Ngưng một lát để thở rồi Trình mẫu tiếp :

— Đối với Công nương, toàn dân thiên hạ đều ca ngợi những đức tính khoan hồng, khiêm tốn, sáng suốt, dịu hiền. Giả sử con biết thấy những đức tính này là đẹp thì hẳn bài thơ của con sẽ chẳng xúc phạm đến Công nương. Đó ! Mẹ thấy con có tội là như thế. Con xúc phạm Công nương ở chỗ không ca ngợi đúng sắc đẹp của Công nương vậy.

— Thưa mẹ, con xin...

Trình mẫu khoát tay, ngắt lời con, quay lại lấy ra mấy vật trong khăn gói, hướng về phía Triệu-Vương, vái dài :

— Kẻ tiện phụ cam muôn lỗi với Vương thượng, Công nương cùng liệt vị đại nhân...

Rồi bà quay mình, nhìn Trình-Duy trừng trừng :

— Con, thi văn của con chẳng lợi ích chi cho đời mà có hại ngay trước mắt cho con. Đây là quản bút, đây là bản thảo thi tập của con mà bấy lâu nay mẹ giữ gìn, để giở ra mỗi khi tưởng nhớ đến con. Mẹ không muốn giữ nữa...

Bà nghiêng rặng bẻ quản bút, xé làm hai tập bản thảo, ném dưới chân con rồi tiếp :

— Quản bút lòng mềm mại dễ viết nên những điều tả vạy. Văn chương nhiều nghĩa dễ khoe truyền những sự thật sai lầm như cái đẹp thuần hình thức hời hợt bên ngoài của con. Con có còn giữ tập Chính-khi-ca ngày trước không ?

— Thưa còn.

— Đó là thứ thi văn mà con cần. Đối với con, con phải làm lại con người của con trước và bắt đầu, phải từ bỏ một thi nghiệp hại nhiều hơn lợi. Nay mai nếu nhờ hồng ân thánh chúa, con được sống, con hãy xem Chính khi ca như một phương thuốc hồi sinh tâm hồn. Vì bằng con phải đền tội thì những ngày cúng quây mẹ sẽ ngấm những bài ấy bên mồ để sưởi ấm hồn con. Thôi bây giờ...

Trình mẩu lùi lại, để một khoảng cách giữa bà và Trình-Duy, giọng bỗng ghen ngào :

— Con, mẹ sinh con chỉ sinh được cái hình hài. Đời con do con định đoạt... Mẹ già rồi, chỉ rán sức được đến chừng này... Vĩnh biệt con !

Trong khi Trình-Duy quì xuống, ôm mặt, thồn thức, Trình mẩu bước nhanh lại giữa sân chầu, phủ phục :

— Tâu Vương thượng, muôn đội ơn Vương thượng đã cho phép tiện phụ xử trí với đứa con tội lỗi. Bây giờ đã xong... Dầu con của tiện phụ sống hay chết, tiện phụ tưởng đã cứu được phần con người của nó ; còn phần nhà thơ sai lầm, vô bổ, tiện phụ cũng đã giết đi rồi... Kính chúc Vương thượng, Công nương trường thọ, liệt vị đại nhân vạn phúc... Kẻ tiện phụ xin lui về thôn dã.

Trong hàng văn quan, Lưu Thái phó chột rùng mình như cảm ứng với một biến cố sắp xảy ra. Chỉ có phút giây này thôi.

Công trình của ông, của Cai Tam trong việc thông tin cho Trình mẫu về kinh, gây tin phao đồn, dân thơ ở bốn cửa thành, sẽ thành công chẳng hề cứu cho một cái đầu thi nhân khỏi rụng ?

Dưới sân châu, Trình mẫu còn phủ phục. Các đình thần đều cúi mặt, thu hình dường như muốn lảng tránh một không khí trách nhiệm quyết định của triều đình. Họ sợ một lời phán xuống của Triệu-Vương không lấy lại được, bởi lẽ « thiên tử vô hí ngôn ». Lần đầu tiên họ cảm thấy sinh mạng của một con người vô cùng quan trọng...

— Hãy khoan, lão bà !

Sau lệnh ấy, Triệu-Vương nhìn các đình thần nói chậm chậm :

— Chư khanh thấy sao ? Trẫm nghĩ ý kiến của lão bà tuy đúng về ý nghĩa đạo đức nhưng chưa đúng hẳn. Nói ngay ra, Trẫm thấy lão bà có phần khe khắt, cực đoan. Lão bà không lưu ý đến sự xúc cảm chân thành của văn, thi nhân trước cái Đẹp. Lão bà cũng không nhận thấy rằng từ vạn cổ cái Đẹp vẫn là một nhu cầu điểm tô cho cuộc sống vui tươi hơn. Nếu không sao có người nhảy xuống nước ôm ánh trăng vàng ? Sao có dấy quân vương truyền danh nghiên, mài mực cho thi sĩ đề thơ ?

Triệu-Vương mỉm cười, tiếp :

— Thái độ xử sự của nhà vua kia đã đặt ra cho Trẫm một tiền lệ. Các khanh nghĩ sao ?

Các đình thần đều nín lặng. Một sự lặng thinh đầy tôn kính và hân hoan.

— Cố nhiên là nếu cái Đẹp được toàn diện, có hình thức, có nội dung thì còn gì quý báu cho bằng !

Thêm vào những lời ấy xong, Triệu-Vương bỗng quay lại nhìn con gái, nghiêm nghị :

— Con có còn thấy bản án này là đúng ?

Bách-Hoa Công chúa bỗng sụp mình xuống dưới chân Vương phụ, úp mặt vào chiếc long bào của nhà vua, thồn thức.

Giây lâu, nàng ngước mắt, nhìn xuống phía Trình-Duy.

Bốn mắt gặp nhau chợt quay đi hai ngã.

Trình-Duy bỗng thấy ngà ngà như thấm hơi men Tiên túy tửu ở quán Chiêu-Anh.

Chàng có nhận lầm một thứ tình cảm nào dịu êm, mới lạ, trên làn thu thủy của người đẹp kinh kỳ ?

Mà chàng bỗng như nghe rộn rã bên tai những lời chót của bản tình ca :

*Vì nhớ kiếp xưa hề cùng ta hội ngộ
Tay cầm tay nhau hề viết chữ yêu đương
Viết lên không trung hề cho trời ớn lạnh
Cho sao lên đèn hề tình ấm bốn phương.*

LAI-SINH

— Chơi với người hay như vào nhà trồng hoa, tuy chưa thấm mùi thơm, thế mà nhẹ thoảng người. Chơi với kẻ dở như vào hàng cá, tuy chưa nhiễm mùi tanh, thế mà nặng hơi trong người, thế là hóa dở.

Lẽ-Ký

— Người quân tử hiểu rõ nghĩa, cho nên thích điều nghĩa, kẻ tiểu nhân hiểu rõ lợi cho nên thích lợi.

Luận-Ngữ

TUYẾT HƯƠNG

Mơ chiều xuân

TÔI đứng trong chiều xuân
Một chiều gió trắng ngần
Hồn lạc trong trời rộng
Một trời thăm nhạc ngân

Nhạc xuân hòa nhạc lòng
Réo rắt phím tơ đồng
Trầm lắng trong vũ trụ
Man mác giữa hư không

Tôi say khuôn chiều xuân
Hồn đắm khúc nhạc ngân
Chiều ơi : sao xa cách
Bao nhiêu người mến thân ?

Giòng đời trôi miên man
Nhớ thương không lắng tan
Hẹn hoài là ảo mộng
Bao nhiêu mộng nữa tàn ?

Chỉ thấy mùa xuân tàn
Héo hơ vườn hoa xuân
Tháng năm nhạt màu sắc
Tình tôi sẽ không tan.

TÓ KIỀU NGÂN

Tiếng hô cầm

CÁC VAI :

- Hoài** : Diễn viên trong đoàn kịch của Thắng.
Thắng : Đạo diễn, trưởng đoàn kịch.
Đột : Tác giả vở kịch « MÁU ».
Thu : Bạn của Hoài.
Tứ : Diễn viên trong đoàn.



Chuyện kịch xảy ra tại miền Bắc.

Màn mở lên cho thấy rõ sân khấu của một đoàn Kịch nhỏ. Màn nhung, cánh gà, vài chiếc ghế, đèn chiếu. Cuối sân khấu là bức « phong » trắng có ghim câu khẩu hiệu viết trên giấy : « TÍCH CỰC HỌC TẬP NGHỆ THUẬT CỦA STA-NA-LÁP-SKI ». Ở một góc sân khấu có đặt một chiếc máy hát cũ.

Thắng đang lập cho Hoài thủ vai nữ trong vở kịch « MÁU ».

Thắng : Phải hét to hơn nữa ! To hơn nữa ! Có thể mới lột hết tinh thần của vai trò. Có Hoài chưa cảm hờn bao giờ à ? Hét thế này này : « ĐỒ chó má, quân phản động ! ĐỒ địa chủ bóc lột ! Mày có nhận tội không ! Mày phải khai ra vụ mày cướp tiền công của 20 tá điền, vụ mày

hiếp dân chị nông dân Phạm-thị-Nụ ! Phải khai và chịu tội trước nhân dân. Mày đừng hòng chối cãi. Mày không phải là bố tao nữa. Mày là quân phản động. Tao không phải là con gái mày, tao đứng về phía nhân dân để tố cáo tội ác của mày trước mọi người... » Đấy, chị phải có cái giọng rắn rỏi, đanh thép như thế mới được ! Phải diễn tả cho hết độ căm hờn...

Hoài : (cười) Xin lỗi anh, tôi chưa căm hờn bao giờ nên chắc là khó thành công trong vai này. Hay anh giao cho chị Xuyên đóng thay tôi.

Thắng : Chị không nói đùa đấy chứ ? Còn một tuần nữa thì diễn rồi, gần đến phút chót chị lại lười thôi, không được đâu ! Với lại... tại sao chị lại có thể quan niệm như thế được nhỉ ? Chị chưa căm hờn bao giờ ư ? Tội ác của địa chủ là tai họa chung cho nhân dân ta nói riêng và cho nhân dân thế giới, nói chung, mọi người đều căm hờn chúng tất chị cũng phải căm hờn chúng. Nếu chị không căm hờn thì cũng phải học tập căm hờn, phương chi, chị là kịch sĩ thì điều kiện tối thiểu để trở nên một diễn viên sân khấu là phải sống cho đúng tâm trạng cái vai mình đóng. (nói với Đột) Anh Đột có thấy rằng độ này chị Hoài thế nào ấy, người lúc nào cũng ngơ ngẩn như mất hồn, hình như chị thiếu ngủ, tinh thần không được sáng suốt...

Đột : Tôi cũng thấy như vậy. Có lẽ vì dạo này trời nóng quá chẳng (với Hoài) Chị Hoài cố gắng lên một chút, không có chị và không có sự cố gắng thì kìa như vở kịch không thành công đấy.

Thắng : Tập lại đi ! Nào, mắt long lên, tay giả vờ như đang túm váy. tay kia ~~đưa~~ nói, hét to lên...

Hoài : (làm theo lối Thắng, cố hét to lên) Đồ chó má, quân phản động, đồ địa chủ bóc lột ! Mày có nhận tội không ! Mày phải khai ra vụ mày cướp tiền công của 20 tá điền, vụ mày hiếp dân chị nông dân Phạm-thị-Nụ (đón ngực ho rũ rượi, đáng một nhọc vì hét to quá).

CẢNH HAI

(Thêm Thu, mặc quần phục, xách ba-lô bước vào).

Thu : Chào các anh, các chị !

Thắng : Chào anh Thu. Lâu ngày quá hôm nay mới gặp lại anh !

Hodi :Ồ, anh Thu !

Thu : Xin lỗi, tôi đến làm ngăn trở việc diễn tập của anh chị...

Thắng : Không sao ! Chúng tôi tập cũng gần « chu » rồi. Chỉ cần vượt thêm cho Hoài một tí nữa là xong. Hoài hét to quá nên mệt, chúng ta nghỉ một lát. Thế nào, anh đi phép hay công tác...

Thu : Tôi xin nghỉ phép mấy hôm, trước khi thuyền chuyển lên Thượng Du...

Đột : Lên Thượng Du à ? Anh nghỉ được bao lâu, có đóng góp chúng tôi một vai được không ?

Thắng : Giới thiệu với anh Thu, anh Đột vừa mới khai sinh một vở 4 màn, đặc ý nhất và có một cái tên rung rợn nhất : *Máu*. Có một vai hợp với anh lắm !

Thu : Tôi có nghe ! Trước khi đến đây, tôi có gặp Thuận. Anh ta có nói chuyện ấy và ngỏ ý nếu tôi có thì giờ đóng vai Lộc... có phải Lộc không anh Đột nhỉ ?

Đột : Vâng, Lộc, tên con trai lão địa chủ. Hay là, anh Thắng này, ta nhờ anh Thu đóng vai đó trong đêm đầu...

Thu : Xin cảm ơn các anh có lòng yêu. Tôi sợ không có thì giờ vì nghỉ được 3 hôm, còn phải lo nhiều việc...

Hodi : Anh Thu này, các anh ấy bắt em đóng vai con gái đấu hổ là địa chủ, phải mặt mày xưng xía, phải hét, phải chửi... em thấy khó quá !

Thắng : Cứ kêu khó mãi ! Kịch sĩ thì phải nghiên cứu, học tập, có gì là khó. Chị đã chẳng từng đi dự các vụ đấu địa chủ ở các nơi đấy à ! Cứ bắt chước như họ là được...

Hodi : *(liếc qua vở kịch trên tay)* Anh nói bắt chước như họ, thế sao tác giả không bắt chước như cảnh thật. Này nhé,

các anh bắt tôi phải hò hét, chửi rủa một mình mà lão địa chủ không có một phản ứng gì cả, làm thế nó khó lắm...

Đột : Thế chị muốn lão địa chủ ấy phản ứng như thế nào ?

Hoài : Thì cho lão ta cãi lại, mình oan, có thể mới có đối thoại đồn dập, sôi nổi, qua lại, thì kịch mới linh động chứ !

Đột : Điều này, xin nhờ anh Thắng dạy cho chị Hoài hộ tôi.

Thắng : Chị ngây thơ thật. vở kịch này là một vở kịch tuyên truyền. Chúng ta phải hạ uy thế, phải đánh gục bọn địa chủ. Địa chủ thì phải khuất phục nhân dân, chúng phải bị đánh, bị chửi, mà phải cảm mồm chịu tội, không được cãi lại...

Hoài : (ấm ức) Nhưng sự thực có như thế đâu ?

Đột : (bực mình) Ồ, cần gì sự thực.

Hoài : Thế mà tôi cứ nghĩ rằng kịch là sự thực ngoài đời mang lên sân khấu !

Đột : Thôi, vớ vẩn mãi, chị tập lại vai của mình đi. Anh Tứ học cho thuộc lời vai Mộc ! Còn bọn mình đi uống cà phê đã. (rủ Thu) Anh Thu cùng đi với chúng tôi chứ ?

Thu : Cảm ơn các anh, tôi xin phép được ở lại nói chuyện cùng Hoài một lát.

Thắng : Vâng, anh cứ tự nhiên.

(Cả bọn kéo nhau đi, còn lại Thu và Hoài).

CẢNH BA

Sân khấu trống vắng. Ánh sáng dịu lại.

Bóng Hoài và Thu chòn vờn hắt lên bức màn chính.

Giọng Hoài dịu nhẹ...

Hoài : Anh về Hà-nội bao giờ ?

Thu : Tôi mới về thì đến đây tìm Hoài ngay.

Hoài : Tính ra, lâu lắm Hoài mới gặp lại anh nhỉ ? Dễ có gần sáu tháng rồi đấy. Lần gặp trước đây, lúc 14 giờ ngày

14 tháng 7, mình chỉ nói chuyện với nhau được có 10 phút, rồi anh đi...

Thu : (cảm động) Hoài nhớ lâu quá nhỉ. Nhớ cả ngày, tháng, giờ phút...

Hoi : Anh quên là Hoài có tính nhớ dai à ? Hoài nhớ là chúng mình chỉ nói chuyện với nhau có đúng 10 phút. Mười phút để nói biết bao nhiêu chuyện, làm sao đủ được anh nhỉ ?

Thu : Hôm nay mình sẽ có dịp nói chuyện lâu. Sao, độ này, Hoài sống ra thế nào ? Hai bác có được mạnh không ?

Hoi : (đổi mất thần thờ, buồn xa xôi) Thế ra anh không biết gì cả à ? Thầy em bị bắt giam tại Thanh-Hóa, mẹ em cùng các em nhỏ đi Nam lâu rồi. Giờ đây, chỉ có một mình em ở đây, trơ trọi. Họ chưa biết lý lịch của em, nếu họ biết em là con gái địa chủ chắc em không sống như thế này được đâu dù rằng cuộc sống lũ kịch này cũng không sung sướng gì ! Em đã gặp đúng những cái mà em không chờ đợi. Em yêu sân khấu nhưng không phải là sân khấu này, không khí kịch này... Đêm nào cũng phải ngụy trang lên sân khấu diễn tả những điều trái ngược với lòng mình.

(Im lặng một lát. Tiếng nhạc ddu dặt, xa xôi).

Thu : Tôi thật ái ngại cho Hoài ! Tôi cứ tưởng là hai bác còn ở lại Hà-nội... Tôi đã khổ, tưởng Hoài được may mắn hơn tôi...

Hoi : Khổ mãi rồi cũng quen đi anh ạ ! Thời đại này, biết bao người khổ hơn mình nhiều ! Còn anh...

Thu : Tôi ấy à... Ban nãy tôi vừa bảo là bị đổi lên Thượng-Du. Lý do thì chắc Hoài đã hiểu. Tôi vốn bướng bỉnh, cứng đầu...

Hoi : Nghĩa là chúng mình chỉ gặp nhau một thoáng rồi lại chia tay. Anh lại ở một phương, em... Buồn lắm anh ạ ! Được gặp anh, Hoài mừng lắm vì có người để tâm sự, để nói hết những gì mình muốn nói. Khổ nhất là sống giữa đám đông mà mình vẫn bơ vơ, Khó tìm được

một người để mình được nói thật ! Đã bao nhiêu lâu rồi em sống như đóng kịch. Lắm lúc muốn hét to lên, đập phá một cái gì, lắm lúc em tưởng là em điên lên anh ạ ! Có nhiều lúc ra trước ánh sáng sân khấu, nhìn xuống đám khán giả đang ngược mắt nhìn lên, em thấy vừa thương cho họ vừa thương cho mình. Mình thì đang múa may giả tạo. Họ thì phải chứng kiến cái giả tạo đó và phải vỗ tay tán thưởng. Em không được cái sung sướng của một kịch sĩ nghĩa là mình bị say sưa lời cuốn, mê người đi trong tình tiết của chuyện kịch, biến hình thành nhân vật của chuyện kịch để không còn nhìn thấy gì khác nữa. Do cái say sưa ấy, mà mình có thể làm say sưa, làm mê những người đang xem mình. Đảng này, em tỉnh quá và họ cũng tỉnh quá. Em cảm thấy rằng họ đang ngăm rửa sả cái bộ mặt giả tạo, trơ trẽn của em còn em thì xấu hổ vì đang nói dối trước một đám người biết là mình nói dối từ lâu.

Thu : Thôi Hoài, đừng buồn nữa. Nên cố gắng chịu đựng. Anh cũng không hơn gì Hoài. Bao nhiêu người cũng phải sống giả hình như thế (*nhìn lên khẩu hiệu treo ở bức phòng chính, lầm nhẩm đọc*) : « *Tích cực học tập nghệ thuật của Sta-na-láp-ski* » Sta-na-láp-ski là ai thế hở Hoài ?

Hoài : Em cũng không hiểu sta-na-láp-ski là ai. Hình như là một người Nga. Nghệ thuật của sta-na-láp-ski là nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa áp dụng vào sân khấu. Chúng em ai cũng phải học tập đường lối sân khấu này. Mọi công thức cũ đều bị chối bỏ. Bây giờ mọi việc viết kịch, diễn kịch, đạo diễn, hóa trang đến ánh sáng, bài trí sân khấu đều phải học tập nghệ thuật Sta-na-láp-ski hết thảy. Họ tận dụng khả năng sân khấu để tuyên truyền cho Đảng, cho chủ nghĩa. Ban nãy em hỏi Thắng về chuyện kịch chỉ là giả vờ trêu họ mà thôi, thực ra, em thừa hiểu...

Thu : Anh biết ! Hoài vốn thông minh lắm cơ mà ! Nhưng có điều anh lấy làm lạ là sửa sai rồi, tại sao họ vẫn diễn những vở kịch tuyên truyền đấu tố làm gì ?

Hồi : Vì thiếu kịch bản. Vì muốn nuôi cảm hờn. Bao giờ thì địa chủ cũng vẫn là kẻ thù của dân vô sản. Anh thử nghĩ ai đại gì mà viết kịch bảy giờ. Lỡ mà sai đường lối một cái thì « tịch mất ». Cho nên diễn viên thì thừa mà kịch bản lại thiếu. Đóng kịch ít chịu trách nhiệm hơn viết kịch. Nhưng mà đóng mãi kịch như em, đêm này qua đêm khác, lưu động từ nơi này sang nơi khác, mãi e có ngày diễn lên mất.

(Ôm đầu chán nản. Im lặng một lát, đoạn lấy trong « Sac » ra một trái cam gọt vỏ, cắt đưa cho Thu một nửa). Anh ăn cam cho vui. Người ta cho em chỉ có một trái thôi. Ba tháng rồi em mới trông thấy lại trái cam. Chúng mình chia nhau một nửa một nửa anh nhé ! Như ngày xưa chúng mình vẫn từng chia nhau những trái ổi, trái xoài.

Thu : Ngày xưa...

Hồi : *(nhấn mặt lại xuýt xoa)* Trời, cam chua quá, chua chua đến chảy cả nước mắt. *(Bỗng như sực nhớ ra một điều gì, mặt tươi lên)* Anh Thu à ! Có chuyện này hay lắm cơ ! Anh ngồi đây đợi em một tí nhé ! *(Hối hả chạy vào bên trong).*

Thu : *(Ái ngại nhìn theo)* Tội nghiệp cô bé, đóng kịch tài quá nhưng không che được mắt mình. Đúng là Hoài đã khóc chứ đâu phải vì cam chua !

Hồi : *(ra mang theo chiếc đĩa hát trong tay, dẫu vào sáu lưng)* Em sắp cho anh xem cái này, anh sẽ ngạc nhiên lắm cơ ! Đố anh biết là cái gì nào ?

Thu : *(cười)* Chội thôi. Gì thế Hoài ?

Hồi : Chiếc đĩa hát.

Thu : *(giật mình)* Một chiếc đĩa hát...

Hồi : Em đã mang theo trong mấy năm trời, cất kỹ dưới đáy hòm, giữ gìn như một báu vật mà mấy năm nay chưa có dịp dùng đến. Không có dịp dùng cũng như sợ không dám dùng. Đây là đĩa hát có bài « Célèbre valse » của

Bramhs ; độc tấu trầm hồ cầm mà ngày xưa hai đứa mình từng chụm đầu lại nghe thích thú đó.

Thu : Anh nhớ ra rồi. La là là la la, là là la lá la là la...

Hoài : Có một lần em vặn bản này thì họ xúm nhau lại phê bình là tiểu tư sản lạc hậu, là lãng mạn hạ cấp, nên mới thích thứ nhạc này. Từ đó, em không dám bày ra nữa. Mỗi đến hôm nay... Để em vặn lên cho anh nghe nhé. Chúng mình diễn lại cái cảnh ngày xưa hai đứa cùng ngồi nghe nhạc...

Thu : Khi bóng chiều mờ mờ lùa dần vào cửa sổ nhà em. Em không bật đèn. Chúng ta để cho bóng chiều vậy hăm chúng ta. Hai đứa có cảm tưởng là đang chìm vào trong bóng tối êm đềm. Mùi hoa ngọc lan trong vườn thoảng thơm dịu nhẹ. Và những tiếng nhạc não nùng của Bramhs rung lên qua bốn giây của chiếc trầm hồ cầm xa vắng... Đạo ấy, hai đứa mình tưởng đã lấy nhau rồi ai ngờ... Bấy giờ thì anh đã nặng gánh vợ con, còn em...

(Ánh sáng chuyển sang màu tím. Hoài đặt đĩa hát lên chiếc máy hát. Âm điệu bài « Célèbre valse » thoát ra, dịu buồn. Tiếng trầm hồ cầm não nùng như xoáy sâu vào lòng người. Tiếng nhạc dứt đã lâu mà hai người vẫn không nói gì. Hoài chống tay lên cằm nhìn ra cửa sổ. Một lát, Hoài nói xa vắng).

Hoài : Mấy năm rồi em mới nghe lại bản nhạc này. Cùng với anh. Em nhớ đến mẹ em, đến các em bé của em giờ đây đã xa quá tầm tay. Mẹ ơi! *(Khóc nức lên)*.

Thu : *(Cảm động, vuốt tóc Hoài)* Thôi, can đảm lên Hoài ! Phải thực tế một chút...

Hoài : Còn thầy em nữa, đã lâu rồi không tin tức, không biết giờ sống chết ra thế nào. Em từ chối không đóng cái vai kịch hồi chiều là vì em nghĩ rằng có thể thầy em đã từng bị đưa ra gánh chịu cái hình phạt cho người ta sủa sói vào mặt, cho người ta ném đá vào đầu và chửi rửa như trong truyện kịch em sắp diễn.

(tiếng giây của Thu nện trên sàn gỗ vang vào lòng chiều im lặng).

Thu : (Không nói gì, đi đi, lại lại trên sân khấu như nhớ lại quãng thời gian anh đã từng diễn kịch, một lát). Trở về với sân khấu anh lại nhớ lại cái không khí kịch ngày xưa, những say sưa buổi đầu (ra đứng trước sân khấu, làm bộ cúi chào khán giả và ngâm bài thơ của Quang-Dũng).

*« Thương nhớ ơ hồ thương nhớ ai
Sóng xa từng lớp lớp mưa dài
Mắt xưa em có sầu có quạnh
Khi chớm heo về một sớm mai*



*Rét mướt kinh thành chừng sắp ngủ
Bên này em có nhớ bên kia
Giăng giăng mưa bụi qua phòng tuyến
Quạnh vắng chiều sông lạnh bến tè*



*Khói thuốc xanh dòng khơi lối xưa
Đêm đêm sóng đáy lạnh đôi bờ
Thoáng hiện em về trong đáy cốc
Nói cười như chuyện một đêm mơ*



*Xa quá rồi em, người mỗi ngả
Bên này đất nước nhớ thương nhau
Em đi áo mỏng buống hờn tủi
Dòng lệ thơ ngây có rạt rào. »*

Hoài : (vỗ tay) Hay quá, hay quá, nhưng mà... Anh ngâm thơ của Quang-Dũng đó à ? Thơ Quang-Dũng bây giờ, ở đây, đã trở nên một thứ đồ cổ, một món quốc cấm rồi. Nó cũng như nhạc Bramhs. Có ngâm thì ngâm một mình, ngâm khe khẽ. Người ta mà nghe được thì chết...

(Có tiếng chân người, ồn ào, tiếng cười nói)

CẢNH BỐN

Thêm Thăng, Đột, Từ

Hoài vội nhanh tay cắt cái đĩa hát vào trong sac.

Thu : Các anh đã về !

Thăng : Nào, chúng ta duyệt lại một lần nữa xem sao. Nhân tiện có anh Thu đây, nhờ anh phê bình những chỗ sơ hở. Có Hoài, đứng lên và diễn lại đoạn ban nãy. Lần này thì hết lớn vào nhé !

Hoài : (uể oải đứng dậy, tay túm quần, tay sủa sỏi vào mặt một người tưởng tượng) Đồ chó má, quân phản động ! Đồ địa chủ bóc lột ! Mày có nhận tội không ! Mày phải khai ra vụ mày cướp tiền công của 20 tá điền, vụ mày hiếp dâm chị nông dân Phạm-thị-Nụ ! Phải khai và chịu tội trước nhân dân. Mày đừng hòng chối cãi. Mày không phải là bố tao nữa ! Mày là quân phản động. Tao không phải là con gái mày, tao đứng về phía nhân dân để tố cáo tội ác của mày trước mọi người...

Đột : Khá lắm ! Hay lắm, cố lên !

Thăng : Chị Hoài diễn tiếp đi...

Hoài : (Trùng mắt nhìn Thăng, nhìn Đột, sẵn tới rồi hét lên) Mày có khai không ? Đồ chó má ! Nhân dân sẽ hành tội mày. À... Mày kêu oan à... Không, Đảng và nhân dân bao giờ cũng sáng suốt ! Mày không oan chút nào đâu ! Tao là con gái mày, tao biết rõ. Hừ... mày lại đem tình cha con, phụ tử ra mà lung lạc tao nữa à, (sẵn tới phía Đột, Ánh sáng chói vào mặt Hoài phát hiện một vẻ căm hờn tột độ).

Đột : (giật mình kinh hoảng, thụt lùi, nhưng trấn lĩnh nói với Thăng rồi cả hai gật gù) Hay lắm, chị Hoài diễn khá lắm. Đã biểu tỏ được sự căm hờn...

Hoài : (bống long mắt lên, nẩy lửa chỉ vào mặt Thăng, mặt Đột) Đồ chó má, quân bất nhân. mày có nhận tội mày đã phản động, đã phá nước hại dân không. (Cười lên lạnh lạnh).

Đột : *(giật mình)* Đoạn này không có trong vở kịch, chị Hoài !

Hoài : *(cười rũ rượi rồi thét to)* Đồ phản động, địa chủ khát máu ! Mày là bố tao ư ! *(nhìn Thu đang khoác ba-lô lên vai, thần thờ, rồi chùi nước mắt)* bố ơi là bố ơi, con gái bố đây. Trời, đũa nào nó đánh đập bố thế này *(ôm lấy đầu người tưởng tượng, vuốt ve)* Bố ơi, trời ơi, máu. máu... tội nghiệp bố tôi, bố ơi, mẹ ở đâu. Em ở đâu. Còn tôi, tôi ở đâu ? Mẹ tôi đi Nam rồi, bố tôi gục chết rồi. Người yêu xưa của tôi cũng sắp bỏ tôi mà đi rồi, Tôi bơ vơ. Tôi bơ vơ thì tôi hát cho tôi nghe để cho bớt bơ vơ... *(cười điên dại và hát nghêu ngao bản Célèbre Valse :)* La là là la la, là là la lá la là la... Ha... ha... đồ phản động, máu... máu !

Thắng : *(giằng lấy vở kịch nơi tay Hoài)* Hoài, Hoài cô điên thật rồi sao ! Anh em đâu, vực cô này vào bên trong đi...

Thu *(lắc đầu ái ngại)* Hoài ơi, Hoài ! *(nói với Thắng)* Hoài không được khỏe các anh cho Hoài nghỉ hôm khác lại tập.

Đột : Xem chừng cô ta lên cơn điên !

Hoài : Điên hả ! Tôi không điên ! Bỏ tôi ra để tôi đi tìm hương lan, tìm bóng chiều, tìm tiếng hồ cầm ngày xưa tìm mẹ tôi và em tôi, ha ha, là là la lá la là là...

(Cả bọn xúm lại giằng tay Hoài. Hoài đập phá lung tung và chạy khắp sân khấu. Khung cảnh hỗn loạn trong khi màn hạ.)

HẾT

TÔ KIỀU NGÂN

BÙI GIÁNG

Cò kính

TÔI đi về dưới trăng tà
Vàng gieo lối cũ mộng ngà đâu nơi
Bóng mù mịt tỏa ngàn khơi
Xuân đời chẳng ở với lời lộng thơ
Em đi từ bấy tới giờ
Trời phương nẻo lạ có bờ bến không
Có xanh đồi lục thay hồng
Có mùa cúc giá sen nồng sang hương
Về đây kiểm lại con đường
Về đây đi lại con đường năm nao
Ngõ tre thôn nữ tựa vào
Nhìn con én liệng em chào xuân đi.

PHƯƠNG ĐÌNH

Người trở về

MẤY tiếng còi báo giờ ngủ vang trong doanh trại. Những tiếng nói bỗng một lần im lặng.

Tuy nhiên, cái im lặng đó chỉ là một hành động phải có trong khuôn khổ kỷ luật mà thôi. Thật ra, làm sao có thể bắt mấy chục con người chỉ trong khoảnh khắc, từ những câu chuyện đang hăng lại lẫn dưng ra mà ngủ ngon ngủ lành cho được? Hơn nữa, ban đêm, sau những giờ học tập, công tác, hành quân, những người chiến binh trẻ trung đều thích sống như lối sống ngày thơ ấu đầy tình nghịch của họ.

Có những hành động « bất tuân kỷ luật » một cách vô hại, họ rất thích làm. Chẳng hạn, theo lý thuyết thì đúng giờ ngủ : phải ngủ, nhưng từng cặp, từng cặp vẫn ló đầu ra khỏi màn, quay mặt lại với nhau mà tiếp tục những vấn đề đang bàn bạc. Có người vì muốn giữ kín một vấn đề *không thể có người thứ ba biết được* (!) nên họ tạo ra một lối nói chuyện trong giờ ngủ mà vẫn hợp pháp như thường. Một người cứ nằm nguyên trong màn, người bên cạnh ngồi bệt dưới đất gần đầu giường người đang nằm rồi cứ thế mà tha hồ tỏ thể với nhau. Kẻ ngồi dưới đất trông như một thiếu phụ vì « lỗ đại » điều gì đang ra sức minh oan, năn nỉ với chồng. Nếu Thượng sĩ thường vụ bất chợt đi ngang thì... « người thiếu phụ » ấy cứ ngồi im, « đức lang quân » giả vờ ngáy lên một chút. Trường hợp Thượng sĩ dừng lại, dòm vào bóng tối giữa

hai chiếc giường vải — các bạn khỏi lo —, anh chiến sĩ của chúng ta đã sẵn sàng một đôi giày đang đánh dỏ. Ai lại khiến trách một quân nhân dám « hy sinh » giờ nghĩ để làm việc ích lợi nhưng không quấy rầy những kẻ khác ?

Từng cặp cú tưởng chỉ có họ nói thầm với nhau, nhưng kẻ nào đứng xa một quãng sẽ nghe rõ tiếng rì rầm, râm ran trong đêm bởi hàng chục tiếng nói hợp âm.

Thượng sĩ Thường vụ thừa biết điều ấy nhưng vẫn lờ đi, một phần vì thương anh em mệt nhọc cả ngày, tối đến nên để cho họ tâm sự với nhau giây lát cũng chẳng có hại mấy, một phần vì không có đủ lý do mà cấm. Làm sao tìm cho ra « thủ phạm » ? Nếu Thượng sĩ thường vụ quá lo cho sức khỏe anh em mà đi tìm kẻ nói chuyện thì thật uổng công ! Có gì đâu, nếu đứng đầu phòng thì còn nghe tiếng nói, nhưng ông ta bước tới đầu thì tiếng nói nơi ấy ngừng hẳn lại, chủ nhân chiếc giường vải dường như đã ngon giấc từ bao giờ. Tiếng nói thì thầm cứ như những âm thanh huyền ảo, gần gần xa xa, hư hư thực thực, tìm không ra, nghe không rõ, cứ thế mà vây quanh một người, người đó là Thượng sĩ thường vụ,

Đêm ấy, anh em trung đội 4 chưa chịu ngã ngủ về một vấn đề mà kẻ nào ác nghiệt đã nêu ra trong bữa cơm chiều. Câu chuyện tranh luận có tính cách tập thể hơn những đêm khác. Họ xoay quanh một đề tài : cá mòi Đà-nẵng và Phan-thiết nơi nào ngon hơn ? Thường thường, những câu chuyện không mấy quan hệ như thế lại được cãi nhau rất hăng, cãi suốt đêm, có khi hàng hai ba ngày liền vẫn chưa kết thúc.

Ở đây, sự nhận xét không được công bình cho lắm. Có người chưa biết Phan-thiết hay chưa được một lần ăn thử cá mòi Đà-nẵng nhưng không chịu đứng trung lập mà tình nguyện gia nhập một bên để cãi, cãi đến cùng, chẳng cần biết lý luận của mình có đúng hay không.

Trong trung đội đã chia làm hai phe rõ rệt. Một phe bênh vực cho cá mòi Phan-thiết, « nó béo hơn, nước chưa sôi đã thấy sao mỡ nổi lênh bênh ». Phe đối lập thì nhất định bảo thủ cho danh bất hư truyền của cá mòi Đà-nẵng. Họ đứng

vững trên lập luận : cá béo quá chưa phải là ngon. Ăn cá chứ không phải ăn thịt. Tiêu chuẩn quan trọng để định cá ngon hay dở là thịt của nó có thơm không, có mềm hay không và khi ăn, chất cá — cả nước lẫn cái — có làm cho người ta khoái khẩu đến ngậm mà nghe hay không ?

Phe Đà-nẵng có nhiều tay cừ về khoa hùng biện xuất thân từ xứ « Quảng-Nam hay cãi ». Hoàng. anh binh nhất lúc nào cũng lết dẹt về môn bắn súng, đi bộ, nhưng bao giờ cũng dẫn đầu về môn cãi cọ. Bất cứ vấn đề gì xảy ra trong trung đội liền hệ đến anh, anh chỉ giở « khẩu lực » ra là giữ phần chiến thắng ngay. Nhiều khi đối phương biết anh hàm hồ đấy, nhưng không còn đủ lý để mà cãi lại nữa. Người ta có cảm tưởng như bao nhiêu lý sự trên đời này đều dồn cả cho Hoàng. Cái hay, cái dở, anh đều tìm một cái « lý » để sẵn đó, ai động đến thì lập tức đưa ra. Bắn dở, theo Hoàng, không phải lỗi do toàn con người của anh mà đầu đuôi chỉ tại... đôi mắt lé ! Đi bộ chậm, anh đổ lỗi vào cặp chân ngắn cùn ngắn cốn của mình. Thế là chịu ! Có vị sĩ quan nào, vị bác sĩ quân y nào điều chỉnh nổi tình trạng đặc biệt của đôi chân và cặp mắt ấy ?

Hoàng đi từ đầu đến cuối phòng, diễn thuyết mỗi lần cho từng... 4 chiếc giường vải đến vô phương chống chế. Chẳng biết anh rút trong cuốn sách nào, căn cứ vào giai thoại nào mà đưa ra một dẫn chứng :

— Các bồ phải biết rằng : cá mòi Đà-nẵng là một thứ cá ngon hơn mọi thứ cá khắp ngũ-đại-dương (!). Chẳng thế, tại sao ngày trước lão cô người Pháp ở Đà-nẵng cứ xuân thu nhị kỳ (!) mua cá mòi hấp cho vào thùng rồi gửi về biếu bà con của lão tận bên Ba-Lê ?

Hoàng không dám nói lớn nhưng nói bằng hơi cồ, giọng nói đặc Quảng-Nam ấy như được đẩy ra bởi một luồng hơi của chiếc bình bơm rất thẳng. Phe « cá mòi Phan-thiết » có phần núng thế, chưa phải vì họ thiếu lý luận nhưng họ ngại... bề mặt cái bình hơi của Hoàng.

Cuộc tranh luận vẫn chưa kết thúc, Hiệp, đối thủ không

cân sức của Hoàng tức mình ngồi nhồm dậy, thò đầu ra khỏi mùng gào lên :

— Hàm-hồ ! Hàm-hồ ! Không có trọng tài không thêm cãi nữa. Còn thằng Tấn ở đâu mất rồi ? Sao đưa ra vấn đề mắc dịch này báo hại người ta cãi muốn đứt hơi rồi lui ở xó nào mà không phát biểu một tiếng ?

Như sự nhớ ra điều gì, Hoàng dịu giọng :

— Tí nữa thì quên ! Minh nhận gác ~~đùm~~ cho Tấn từ 10 đến 12 giờ đêm nay để hẩn ngủ cho khỏe vì sáng mai hẩn đi phép sớm.

Hiệp bỏ sự bực tức nhìn Hoàng :

— Ủ ờ ! Sáng mai thằng Tấn đi phép !

Rồi cả gian phòng nhao nhao lên :

— Không ngờ thằng Tấn mà cũng đi phép !

— Chẳng biết có nhà ai chịu nhận ~~đùm~~ chiếc « xắc » của hẩn cho đủ mười lăm ngày phép ?

— Tấn ơi, Tấn !

Họ gọi Tấn, nhưng Tấn đã đánh một giấc ngon lành từ lúc nào.

Và, trong đêm, cuộc tranh luận về cá mới được hòa giải êm thấm, cả trung đội xoay qua bàn về sự đi phép, về thân thế, tính tình của Tấn.



TẤN — hạ sĩ Tấn — thuyền chuyển về đơn vị này được một năm sau khi mãn khóa chứng chỉ năng lực số 1 Bộ binh. Anh suy nghĩ nhiều khi rời đơn vị cũ ra đi. Đành rằng việc thay đổi như thế, đối với người lính chiến chẳng có gì đáng bàn nhưng đơn vị cũ là nơi đầu tiên đón nhận anh bước vào cuộc đời quân ngũ. Cái nhà « buổi bao đầu » ấy, tất nhiên đã lưu lại trong lòng anh rất nhiều kỷ niệm.

Tấn người Hưng-Yên, Bắc-phần, di cư vào Nam trên chuyến tàu cuối cùng. Ba má anh gửi anh theo mấy người cùng phố đến Hải-Phòng trước rồi gia đình sẽ dọn theo sau. Nhưng mãi đến ngày tàu nhỏ neo anh vẫn không nhận được tin tức của gia đình. Nửa muốn vào Nam, nửa muốn quay về. Rồi chẳng biết vì lẽ gì thúc giục Tấn, anh cương quyết xuống tàu, gạt nước mắt nhìn lại Hải-Phòng một lần chót. Hải-Phòng và cả quê hương anh mờ dần, rồi khuất hẳn dưới liếp cửa bao la của một buổi chiều xẩm. Ba má và các em của Tấn không còn hy vọng vào Nam nữa. Anh chưa biết làm công việc gì, nương tựa ai để tiếp tục học hành thì được tin Quỳnh-Lưu bị Việt-Cộng khủng bố. Quỳnh-Lưu đã đổ máu, không chóng thì chầy, Hưng-Yên của anh, nơi có dòng sông êm đềm trôi và những vườn nhãn sai đầy quả ngọt cùng tất cả Bắc-Việt mến yêu sẽ đổ máu. Tự do hay là Chết? Đồng bào Bắc-Việt chỉ còn hai con đường ấy.

Nghĩ đến ba, má, các em, bà con thân thuộc của Tấn, anh xót ruột vô cùng! Anh phải làm một việc gì rất thiết thực, có hiệu lực trực tiếp đến công cuộc đòi lại quê hương. Không một chút do dự, anh tình nguyện nhập ngũ. Tấn đã toại nguyện. Vào quân đội, Tấn không còn thấy bị bơ vơ nữa. Đã có anh có em lại còn có sức mạnh tập thể vũ trang — khả dĩ một ngày trong tương lai anh sẽ đạt được giấc mộng trở về.

Thời cuộc chưa chiều anh, nghĩa là khi Tấn nóng lòng tiến về phương Bắc thì tiểu đoàn anh lại được lệnh vào Nam tham gia chiến dịch tiêu trừ phiến loạn. Anh đã có mặt trong tất cả các chiến dịch trên mọi chiến trường. Đến giai đoạn II của chiến dịch Đình-Tiên-Hoàng, Tấn bị thương. Anh bực mình vì bị đứt quãng một thời gian chiến đấu. Một vết sẹo dài vắt ngang lưng, Tấn gọi đó là con đường của loạn quân đã thách thức anh tiến vào phá tan sào huyệt của chúng tàn Rừng Sắt.

Thanh bình vẫn hồi trên khắp miền Nam tự do. Chính phủ, nhân dân cùng dốc tâm lực để hàn gắn những vết thương chiến tranh, lo nơi ăn chốn ở cho một triệu đồng bào miền Bắc di cư... Theo chủ trương cải tổ Quân đội của chính phủ, tiểu

đoàn Tấn về Trung, vẫn giữ nguyên quân số nhưng được sắp nhập thành đại đơn vị.

Tấn được đi học khóa chứng chỉ năng lực số I Bộ binh và kể từ ngày ấy, tiểu đoàn đối với anh đã thành đơn vị cũ. Mọi vui, buồn ngày qua đã trở thành kỷ niệm. Ngày đi, Tấn hơi buồn. Quê hương của anh hiện giờ là hình ảnh xa vời đang quẩn quại, rên siết sau bức màn tre. Anh chỉ còn biết bám vào quê hương mới; quê hương của những người chỉ biết một màu cờ, một hướng đi, một mục tiêu chiến đấu duy nhất. Đánh rằng thế, nhưng một sự xê dịch nho nhỏ vừa đủ xáo trộn mọi nề nếp sinh hoạt, tình cảm quen thuộc, cũng gây một chút buồn trong lòng Tấn. Buồn, nhưng đầy tin tưởng. Mỗi bước đi lên của người lính chiến, nếu không được ghi bằng chiến công thì ít ra cũng vượt khỏi mực tĩnh của ngày qua. Đối với Tấn, bước đi lên ấy, anh không nghĩ vào chiếc lon hình chữ V vàng sẽ làm cho cánh tay áo bên trái đỡ quạnh hiu mà là sự phục vụ quân đội bằng một khả năng mới, những hình thức mới trong một phạm vi công tác có phần rộng rãi hơn xưa.

Tại miền Nam, Tấn không có qua một người bà con, thân thuộc. Anh chỉ biết những người trong đơn vị của anh. Hơn ba năm từng sự tại đơn vị cũ và một năm về đơn vị mới, Tấn không hề xin nghỉ quá hai ngày phép. Nghỉ phép để về đâu? Không có mái nhà quen nào đón anh về để anh được hưởng một bữa cơm ấm cúng có màu sắc gia đình. Cũng có hàng trăm xóm làng anh đã đi qua và bao nhiêu người anh đã gặp, đã quen, nhưng những nơi ấy, mỗi tình quân dân cá nước tuy thấm thiết nhưng là của chung, làm sao anh có thể về bất cứ một nhà nào đó để vui chơi tự nhiên cho trọn mấy ngày phép?

Đôi khi Tấn cười một mình vì anh thấy rõ anh: một người lính không biết nghỉ phép. Việc ấy hầu như thành chuyện tất nhiên của anh rồi. Và, trong đơn vị, anh em dành cho Tấn một thông lệ hay hay: nếu ngày mai có ai đi phép mà tối nay họ gặp phiên gác thì y như người ta nghĩ ngay đến sự nhờ cậy Tấn. Không bao giờ Tấn từ chối sự giúp đỡ ấy. Nhiều

khi phiên gác của người ấy tiếp liền với phiên gác của Tấn, dù sau hay trước, anh cũng vui vẻ làm xong phận sự của cả hai người.

Bởi thế, ngày mai Tấn đi phép lần đầu tiên, ngay bữa chiều anh đã được nhiều anh em khác tự nguyện gác hộ phiên gác của Tấn đêm nay.

Thật không thể ngờ được rằng có một quân nhân ngày mai đi phép — đi phép lần đầu — nhưng đêm nay vẫn ngủ một cách hồn nhiên. Người khác sẽ không lấy làm lạ nếu biết rằng ngày xưa, trước giờ tác chiến với loạn quân, Tấn còn có thể ngủ một giấc như không có chuyện gì sẽ xảy ra vài giờ sau đó.



TẤN đi chậm chậm. Con đường đất từ bến xe hơi về tiểu đoàn bộ phoi mình dưới nắng ban mai, hai bên là ruộng, lúa đã chín vàng. Trời cao và xanh ngắt. Gió nhẹ. Lúa reo như tiếng sóng khô khan từ xa đưa đến bên chân Tấn. Một âm thanh nhẹ nhàng, vui tươi lần quất quanh anh. Cánh đồng bao la, lúa vàng khoe màu thịnh trị. Tấn khoan khoái nhìn bên trái, nhìn bên phải, đôi khi mắt anh dừng lại giây lâu nơi một chấm cò trắng trên bờ ruộng, lắng nghe tiếng chày giã gạo vang vọng từ một xóm xa. Qua khỏi cánh đồng, phố V. Đ. trù mật xếp dài theo hai bên quốc lộ số I. Mới một năm mà nhà cửa ở đây được xây cất thêm nhiều quá!

Quán phở « ngẫu pín » của bác Tư-Thọ, tiệm cà phê cô Hạnh — có gái má lúm đồng tiền và có lối nguyệt mặt sắc như dao cạo — quán cắt tóc « có lấy ráy tai » của hai Danh... Tất cả đều có chiều thịnh vượng hơn xưa. Tấn không dám nhìn họ vì lỗ ló nhân dạng quen thuộc ra, họ sẽ gọi tên và không để Tấn đi ngay vào tiểu đoàn trước giờ bãi việc.

Tấn dừng lại trước cổng tiểu đoàn. Doanh trại im lìm. Bóng một chiếc mũ sắt lấp ló bên trong bót gác.

Anh lính gác nhìn Tấn. Tấn nói thầm :

— Thăng Dần. Đích thị là bác binh nhứt Dần đang đứng gác đây rồi!

Tấn sung sướng đến muốn bật ra tiếng cười vì sự cảm xúc khi nhìn thấy người thứ nhất trong số những người thân. Tấn tưởng chỉ mình anh là đủ sáng suốt để nhận ra Dần sau một năm trời xa cách, nhưng Dần vụt reo lên, quên mất tư cách tuyệt đối của một người lính gác:

— Ê, Tấn! Đi đâu mà ngơ ngơ ngác ngác thế? Về tiểu đoàn thăm anh em hả? Vào, vào đi, còn đứng trảng trảng ra đó làm gì?

Tấn bước đến siết tay Dần rất chặt:

— Mình để xem thử cậu có quên mình hay không? Mình đi phép thường niên đây. Anh em có « ở nhà » đủ chứ?

— Đủ, cũng có thiếu... Nhưng hãy vào đi đã. Mình còn nửa giờ nữa thì đổi gác. Vào ngay phòng trung đội 3, phòng chúng mình ngày xưa đấy.

— Mình vào trước nhé!

Dần nhìn Tấn, nói với:

— Hạ sĩ rồi? Bảnh quá ta!

Tấn quay mặt lại, cả hai cùng cười.

Sân tiểu đoàn ngập nắng. Vài chiếc xe « con cóc » lù lù một góc sân. Văn phòng, phòng Chiến Tranh Tâm Lý rộn rã tiếng máy đánh chữ. Từ phía ga ra, anh tài xế đang thử máy một chiếc 6x6, chiếc xe rồ lên từng hồi như tiếng gầm của con ác thú.

Tấn tiến lại phía văn phòng, gõ cửa, bước vào chào rồi trình giấy phép với Trung-ủy văn phòng trưởng. Trung-ủy là một trong những vị sĩ quan kỳ cựu nhất của tiểu đoàn, người dong dỏng cao, nắm chặt tay Tấn thân mật:

— Đã « hạ-sĩ » rồi kia à? Đúng chứ! Có lý nào con người « tuổi trẻ tài cao » như Tấn mà cứ hăm hiu mãi. Được lắm. Về phép mà lại về ngay đơn vị cũ là một việc làm nhiều ý nghĩa của con nhà binh,

Đoạn, Trung úy gọi gầy nói mời Thượng sĩ thường vụ.

Thượng-sĩ đến. Tấn chào. Ông không đáp lễ bằng lời chào nhà binh nhưng vốn vã bước đến bắt tay Tấn, nói bô bô !

— Chú đi công tác hay đi đâu mà ghé đây? Lâu quá nhỉ!

— Thưa Thượng sĩ, em đi phép ạ!

Trung úy nhìn Thượng sĩ vui vẻ nói:

— Tấn đi phép đấy. Tội nghiệp, cậu ta không có bà con thân thuộc gì ở đây nên nghỉ phép thì về thăm lại tiểu đoàn. Thượng sĩ xếp đặt cho Tấn một chỗ nghỉ và dặn mấy xếp hỏa đầu vụ nhớ thêm một phần cơm khách trong thời gian Tấn lưu lại với anh em.

Thượng sĩ và Tấn chào Trung úy văn phòng trưởng, bước ra.

Tin Tấn về truyền nhanh khắp các trung đội. Anh em còn bận làm việc nhưng ai cũng len lén nhìn quanh tìm Tấn. Họ ngoắc, họ tróc miệng, họ huýt sáo mồm và khi Tấn nhìn thấy họ, họ đứng ưỡn ngực, đưa tay chào rồi nhảy cõn lên như những đứa trẻ.

Tấn gờ mũi vẫy anh em rồi chỉ tay về phía phòng trung đội 3; nơi Thượng sĩ thường vụ bảo Tấn theo vào đó cất đồ đạc.

Một hồi kể bãi việc. Anh em rầm rập chạy đến bao quanh Tấn. Tấn gặp lại gần đủ những bộ mặt quen thuộc. Thắng Xá sùn này, thắng Đan này, thắng Sen mụn này, thắng Chắt mụt cờ tông này... Tấn siết tay từng người một, anh không thể nào trả lời hết những câu hỏi của chừng ấy con người.

Một năm trời trải qua, biết bao nhiêu việc đã xảy ra trong cuộc đời của mỗi người lính chiến. Cuộc sống không trầm lặng, ao tù, tất nhiên những đổi thay của họ có nhiều lý do đáng mừng nhưng cũng không tránh được những tin làm se lòng người trở lại. Tấn nghĩ thế nên anh chưa dám hỏi đến một vài người vắng mặt. Biết đâu... biết đâu sự thiếu mặt của họ lại chẳng vì một duyên cớ không như sự thuyên chuyển của Tấn?

Anh em lần lượt về giường mỗi người để thay y phục hay đi tắm rửa.

Tấn nhìn quanh gian phòng ngày xưa. Vẫn hai dãy giường vải ngay ngắn, bộ bàn ghế để anh em viết thư, khác một tí là nền nhà bây giờ trắng xi măng và bốn bức tường đã được quét vôi trắng che lấp những vết loang lổ ngày xưa.

Tấn bước ra sân. Giữa sân, cột cờ cao vút, lá quốc kỳ hơi chao chao vì cơn gió nhẹ ban trưa, màu vàng sáng sủa nổi bật trên nền trời xanh rực rỡ, cao xa.

Phía bên phải, đằng sau nhà xe là trại gia đình binh sĩ thấp thoáng bóng các chị vào ra và những em bé chạy nhảy, nô đùa.

Lòng Tấn vui vui. Gia đình anh đây. Anh về lại với các anh, các chị và những đứa cháu ngây thơ. Anh về lại với chiếc sân rộng đã chứng kiến bước chân tập thao diễn lần thứ nhất của anh bước vào đời quân ngũ. Anh về lại với đôi cánh công đã từng đưa anh đi vì sứ mệnh và đón anh về với những chiến công. Nhà giam lộ thiên — một hình ảnh trừng phạt lỗi thời — đã bị phá đi, thay vào đó, một bức tường cao và rộng, quét vôi trắng, ghi rõ 7 điều giáo lệnh.

Tấn bước vào thư viện tiểu đoàn. Giờ nghỉ nhưng cửa thư viện bỏ ngõ. Tấn không xem sách nhưng đứng rất lâu trước lá cờ chiến thắng của đơn vị. Vui mừng. Cảm động. Tấn vụt đứng nghiêm, đưa tay kính cẩn chào. Những trận đánh oanh liệt của tiểu đoàn có anh tham dự, những chiến hữu ôm súng tiến lên hay ngã gục trước làn đạn quân thù, những đêm di hành, những buổi trưa thao trường vang vang tiếng hô đám lê xé nắng... Tất cả hiện về. Buồn, vui tràn ngập trong lòng Tấn. Tấn quên mình là một quân nhân nghỉ phép và hiện là « khách » của đơn vị cũ, anh hát lên bài hành khúc cổ điển của tiểu đoàn này.

Trong im vắng của một buổi trưa ở đồn, tiếng hát hùng mạnh, quyết thắng và bất khuất vang vang trong thư viện,

thoát ra ngoài. Âm điệu quen thuộc ấy như được từng mái tôn, từng ụ súng, từng căn phòng hòa theo và điệp khúc mãi mãi...



ĐÊM nay, câu lạc bộ tiểu đoàn dành một dãy bàn kê liền nhau của trung đội 3 đặt tiệc đề thết Tấn.

Tất cả anh em đều mặc quân phục dạo phố. Thượng sĩ thường vụ cũng có mặt. Anh em nâng ly mừng Tấn tái ngộ. Tấn vui vẻ, nói nói, cười cười, nhưng còn một điều anh nấn ná mãi mà chưa dám hỏi ai. Đó là sự thiếu mặt của Giao, người bạn cùng nhập ngũ một lần với Tấn. Khi anh được lệnh chuyển thì Giao vẫn ở lại với tiểu đoàn. Lại còn Huân nữa. Cái anh chàng cứ nghe nói đến con gái thì la bài hải rồi chạy đi chỗ khác, sao Tấn cũng không thấy?

Tấn hỏi tất cả anh em về hai người ấy.

Anh em nín lặng nhìn nhau. Giây lâu, Thượng sĩ thường vụ nhìn chăm chăm vào ngọn đèn, giọng nói hơi trầm xuống:

— Hai anh ấy không còn nữa! Giao chết vì bệnh thương hàn và Huân rủi ro trong một tai nạn xe hơi trên đèo A.V. cuối mùa đông năm ngoái.

Đẩy chiếc đĩa lui ra, Tấn thở dài:

— Xin... hoài niệm linh hồn hai anh ấy!

Tấn không nhìn lên nhưng anh biết các bạn đang nhìn anh, tôn trọng phút giây đau buồn mà đơn vị cũ dành sẵn một ai tin đến bây giờ mới có dịp báo cho anh hay.

Đề phá tan không khí buồn buồn trong bữa tiệc, một anh cất tiếng hát bài hành khúc của tiểu đoàn. Tất cả đều hát theo. Hòa theo bản đồng ca ấy, Tấn có cảm tưởng như anh đang cùng các chiến hữu của đơn vị cũ nhịp bước, đi lên...



Vì phải đi cho kịp chuyển xe sớm nên Tấn từ giã tiểu đoàn vào một buổi sáng tinh sương khi anh em tập thể đục chưa về.

Ngồi trên xe hơi, Tấn ngẩn ngơ nhìn lại mãi. Khu vực tiểu đoàn bao quanh bởi một bức thành đá xám. Anh không còn là người lính ở bên trong bức thành ấy nữa chốn cũ. Anh chỉ là khách của ngôi nhà cũ. Và bây giờ, người khách ấy lại ra đi.

Tấn buồn buồn. Anh tưởng như mình đang rời một quê hương để trở lại một quê hương.

PHƯƠNG ĐÌNH

TÁC PHẨM KHAI BÚT NĂM TÂN SỬU

NÀNG ÁI CƠ TRONG CHẬU ÚP

Một câu chuyện lịch sử kỳ bí

Một câu chuyện văn chương tao-nhã

Một câu chuyện diễn tình cao thượng

bị mai một hơn hai thế kỷ, nay mới được phô bày theo
dòng mực lưu-loát DƯỚI MÁI TRĂNG NON

Của **MỘNG-TUYẾT** Thất Tiều-Muội

Một tác phẩm dự bị xây dựng từ hơn 20 năm, phải chờ
khai thác đầy đủ sử liệu mới khởi thảo đề :

ĐIỀM SINH SẮC CHO LỊCH - SỬ TƯƠI MÀU

TRUYỀN LINH ĐỘNG CHO CỎ NHÂN SỐNG LẠI

NÀNG ÁI CƠ TRONG CHẬU ÚP

Là cuốn lịch-sử kỳ sự đem lại cho bạn :

một chuyện-tích lý-thú say mê

Là cuốn giai thoại văn chương đem lại cho bạn :

một phong khí tao nhân mặc khách

Là cuốn tình sử diễm tuyệt đem lại cho bạn :

một nỗi niềm bàng khuâng thương cảm.

Bìa lá sen non, giấy ngọc trắng, ấn tin : 55 đồng.

Bìa lá sen già, giấy ngà thơm, đặc-ấn : 95 đồng.

Thủy mặc, phụ bản, ấn tin đều của thi sĩ **ĐÔNG-HỒ**
trình bày, với một sắc thái trang nhã.

Phát hành : **YỀM-YỀM THƯ-TRANG**

113-115 Nguyễn-thái-Học — Saigon

TƯỜNG LINH

Màu cỏ tháng giêng

NÀNG gục xuống giữa mùa xuân hoa cỏ
Như lời ca tắt giữa một cung đàn
Nàng bỏ khu vườn chim, bướm, mai, lan
Lối sỏi trắng, cửa lầu trang vắng lạnh
Nhện thương tiếc chẳng đường tơ mỏng mảnh
Trên bực đàn, trên viện sách bơ vơ
Nàng bỏ tình yêu, tắt mộng, xa thơ
Ôm hẹn ước lặng yên vào cửa mộ
Mặc buổi chiều xanh, mặc đêm không tỏ
Hết buồn vui, hờn giận, hết thương mong...

Chân nàng xưa, uyển chuyển gót sen hồng
Từng ngưng ngậm lặn cầu thang gác nhỏ
Lời chim oanh chẻ vành môi mộng đỏ :
— Người yêu thơ xin gặp khách cho thơ
Buồn bỗng đứng uốn nhẹ cặp mi tơ
Hồ mắt biếc long lanh trời tuổi mộng
Từng sợi tóc ngát xanh từng ý sống
Mười ngón tay tháp bút dạo trên đàn
Cung la trầm như gió thoảng chiều hoang
Trong im vắng, đôi tim thăm nức nở.

*Rồi cả mùa xuân chung lời than thở
 Chiều tiễn đưa đường lạnh, nghĩa trang buồn
 Còn những gì trên gác trọ cô đơn ?
 Chút dư ảnh cũng theo nàng bữa đó !*

*Nàng nằm đây, hai mùa xuân hoa cỏ
 Màu cỏ xanh, lá nõn, nắng mai hồng
 Hỏi : tóc nàng dưới mộ có xanh không,
 Tuần mưa bụi tháng giêng, hồn có thỏa ?
 Tuổi bướm cũ, bây giờ, thành tuổi đá
 Nàng về ai ? — bìa mộ giữ tên nàng !
 Nàng có hay khu vườn cũ mai, lan
 E-ấp nụ, mong nàng về mở hội
 Và viện sách cùng lầu trang, lối sỏi,
 Chim mùa xuân khắc khoải gọi tên nàng
 Cả cuộc đời ngưỡng vọng một dung nhan
 Màu cỏ biếc tháng giêng trùm kín mộ
 Kẻ dương thế muốn hỏi từng lá cỏ :
 — Có gặp hồn người trinh nữ mùa xuân ?*

Gióp nước cài trên ngọn cỏ rừng rưng...

TƯỜNG LINH

Phần thứ ba

Phần thứ ba của Văn Hũu số 10 này được hoàn thành bằng sự gom góp tin tức và tài liệu trong ngoài nước của quý bạn : Sĩ Trung — Thy lệ Khanh — Trần văn Long — Hoàng Lan — Đức Quang...

Gió Đông... Gió Tây...

TRONG NƯỚC

DIỄN THUYẾT

— Tại phòng Khánh Tiết tòa Đô Sản, hôm 23-2 ông Phạm-dinh-Khiêm đã nói về :

« Xã hội Việt-Nam hồi thế kỷ XVII dưới mắt giáo sĩ A. de Rhodes »

Diễn giả nhắc lại lời của giáo sĩ khi biệt đất Việt-Nam để nhậm chức một nơi khác :

« Tôi từ già xứ Nam bằng thề xác, nhưng chẳng phải bằng lòng tri, và đối với xứ Bắc cũng vậy ; thật sự tâm hồn tôi đã trộn ở hai nơi ấy, và tôi tưởng không bao giờ lòng tôi có thể rời khỏi hai xứ đó ».

Diễn giả, cho rằng xã hội Việt-Nam hồi thế kỷ XVII là một thế kỷ được coi là « vĩ đại », vì không một thời kỳ nào được ghi dấu trong Quốc

sử bằng những biến cố lớn lao, và có ảnh hưởng quyết liệt đối với tương lai cho bằng thế kỷ 17. Chính trong thời kỳ này, dân tộc Việt-Nam đã thực hiện một cuộc phát triển có một không hai trong lịch sử thế giới : từ đèo Cù-Mông (Quy-Nhơn) tiền nhân chúng ta đã tiến thẳng một mạch xuống vịnh Xiêm-La, mở rộng thêm đất đai cho giang sơn Việt. Và cũng chính ở thế kỷ này, dân tộc ta bắt đầu tiếp xúc với Tây phương, mở cửa đón nhận một nền văn minh mới, giáo sĩ Đắc Lộ là chứng nhân của toàn bộ xã hội Việt - Nam thời đó. Lời chứng của giáo sĩ Đắc-Lộ rất phù hợp với tài liệu của tác giả Tây phương đương thời, và các nguồn sử liệu riêng biệt Việt-Nam. Giáo sĩ biết rõ cả giang sơn này là một quốc gia

độc lập, từ năm 938, và cũng hiểu rõ nguyên nhân đã phân chia đất nước: đó là sự đổ kỵ giữa hai anh em rể Trịnh-Kiểm và Nguyễn-Hoàng, vì vậy mà có thể coi ông là người Âu đầu tiên viết một đoạn sử về thời kỳ bi đát của Việt-Nam.

Tiếp theo, diễn giả trình bày hình ảnh xứ Nam, và xứ Bắc theo tài liệu của giáo sĩ Đắc-Lộ lưu lại. Về xứ Nam giáo sĩ nói đến hai cửa bể Hội-An và Đà-Nẵng, tình hình kinh tế và quân sự đương thời. Về xứ Bắc, thì hình ảnh tổng quát, theo giáo sĩ là một xứ đẹp để phi nhiều, to điểm bằng 50 con sông, hai phía lại có biển cả.

Thuật lại cuộc hành quân của Chúa Trịnh-Tráng chinh phạt chúa Nguyễn-Hoàng, giáo sĩ nói đến hai chiến thuật đã giúp cho chúa Nguyễn thắng: quân chúa Nguyễn tạo những hình nộm mặc binh phục như lính Bồ-Đào-Nha mang vũ khí dàn trận trên một ngọn núi gần cửa Nhật-Lệ, và giăng giầy có buộc đinh lớn ngấm dưới lòng sông cửa Nhật-Lệ làm cho chiến thuyền của chúa Trịnh bị vướng đắm.

Về văn hóa, giáo sĩ nhận rằng xã hội Việt-Nam được xây dựng

trên một căn bản văn hóa và đạo đức vững chắc, do ảnh hưởng của đạo Khổng. Ảnh hưởng đó phát hiện dưới hình thức: sự bền vững của gia đình, lòng hiếu thảo của con cái với cha mẹ, thuần phong mỹ tục và tôn trọng luật pháp.

Giáo sĩ cũng rất cảm phục tình tình hiền hòa của người Việt-Nam; trong quân ngũ binh lính thương yêu nhau như anh em ruột. Người Việt lại không kiêu ngạo, dễ giao thiệp, chính vì thế mà giáo sĩ Đắc-Lộ mến yêu xứ sở và dân tộc Việt-Nam.



— « *Những món ăn lạ của Việt-Nam và Trung-Hoa* » đó là đầu đề câu chuyện của ông Thái-Văn-Kiểm do Hội Nghiên cứu Đông - Dương tổ chức hôm 15-3.

Sau khi nói về con trâu, tượng trưng của năm Tân-Sửu, diễn giả lần lượt nói về tám món ăn quý, gọi là Bát trân: nem công, chả phượng, nách tê giác, tay gấu, gân hươu, môi đuôi ươi, chân voi, yến. Rồi đến những món ăn chính của giới thượng lưu Á-Châu, như: vẩy cá, gà đen v.v...

Đoạn diễn giả nói tới các

loại trà như : hầu trà, mã trà, trước thiết trà mọc ở Vũ Di sơn.

Trong buổi nói chuyện, có chiếu nhiều tấm phim màu, và sau đó là một bữa tiệc gồm những món ăn đặc biệt Việt-Nam, đã chiếm giải nhất cuộc thi nấu món ăn ở Đông-Kinh bên Nhật năm 1956.



— Đại đức Ananda Mangala, từ Tích-Lan đến Sài-gòn, đã nói chuyện tại Đại-học Văn-khoa về :

« *Khủng hoảng tinh thần tại Á Châu* ».

Diễn giả cho rằng tinh hoa của Á Châu là nguồn gốc tất cả mọi nền tảng triết lý, hiện nay đang bị chủ nghĩa duy vật làm cho lu mờ. Người Á Châu cần phải giải quyết sự khủng hoảng ấy.

Người ta thường cho rằng khủng hoảng này do nền văn minh đưa lại, song theo diễn giả thì nó khởi sự từ nội tâm chúng ta, mà căn nguyên chính là dục vọng sân si, dốt nát và sợ hãi. Những tính xấu của nhân loại đã phát sinh ra sự tranh chấp và chiến tranh.

Đề giải quyết cuộc khủng hoảng này, đại đức khuyến

cáo ta nên thực dụng theo giáo lý nhà Phật, hãy nhìn thẳng vào bản thân mình, nhìn thẳng vào cuộc đời như nhìn vào tấm gương. Phải xử cho nhân ái, trau dồi đức tính vị tha, bỏ lòng vị kỷ và phải có một thái độ khiêm nhường, sẵn sàng tu dưỡng theo đường khổ hạnh.



— Sáng 19-3 giáo sư Nguyễn-khắc-Kham đã diễn thuyết tại Đại-học Văn-khoa về :

« *Xứ giả Việt-Thường và xe chỉ Nam* ».

Mở đầu diễn giả nói đến phong trào khẩu đĩnh quốc sử đang phát triển mạnh mẽ, do đó, mà diễn giả đem trình bày một vấn đề có liên quan đến một thời kỳ quốc sử của ta.

Theo truyền thuyết, thì vào năm Tân-Mão (1109 trước Tây lịch) đời vua Thành-Vương nhà Chu có nước Việt-Thường ở phía Nam xứ Giao-Chỉ sai sứ đem chim trĩ trắng sang cống, nhà Chu phải tìm người làm thông ngôn, và có ông Chu-công-Đán lại chế ra xe Chỉ-Nam để đưa sứ Việt-Thường về nước.

Truyền thuyết này rất lưu hành trong sử sách Trung-Hoa,

Theo diễn giả, về vấn đề Việt-Thường có lẽ phải đợi tới khi nghiên cứu kỹ lưỡng trong những tài liệu Việt-Nam sẵn có, hay có thể phát kiến được ở tương lai để so sánh với những tài liệu Trung-Hoa, những tài liệu của các đồng bào thiểu số, những sử liệu cổ truyền của các dân tộc có liên quan lịch sử với nước ta như Ấn-Độ, Miên, Lào lúc đó ta mới có thể kết luận một cách chắc chắn được.

Còn việc sáng chế ra xe Chỉ-Nam, nhờ có những tài liệu Trung-Hoa khá đầy đủ, nên có thể xác định được thời đại phát minh. Sau hết xét về tương quan giữa hai vấn đề, diễn giả cho rằng thời đại thực sự sáng chế ra xe Chỉ-Nam sẽ có thể dùng làm tiêu chuẩn gián tiếp để làm sáng tỏ thêm vấn đề Việt-Thường.



— « *Chữ trình của người phụ nữ* » đó là đầu đề câu chuyện của ông Nguyễn-duy-Quyến nói tại trụ sở Bắc-Việt tương tế, do hội Khổng học tổ chức hôm 24-3.

Quan niệm theo một nghĩa rộng, diễn giả cho rằng xưa

nay, đối ứng với chủ nghĩa của nam giới, chữ Trình của người đàn bà là một đức tính quý giá nhất.

Thời xưa, sở dĩ người đàn bà luôn luôn nâng cao tiết giá, vì đạo lý Khổng-Mạnh còn chi phối trong dân gian, với những tiêu chuẩn « tứ đức tam tòng », cũng như xã hội; dư luận phê phán rất khắc khe đạo đức của người đàn bà. Trong lòng, người con gái chưa hoang là một nhục nhã cho gia đình và bị phạt vạ. Ở một vài nơi khác, hội đồng kỳ lão nhóm họp, sau khi có một người đàn bà chết, để xét hạnh phẩm. Nếu là người đức hạnh, vị niên trưởng trong làng cầm một bản tuyên dương đi trước đám tang. Người ta coi đó là một vinh dự cho người đàn bà và cho con cháu.

Kể từ hồi hậu chiến nhiều luồng tư tưởng do cá nhân đã phá tan tập tục cổ truyền cao đẹp đó. Để nâng cao giá trị tinh thần của người đàn bà Việt-Nam, diễn giả đề nghị nên khuyến khích phụ nữ giữ gìn phẩm hạnh.



— Hôm 17-3 bác sĩ Hosnin-

ger đã nói chuyện về : « kỹ thuật khai thác lâm sản. » tại Bộ Canh Nông.

Cũng tại Bộ Canh Nông bà Nguyễn-Kim-Oanh, hôm 24-3 đã nói về : « Phương pháp ủ phân hữu cơ và ủ khí dễ thấp đèn và nấu ăn. »

Đề tài của bà Oanh được chia làm 3 phần :

— Sơ lược những tính chất và chức vụ của chất nấu trong đất, và sự cần thiết bón phân hữu cơ trong nghề nông.

— Ý niệm hướng dẫn việc ủ phân hữu cơ của phòng Vi trùng học.

— Một khía cạnh khác của vấn đề ủ phân hữu cơ liên quan đến kinh tế gia đình nông thôn.

HỘI HỌA

— Từ 2-3 đến 12-2 tại phòng Thông tin Đô thành đã có cuộc trình bày tranh của bà *Raoult Kerhousse*, giáo sư trường Marie - Curie. Tuần trước, chính bà đã tổ chức cuộc triển lãm mỹ thuật của nữ sinh lớp năm và sáu trường Marie-Curie, tại trụ sở Pháp-văn Đồng-minh hội.

Bà *Kerhousse* đã trình bày —

lần thứ nhất — tám mươi họa phẩm gồm đa số là tranh sơn dầu, và một ít vẽ chì, hoặc thủy thái họa. Đề tài là những phong cảnh miền bẽ, miền núi hoa quả V.N.



— Họa sĩ *Văn-Nguyễn* đã trình bày tại phòng Triển lãm Đô thành chừng 80 họa phẩm sơn dầu. Đề tài là những phong cảnh, số lớn là sông nước, cũng có một ít tranh vẽ người và tĩnh vật. Họa sĩ *Văn-Nguyễn* đã từng có tranh trưng bày trong nhiều cuộc triển lãm ở Đô thành.



— Tại trụ sở Pháp văn Đồng minh hội, từ 23-2 đến 1-4-61 đã có cuộc trưng bày chừng 60 họa phẩm sơn dầu của họa sĩ *Duy-Thanh*.

Họa sĩ *Duy-Thanh* thuộc môn phái tiên tiến, lần này ông đem trình bày những tác phẩm mới nhất, với những đề tài về tĩnh vật, người lỏa thể chân dung, đem lại cho người yêu nghệ thuật nhiều cảm hứng thích thú.



— Chiều thứ sáu 24-3 đã khai mạc phòng triển lãm « *Com-paraison* » tổ chức tại gian hàng Công ty Xe hơi ở đại lộ Thống-Nhất. Đây là lần đầu tiên người ta được thưởng thức các tác phẩm nguyên bản của các họa sĩ và nhà điêu khắc hiện đại của Pháp thuộc đủ môn phái : mộc mạc, trừu tượng, thực thể, tân thực thể, vân vân...

Tất cả có 94 bức sơn dầu của *Edith Auffray, Balle, Cadieu, Crusat, St. André, Faugarsux* v.v..., 15 tác phẩm điêu khắc của *Rivière, Volti, Leleu, Bernard, Collamarin*, v.v.

Nhiều tác phẩm nói trên, trị giá tới hơn một triệu quan một bức.



TRIỂN LÃM NGHỆ THUẬT VIỆT-NAM Ở HOA-KỲ.—

Cuộc « Triển lãm nghệ thuật Việt-Nam » ở Nữ-Ước đã được người Mỹ rất chú ý. Những vật trưng bày gồm những bảo vật thời thượng cổ đến các tác phẩm mỹ thuật và tiểu công nghệ hiện đại : sơn mài, điêu khắc, y phục, đồ trang sức, ngà, bạc, đồ sứ, đồ khảm. Các sinh viên, nhạc sĩ Mỹ đặc biệt chú ý đến một số cạnh

khía thời xưa của Việt-Nam và rất thích thú khi được nghe những bản nhạc Việt thu thanh.



MỘT PHIM VIỆT-NAM ĐOẠT HUY CHƯƠNG Ở Ý-ĐẠI-LỢI

Trung tâm Văn hóa Điện ảnh Ý-đại-Lợi vừa chính thức cho biết cuốn phim « *Người con của biển cả* » của Việt-Nam Cộng Hòa vừa được viện Nghiên cứu Văn học Trung và Viễn Đông nước Ý trao tặng giải thưởng huy chương vàng, nhân danh Đại hội phim ảnh các dân tộc.

Viện Nghiên cứu văn hóa Trung và Viễn Đông của Ý là một trong những cơ quan nghiên cứu văn hóa có tiếng ở Âu Châu. Đại hội phim ảnh có 25 nước tham dự đã được tổ chức tại Florence. Hội đồng giám khảo gồm nhiều nhân vật có tiếng trong văn học và điện ảnh thế giới đã làm việc suốt tuần lễ để chọn những phim xuất sắc tặng giải thưởng.



— Ông *Nguyễn-mạnh-Đan* vừa nhận được cùng một lúc hai huy chương vàng về một trong những tác phẩm của ông trưng bày tại phòng Triển lãm

quốc tế ở Melbourne, Úc-Đại-Lợi và tại phòng Triển lãm Hương-Cảng. Tác phẩm của ông mang tên là «*Xứ ảo mộng*» trình bày một em nhỏ đi trên cát : Bãi cát rộng lớn vừa trải qua một cơn mưa nên rất nổi đem lại cho phong cảnh một trạng thái hư ảo tuyệt đẹp.

TRIỂN LÃM

— Tam bách chu niên vị sáng lập chữ quốc ngữ : A. de Rhode, tại phòng Thông tin Đô thành từ 22-2 đến 28-2-61.

Viện khảo cổ đã tổ chức một cuộc triển lãm các tài liệu cổ : sách in, bản thảo viết tay, hình ảnh về sự thành lập và tiến triển của chữ Quốc ngữ về xã hội Việt-Nam từ thế kỷ 17, nhân dịp tam bách chu niên hủy nhật giáo sĩ Alexandre de Rhodes (1660-1960).

Suốt trong tuần lễ có cuộc triển lãm, đồng thời lại có tổ chức ba buổi diễn thuyết :

Hôm 22-2 tại phòng Khánh tiết Tòa Đô sảnh, ông Phạm-đình-Khiêm nói về : «*Xã hội Việt-Nam ở thế kỷ XVII dưới mắt giáo sĩ Đắc-Lô*. »

26-2, Linh mục Nguyễn-khắc-Xuyên trình bày tại viện Quốc gia Âm nhạc về : «*Giáo sĩ Đắc-Lô với chữ Quốc ngữ*. »

28-2, tại viện Quốc gia Hành chính ông Lê-ngọc-Trụ nói về : «*Chữ Quốc ngữ từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX*. »



— Người ta được biết Đắc-Lô (A. de Rhodes) là tu sĩ Dòng Tên (Jésuite) sinh vào khoảng năm 1593.

Vào đầu năm 1625, giáo sĩ Đắc-Lô đặt chân lần đầu tiên lên đất Việt-Nam, ở Đà-Nẵng, đời Chúa Sãi Nguyễn-phúc-Nguyên.

Các giáo sĩ Âu Châu khi đến Việt-Nam giảng đạo đã sáng chế ra một lối viết tiếng Việt, sau đó giáo sĩ Đắc-Lô mới làm cho lối phiên âm hoàn hảo hơn. Khi trở về La-Mã (1649-1627) ông nhờ ấn quán Tòa Thánh đặt riêng lối chữ mới để ấn hành các sách, cho nên người ta đã coi ông là vị có công nhất trong việc thành lập «*chữ quốc ngữ*» và cũng là thủy tổ chữ in quốc ngữ.

Dưới đây là mấy tác phẩm căn bản của giáo sĩ Đắc-Lô :

— Tự điển Việt-Bồ in tại La-Mã năm 1651.

— Văn phạm Việt ngữ : Lingae Annamiticae,

— Lịch sử xứ Bắc-Kỳ, v.v...



— Hãng *Carpet Trades* ở Luân-Đôn (Anh-quốc) mời các họa sĩ Việt-Nam dự cuộc thi vẽ mẫu thảm. Cuộc thi này chia làm ba hạng: hạng Wilton, hạng Aconinston và hạng tân thời. Mỗi hạng có ba giải thưởng: nhất 400 Anh-kim, nhì 200 và ba 50 Anh-kim. Những tác phẩm trúng giải sẽ được hãng tổ chức cuộc thi mua để làm thảm kiểu mẫu, trưng bày tại Kidderminster. Các tác phẩm phải gửi tới trước ngày 30-9-61. Các bạn muốn biết thêm chi tiết, có thể viết thư hỏi Tòa Đại sứ Việt-Nam ở Luân-Đôn.



KẾT QUẢ CUỘC THI SÁNG TÁC VĂN NGHỆ VẬN ĐỘNG BẦU CỬ TỔNG THỐNG VÀ PHÓ TỔNG THỐNG do Văn Hóa Vụ tổ chức.

THOẠI KỊCH

Không có giải Nhất

— Giải Nhì :

Vở « *Bầu Đứng, Cử Xứng* » của Ông Đỗ-nguyên-Chí.

— Giải Ba :

Vở « *Con Đường Sáng* » của Ông Nguyễn-văn-Kỳ.

— Giải Khuyến khích :

Vở « *Thế Hệ Chúng Ta* » của Ông Nguyễn-lê-Tuấn.

Vở « *Lòng Đất Nước* » của Cô Nguyễn-ngọc-Bình.

Vở « *Chuyện Nước, Chuyện Nhà* » của Ông Nguyễn-Nam.

TÂN NHẠC

Không có giải Nhất

— Hai giải Nhì đồng hạng :

Bài « *Mồng 9 Tháng Tư* » của Ông Trần-tấn-Hoàng.

Bài « *Chọn Người* » của Ông Trần-an-Đường.

— Giải Ba :

Bài « *Khúc Hát Đi Bầu* » của Ông Phùng-quất-San.

— Hai giải Khuyến khích :

Bài « *Ta Đi Bầu Đi* » của Ông Đặng-vũ-Lung.

Bài « *Hân Hoan Bầu Tổng Thống* » của Ông Nguyễn-văn-Lai.

CỜ NHẠC NAM-PHẦN

— Hai giải Nhì đồng hạng :

« *Đi Đổng, Bầu Đứng, Cử Xứng* » của Ông Lương-Anh.

« *Quyền Dân Tối Trọng* » của Ông Văn-Khánh.

— Hai giải Ba đồng hạng :

« *Chọn Người Đề Bầu Cử* »

của Ông Nguyễn-văn-Khá.
« Lá Phiếu Dân Quyền »
của Ông Phạm-văn-Phụng.

CỜ NHẠC TRUNG-PHẦN

— Giải Nhì :

« Tham Gia Bầu Cử Tổng
Thống » của Trung sĩ I
Nguyễn-Bích.

— Giải Khuyến khích :

« Bầu Tổng Thống Cộng Hòa
Nhiệm Kỳ II » của Ông Lê-
hữu-Dậu.

CỜ NHẠC BẮC-PHẦN

— Hai giải Nhì đồng hạng :

« Bên Lũy Tre Xanh » của
Ông Đinh-quang-Tòng.
« Chọn Mặt Gửi Vàng » của
Ông Phạm-quốc-Ninh.

— Giải Ba :

« Chọn Mặt Gửi Vàng » của
Ông Trần-dình-Thận.

CA DAO

— Giải Nhất :

« Ca Dao » của Ông
xuân-Tổ.

— Giải Nhì :

« Bầu Cử Tổng Thống và

Phó Tổng Thống V.N.C.H. »
của Ông Bùi-đức-Hiền.

— Giải Ba :

« Ca Dao » của Ông Trương-
trọng-Ngân.

HÒ VÈ

— Giải Nhất :

« Bầu Cử Tổng Thống Và
Phó Tổng Thống » của Ông
Lâm-minh-Thới.

— Giải Nhì :

« Bầu Cử Tổng Thống Và
Phó Tổng Thống Nhiệm Kỳ
II » của Ông Trần-phước-
Tường.

— Giải Ba :

« Tham Gia Bầu Cử Tổng
Thống Và Phó Tổng Thống »
của Ông Huỳnh-Phú.

BÍCH CHƯƠNG

— Giải Nhất :

Họa sĩ Lâm-văn-Bê bút hiệu
Đức-Minh.

— Giải Nhì :

Họa sĩ Lê-minh-Đức.

— Giải Ba :

Họa sĩ Lư-văn-Quan.

NGOÀI NƯỚC

VỤ ÁN VĂN CHƯƠNG SÔI NỔI NHẤT ANH - QUỐC : NGƯỜI TÌNH CỦA CHATTERLEY PHU NHÂN.— Gần đây, ở Anh-quốc và các nước Châu Âu, dư luận trong văn giới đều vô cùng sôi nổi về vụ án văn chương : cuốn *L'amant de lady Chatterley* — (Người tình của Chatterley phu nhân).

Tác phẩm này ra đời từ 35 năm trước, song bị cấm không được lưu hành trên Anh-quốc do tình cách vô luân lý dâm dăng chứa đựng trong cuốn sách. Trong khi ấy thì hàng bao nhiêu vạn cuốn đã được phát hành trên khắp các nước ; hoặc bằng Anh-ngữ, hoặc dịch ra các thứ tiếng.

Tác giả cuốn *L'amant de lady Chatterley* tên S.H. Lawrence, là con của một gia đình pha mỗ, nên mang trong lòng một chống đối với lễ thói cổ hủ phong kiến của xã hội Anh. Ông ước vọng một hòa hợp giữa tình ái vật chất với cuộc sống tình cảm. Hồi thế giới đại chiến thứ nhất, ông kết hôn với ái nữ một tướng lãnh người Đức trẻ đẹp, song hơi thô.

Chính nàng là nhân vật gợi ý cho ông viết cuốn « Người tình của Chatterley phu nhân » trong một dưỡng đường bệnh lao, trước hai năm khi ông chết.

Nhân vật chính trong truyện là một thiếu phụ con nhà gia thế, vợ huân tước Clifford. Chồng nàng bị què chân ngoài chiến trường, nên khi lui về nhà, suốt ngày chỉ ngồi trên chiếc ghế có bánh xe. Trong tình trạng buồn thảm này nàng biết không thể có con với người chồng bán thân bất toại, mà nàng còn trẻ quá, nên vẫn thêm khát yêu đương. Cho nên nàng đành tìm tình yêu ở người đầy tớ của chồng nàng.



Cuốn « Người tình của Chatterley phu nhân » mãi gần đây mới được đưa ra xử lại. Đó là một vụ án văn chương đã gây thành một dư luận hết sức sôi nổi ở Anh-quốc, và khiến cho cả thế giới phải chú ý. Các báo tường thuật phiên xử rất tỉ mỉ với hàng chữ tit lớn chạy dài.

Phiên xử kỳ lạ : không có bị cáo, chỉ có một vị thẩm phán và bốn bà bồi thẩm, gồm bà

Helen Louise, đại diện cho các hội phụ nữ, bà *Sarah Jones*, đại diện cho phụ nữ công giáo, bà *Wedgewood* đại diện cho báo chí phụ nữ, và bà *Rebecca west* đại diện cho tri thức phụ nữ. Bốn vị này giữ vai trò quan trọng của phiên xử vì chính họ đã thay mặt cho toàn thể phụ nữ Anh-quốc, để buộc tội hay tha bổng do chính họ quyết định số phận *Chatterley* phu nhân. Nhân danh xã hội, nhân danh Hoàng-gia họ sẽ buộc tội « người đàn bà ngoại tình », nhân danh nền văn chương Anh-quốc, họ sẽ cấm hay cho phép in bán toàn bộ tác phẩm của *Lawrence*.

Sau những lời buộc tội, vị chủ tọa lý kết luận: « Một cuốn sách bị òi như cuốn « *Người tình của Chatterley phu nhân* » các ngài có nên để rơi vào tay các bà nội trợ ở nhà không.

Luật sư bênh vực cho bị cáo lên tiếng:

— « Nếu chỉ vì một người đàn bà ngoại tình mà cấm một cuốn sách, thì phải cấm đến 90% các tác phẩm trong văn-chương Anh. »

Đặc biệt nhất là lời khai của một nhân chứng: bác sĩ *John Robinson* giám mục ở *Wool-*

wich, tay đề lên cuốn Thánh kinh đạo mạo nói rằng:

« Cái việc dám ô mà *Lawrence* tả trong tác phẩm của ông ta, mang một tinh cách thiêng liêng. Đối với tác giả, thì xác thịt có liên hệ đến tinh thần. »

Hàng trăm vị mục sư khắp các nơi cũng đứng về phía bênh vực cho *Chatterley* phu nhân, và cũng tán đồng sự liên hệ của xác thịt với tình cảm con tim.

Các vị mục sư lại đều đồng ý rằng: « Nước Anh cần phải có một luồng không khí trong sạch. Sự tha bổng cho *Chatterley* phu nhân, chẳng khác nào mở cánh cửa sổ để đón làn không khí ấy. »

Bà *Chatterley* đã được tha bổng. Bản án là một biến cố lớn cho văn giới Anh-quốc. Nước Anh 1960 quả đã tiến bộ khác hẳn với nước Anh trước đây hơn ba mươi năm.

Nhà xuất bản « *Pingonin* » chỉ trong vòng mấy hôm đã bán hết 200.000 cuốn « *L'a mant de lady Chatterley* ». Ông giám đốc của nhà xuất bản tuyên bố: « tôi sẽ cho in thêm hai triệu cuốn phá kỷ lục tất cả các tác phẩm văn chương. »

Người ta tranh nhau mua đọc, chẳng khác tranh nhau mua thực phẩm.

Nên biết thêm rằng, hội đồng kiểm duyệt của tòa Thánh Vatican, cũng đã tuyên bố tha bổng cho Chatterley phu nhân, cùng một loạt với các tác phẩm của Flaubert, Sartre v.v...



NHỮNG ĐIỀU CẦU CHÚC CỦA CÁC VĂN SĨ THẾ GIỚI CHO NĂM 1961.— « Tôi xin cầu chúc cho loài người hiểu được rằng sự tiến hóa thực sự không phải là đưa một con chuột lên cung trăng; sự tiến hóa của loài người phải là nhân đạo hơn lên ».

F. MAURIAC



« Tôi cầu chúc cho toàn thể nhân loại, và con người của 1961 một điều thôi : sự hòa bình, và có thể sống một cuộc sống văn minh ».

GHELDERODE (Bỉ)



« Bọn người của thời đại này chỉ có một điều mong muốn : nền hòa bình.

Song với kinh nghiệm của

nửa thế kỷ này cho tôi hiểu rằng những ai cầm vận mệnh các dân tộc đều quan niệm khác nhau, và cuối cùng là dùng chiến tranh để tạo hòa bình cho mình ».

ROLAND DORGELES



« Điều mà tôi cầu chúc cho thế kỷ này, chẳng phải chỉ dành riêng cho các con cháu tôi, song mà cho cả nhân loại. Tôi ước ao có một sự thắng bằng giữa các cường lực của con người. Ai nấy đều hiểu rằng một chiến tranh thứ ba sẽ tiêu diệt hết sinh vật trên trái đất.

Tôi cầu chúc cho tất cả mọi người đều được no ấm, và những tài nguyên của các dân tộc không phải dùng để chế tạo những thứ máy giết người.

Tôi lại cầu chúc lòng nhân đạo những thứ máy giết người.

Tôi lại cầu chúc lòng nhân ái sẽ tỉnh thức trong lòng nhiều người, khiến cho cõi đời này ai nấy đều được hưởng hạnh phúc chứ chẳng phải là nơi mà người ta chỉ thấy đau khổ và thất vọng ».

J. DUHAMEL



« Tôi ao ước rằng mỗi năm, chừng hai ba lần mỗi chúng ta đều tìm cách để hiểu và yêu mến thực sự một người bạn mới. Đó là hạnh phúc vậy».

IVY BUNETT (Anh)



« Tôi cầu chúc hòa bình sẽ đến với con người 1961. Những kẻ hiếu chiến, sẽ lên cung trăng mà đánh nhau.

Có bao nhiêu đàn ông, đàn bà, trẻ con trên trái đất, thì người ta trồng ngần ấy cây cối, nếu sẽ biến thành rừng, sa mạc sẽ um tùm hoa lá xanh tươi ».

DOMINIQUE AUBRY



« Điều tôi cầu chúc, tất nhiên là một nền hòa bình cho nhân loại. Tôi cầu chúc cho con người 1961 hết sức làm việc cho hòa bình, sao cho những biến cố ghê gớm không lôi kéo họ vào trong lộn xộn chiến tranh.

Tôi nghĩ nên dạy cho các trẻ ở học đường cái trách nhiệm cá nhân trong công tác lớn lao của đoàn thể.

Tất cả những công việc về vật chất, về tinh thần đều có

thể đưa gần đến nền hòa bình. Dập tắt những căm hờn trong lòng mình không phải là dễ, cho nên sự chiến thắng hòa bình tất nhiên là chậm chạp khó khăn. Song tôi chúc cho các bạn thử xem... »

MAVIE GEVERS (Anvers)



« Vì tôi yêu người và mọi vật, nên tôi chỉ cầu chúc sự hòa bình.

Tôi yêu thương cả những kẻ mà nghĩ rằng đó là kẻ thù của tôi, tôi cũng chúc cho họ được hòa bình. Bởi vì tôi có một đứa con trai.

Bởi vì một ngày kia tôi sẽ là một tên lính, và tôi cũng chiến đấu như một tên lính : Hòa bình.

Rồi còn gì nữa. Ở Đông, ở Tây, ở Nam, ở Bắc, và ngay trong lòng chúng ta : Hòa bình».

LUIS ROMERO (Barcelone)



« Sang năm 1961, tôi xin cầu chúc có mấy điều :

— Con người đừng tìm cách thù oán lẫn nhau, nên nghĩ đến thế hệ mai sau.

— Người ta hãy gắng tìm ra thứ thuốc chữa bệnh ung thư.

— Những người trên Hỏa tinh sẽ xuống với chúng ta.

— Người ta sẽ tìm ra một ngọn núi cao hơn ngọn Everest»

DINO BUZATTI (Ý-đại-Lợi)



« Chẳng có gì là quá đáng khi ta đòi hỏi một nền hòa bình cho nhân loại.

Tôi cầu chúc cho năm 1961 người ta sẽ gần gũi nhau hơn ; các dân tộc, các giống da sẽ trao đổi đi lại với nhau.

Con đường đi tới tuy dài, sông nó thật là đẹp dễ.

ROGER GALLOIS



KẺ TRỘM CŨNG THÍCH VĂN CHƯƠNG.— Hồi tháng trước kẻ trộm đã lẻn vào biệt thự của công tước De la Rochefoucauld, không lấy gì khác hơn một hộp đựng bản thảo tập châm ngôn của công tước De la Rochefoucauld. Tập bản thảo quý giá đến nỗi các giám định viên không đánh nổi giá là bao nhiêu.

Đúng như thế vì, không những nó là một vật báu vô giá, mà còn mang một giá trị lịch sử văn chương nữa.

Tập bản thảo này, một phần do chính tác giả viết, và một phần do các cộng sự viên, và những người sao chép chuyên nghiệp viết. Hiện nay người ta vẫn chưa tìm ra được thủ phạm, và không hiểu nổi tên kẻ trộm làm thế nào mà nuốt tiêu những châm ngôn của nhà luân lý Rochefoncauld.



VĂN SĨ VENTILA HORIA TỪ CHỐI GIẢI THƯỞNG GONCOURT.— Giải thưởng văn chương Goncourt năm nay đã xảy ra một điều bất thường: Văn sĩ Ventila Horia tác giả cuốn « Dieu est né en exil » được tặng giải thưởng Goncourt, song ông từ chối không nhận. Do đó Viện Hàn Lâm Goncourt đã quyết định năm nay không tặng giải thưởng cho văn chương nữa.

HOÀNG LAN

TÀI LIỆU

NHỮNG GIẢ THUYẾT LY KỲ CỦA JEAN ROSTAND : CON NGƯỜI TRÊN TRÁI ĐẤT SẼ RA SAO ?

Dur luận các báo Âu-Châu gần đây nói rất nhiều cuộc khảo nghiệm của nhà sinh vật học Ý-đại-Lợi Petrucci về việc cho một bào thai sống ở trong một cái bình thủy tinh, nghĩa là cấu tạo một hài nhi bởi một trứng người, nuôi dưỡng nho đến ngày thứ 29 trong một cái bình có đủ điều kiện về nhiệt độ, về thức ăn thay thế được hoàn toàn cho cơ thể của người đàn bà.

Cái tin này đã được các báo loan ồn lên rất nhiều, và người ta đã đặt ra câu hỏi : việc chế tạo một bào thai trong bình thủy tinh có thực đang khảo nghiệm không ? Và cuối cùng có nên ao ước sẽ được thực hiện việc chế tạo hài nhi không ?

Ý định của nhà sinh vật học Pétrucci là gì ? Phải chăng là ông muốn cấu tạo một hài nhi bằng một cái trứng của người đàn bà, ngoài cơ thể của họ, bởi một tinh khí của người đàn ông.

Cuộc thí nghiệm xem ra cũng giản dị, tất cả gồm có một bộ phận làm bởi hai tấm kính, những ống cao su, một cái lò hấp. Sau khi lấy tinh trùng để vào những cái trứng lấy ra ở bộ phận người đàn bà, rồi cho cả vào trong một cái túi làm bằng da lạc đà rất mỏng, giáo sư Pétrucci cứ để mặc cho nó nảy nở. Ngày thụ thai sẽ được quay phim. Muốn tránh cho sức nóng của các ngọn đèn khỏi làm hư hại đến sự nảy nở của bào thai, người ta phải dùng đến một thứ ánh sáng đặc biệt không nóng.

Theo một số nhà bác học Pháp khi được xem chiếu cuốn phim của giáo sư Petrucci, thì lại nhận rằng không trông thấy tinh trùng chun vào cái trứng, và cũng không thấy sự nảy nở của đầu, của tứ chi thường thường tượng ra vào ngày thứ hai mươi chín.

Mắt người ta và ống kính quay phim thực ra không thể thấy được sự nảy nở của bào thai, hay nói khác đi sự nảy nở của bào thai đang xảy ra mà ống kính quay phim không thu nhận được.

Nhà bác học Pháp Jean Rostand đã lên tiếng báo động rằng chỉ vài năm nữa người ta có thể thực hiện được việc cấu tạo hài nhi trong bình thủy tinh, và đưa ra ý kiến, những cuộc khảo nghiệm này có cần phải sự kiểm soát về phương diện xã hội và tinh thần.

Dù sao thì người ta cũng không thể nào ngăn bước tiến của khoa học. Và ta phải nhận rằng ý thức tinh thần bao giờ cũng thích ứng với sự thực

của khoa học, chỉ cần có một thời hạn tương đối đầy đủ. Bảy giờ đây, người ta sẽ chẳng bị coi là vô đạo, khi nói rằng trái đất quay chung quanh một cái trục.

Đứng trước cuộc khảo nghiệm của Pétrucci, các nhà luận lý học, và các nhà tôn giáo phải bối rối với một vấn đề cho đến bảy giờ hãy còn đang ở trong bóng tối : đến tháng nào thì linh hồn nhập vào bào thai. Thánh Thomas d'Aquin xưa kia cho rằng vào ngày thứ sáu hay thứ bảy. Có lẽ phải chờ nhiều năm nữa, mới có thể trả lời được một cách chắc chắn.

Chẳng nên vội vã lắm, cấu tạo một bào thai trong bình thủy tinh chẳng phải là việc của ngày mai. Chẳng nên thay thế một sự việc luận lý, và cứ để mặc cho các nhà khoa học giải quyết vấn đề của họ ; lúc nào người ta cũng có đủ thì giờ để ngăn ngừa những người làm công việc tiếp tục của nhà sinh vật học Pétrucci.



CÓ nhiều cách hình dung sự tiêu diệt của loài người. Trước hết, ta có thể giả thuyết rằng giống « người lý trí » (*Homo sapiens*) tự nhiên tàn tạ đi vì hao mòn sinh lực nội tại. Có biết bao vật hữu cơ như động vật hoặc cây cỏ, xưa kia sống trên mặt đất này, nhưng ngày nay chỉ còn tồn tại dưới trạng thái hóa thạch.

Nhưng thực ra, hình như con người không phải chịu số phận hẩm hiu như thế. Các nhà sinh vật học đều đồng ý cho rằng sở dĩ một chủng loại mất đi, không phải vì những diễn biến mâu nhiệm của sự suy lão mà là do những nguyên nhân tích cực và rõ rệt, chẳng hạn chủng loại đó bị thoán vị bởi một chủng loại khác khỏe mạnh hơn, phong phú hơn, có một cơ thể và bản năng thích nghi với điều kiện hoàn cảnh hơn, hoặc giả không thể ứng phó với một sự thay đổi xảy đến thình thình trong hoàn cảnh. Vậy thì trong các sinh vật đồng thời với con người, chưa thấy một sinh vật nào có đủ sức đe dọa tương lai Con Người một cách trầm trọng. Mặc dù thiếu những phương tiện vật lý to tát, nhưng vốn được trang bị những năng lực tinh thần, Con Người không sợ gì cả từ các mãnh thú, sâu bọ đến những vật vô cùng bé nhỏ như vi trùng.

Còn về những sự thay đổi của hoàn cảnh như khí hậu nóng lạnh bất thường thì không thể nghĩ rằng những cái đó có sức làm thương tổn Con Người đến nó không thể sống sót được.

Tuy nhiên, nếu về mặt lý thuyết, ta chấp nhận loài người là bất diệt, thì liệu nó có cố định mãi chăng ?

SỰ VƯỢT QUÁ MỨC NGƯỜI

Trong cuộc biến hóa của các sinh vật, con người là sinh vật xuất hiện cuối cùng. Vậy thì phải chăng con người là giai đoạn kết thúc và phải chăng do một ảo ảnh tự cho mình là trọng tâm của vũ trụ mà con người xem mình là giới hạn cuối cùng, nếu không là mục đích của cuộc tiến hóa đó ?

Xưa kia, những thay đổi nhỏ nhất cũng đủ phát sinh « Con người lý trí (Homo sapiens) từ một tổ tông hèn kém, thì tại sao đến lượt chúng ta, cũng do những nguyên nhân đó, chúng ta lại không thể sinh ra một con vật mới mẻ, « Con người siêu việt (Homo sapientior), một loài siêu nhân ?

Thật vậy, ta có thể dựa vào nhiều nhà sinh vật học để tiên đoán sự vượt quá mức người đó sẽ xảy ra. Đã hẳn, thế giới sinh vật có vẻ đã hoàn toàn cố định, không còn thay đổi nữa và cố nhiên chúng ta chưa bao giờ thấy một giống vật hoàn toàn mới mẻ xuất hiện, nhưng các kỳ gian quan sát vẫn vôi của ta có nghĩa gì bên cạnh các thời đại địa chất học ? Người ta căn cứ vào đâu để quả quyết tinh chất bất biến của một giống vật, phát xuất từ đất sét có sự sống cách đây một trăm ngàn năm ? Và giả sử, từ đó trở đi, sự sống trở nên bất động, làm sao ta chắc chắn được rằng dưới sự thúc đẩy của một trường hợp bất ngờ, sự sống đó sẽ không vận chuyển trở lại ?

Và loại siêu nhân giả thuyết đó sẽ có thái độ nào đối với Con Người ?

Nó sẽ hủy diệt chúng ta ? Nó sẽ dung thù chúng ta hay bắt buộc chúng ta làm nó lệ ?

NHỮNG SỰ BIẾN HÓA « CHỈ-HUY »

Người ta cũng có thể quan niệm rằng chính Con Người, chứ không phải Thiên nhiên sẽ gây nên sự xuất hiện của Siêu Nhân khả dĩ thừa kế mình.

Người Siêu Nhân nhân tạo đó, sở dĩ có được là do sự thay đổi của cái di sản chứa đựng trong các tế bào phôi chủng hoặc do sự thay đổi thực hiện ngay trong chính cơ thể.

Ngày nay, chúng ta có thể dễ dàng gây ra sự biến đổi di truyền bằng cách cho các phôi chủng (germe) chịu sức tác dụng của các chất vật lý hoặc hóa học ; quang tuyến X, nguyên tử, khí « mu-tát » (gaz moutarde) đều là những nguyên tố có tác dụng biến đổi mãnh liệt. Tuy nhiên, đó chỉ là những biến đổi không thể dự đoán và hơn nữa thường làm cho giống vật ra sút kém và hư hỏng.

Không những người thí nghiệm làm việc một cách mù quáng mà còn có ý niệm chắc chắn rằng không thể nào làm tốt đẹp bằng thiên nhiên. Có ai đủ to gan để dám áp dụng các phương pháp đó cho loài người chúng ta không ? vì rằng thành công thì rất hấp bênh và thất bại thì đã nằm chắc trước !

Tuy vậy, từ vài năm nay, chúng ta tìm được những phương pháp đặc biệt, trong một số trường hợp có thể cho phép chúng ta thay đổi một căn bản di truyền theo một chiều hướng rõ rệt và dự đoán được. Nguyên tắc của những sự « biến đổi chỉ huy » đó như vậy : Người ta cho tế bào của một giống vật chịu sức tác dụng của một chất hóa học rút từ tế bào của một giống khác, và sau đó người ta nhận thấy rằng các tế bào do tế bào đó sinh ra đều nhiễm lấy một số đặc tính riêng biệt của những tế bào đã cung cấp chất hóa học kia. Chất hóa học đó là một thứ a-xít rất phức tạp, gọi là a-xít « désoxyribonucléique » viết tắt là D.N.A. Nó là một trong các yếu tố cấu tạo chính của chất di truyền nên được coi là một di truyền tố.

Những thành tích đó, người ta thu được cách chắc chắn ở những cơ thể đơn bào, và có lẽ ở những động vật có

xương sống cao đẳng. Vậy thì đối với con người, người ta cũng có thể cho yếu tố di truyền của một cá nhân tầm thường và như vậy có thể gây nên những thay đổi hữu ích cho căn bản di truyền của cá nhân tầm thường kia. Nhưng cho dù thí nghiệm đó thành công chẳng nữa, ta vẫn thấy rõ không thể nào làm phát sinh những siêu nhân chân thực được, vì rằng một yếu tố di truyền của con người, cho dù siêu việt bao nhiêu, vẫn không thể tạo một cái gì vượt quá mức độ con người.

Chỉ còn một cách là dùng phương pháp nhân tạo làm biến đổi yếu tố di truyền con người kia đi. Đã hẳn, trong hiện tại, ta không biết được phải dùng những phương pháp vật lý hoặc hóa học nào để làm cho một yếu tố di truyền « Con Người » biến thành yếu tố di truyền « Siêu nhân », nhưng không ai dám quả quyết rằng con người sẽ không thể tìm ra những phương pháp đó. Theo giả thuyết ấy, trước tiên Người Siêu Nhân sẽ sinh ra dưới hình thức một nguyên lý hóa học, và sống trong tiềm thể trước khi thành người sống hẳn hoi.

Một phương pháp « siêu nhân hóa » khác là gây tác dụng trên con người trong thời kỳ phát triển, để thúc đẩy sự tăng trưởng của bộ não. Hình như một ít kích thích tố, nhất là kích thích tố tòng-quả-tuyến về tăng trưởng, có tính chất làm cho các tế bào óc não của bào thai sinh sản mạnh mẽ hơn lên.

Người ta cũng nghĩ đến những cách gây ảnh hưởng trực tiếp trên khu vực nào đó của cơ quan suy tưởng. Phương pháp này sẽ trở nên dễ dàng hơn bội phần, nếu người ta có thể thực hiện sự ngoại sinh (ectogénèse) hay là sự phát triển trong bầu (développement en bocal).

Cho dù con người thành công trong việc thay đổi cách cấu tạo của căn bản di truyền bằng một di truyền tố thích hợp — chẳng hạn bằng một thứ a-xít công hiệu hơn cả D.N.A. — hoặc giả có thể làm tăng thể tích của óc não, thì kết quả cũng chỉ là một. Nghĩa là con người tự mình tạo ra một người thừa kế siêu việt, tài hoa hơn chính mình và như vậy con người sẽ phạm vào tội tiêu diệt chủng loại có thể gọi là « chủng loại tự sát ». Làm phát sinh loài siêu nhân như vậy,

con người sẽ chứng minh mình biết hy sinh bản năng tự tồn cho bản năng vượt quá (instinct de dépassement) và ưa thích một giống người hơn mình kể tục mình. Tự ý rút lui như vậy sẽ ít thương tổn đến lòng kiêu căng của con người hơn là chịu nhận sự đào thải của thiên nhiên.



VÀ cho dù cho người vẫn duy trì được bản chất cũ chẳng nữa, nó vẫn đe dọa trầm trọng bởi chính sự thành công vĩ đại của nó.

Có thể rằng con người sẽ bài trừ được nạn đói do tình trạng nhân mãn gây nên, khi đã thành lập tổ chức sự sinh đẻ toàn thể thế giới. Và con người cũng có thể dùng cái phương pháp dùng dẫn về ưu sinh học để chống lại sự suy đồi của chủng loại do tình trạng văn minh và sự giảm bớt đào thải thiên nhiên gây ra. Tuy vậy, các hậu quả của sự phát triển khoa hạch lý học (physique nucléaire) mới đáng lo ngại hơn.

Mỗi một việc ứng dụng hòa bình các năng lực nguyên tử lâu ngày cũng đủ làm tổn thương đến yếu tố di truyền của con người; và có ai dám quả quyết chiến tranh nguyên tử sẽ không xảy ra, mặc dù bất cứ người nào có tâm huyết và lương tri cũng cho đó là một điều điên rồ, phi lý.

Ngoài tính chất đồng lõa của nó đối với các khuynh hướng tàn sát, khoa học, tự mình nó, cũng có đủ lý do làm cho ta khiếp sợ. Khi người ta thấy con người sử dụng những năng lực khủng khiếp còn chứa đầy những bí nhiệm như vậy, khi thấy con người đang mưu tính việc đời non lấp biển, làm thay đổi cả bộ mặt địa cầu, và dám trêu chọc cả thái dương hệ ngàn xưa, thì làm sao người ta khỏi nghi ngờ rằng, một ngày kia, vì quá tin vào máy móc điện tử hoặc không hiểu rõ sự vận chuyển của một nguyên nhân bí hiểm nào đó, con người sẽ không vấp phải lầm lạc nặng nề mà khi biết ra thì đã quá muộn ?

SỰ TIÊU DIỆT CUỐI CÙNG

Người ta cũng không thể không lưu ý đến những mối hiểm nghèo có thể xảy đến do sự liên lạc của con người với các thế giới khác.

Từ ngày mở rộng phạm vi thám hiểm không gian, con người không còn ở trong hệ thống đóng kín nữa và do đó vấn đề an ninh tương đối của nó cần phải được đặt lại. Biết đâu con người sẽ không va chạm với những sinh vật khác, những hình thái tổ chức khác, có thể đẩy con người vào vòng nguy hiểm? Biết đâu con người sẽ không gặp giống người khác, những con người siêu nhân? Và biết đâu rằng con người sẽ không phải đương đầu với sự tấn công của các vi trùng, các cực vi trùng hoặc những mầm bệnh khác mà ngay trí khôn ngoan con người cũng đành thúc thủ.



CUỐI cùng, dù tương lai Con Người ra sao chẳng nữa, và mặc dù con người phải đương đầu với các sự đe dọa dồn dập — sự đe dọa của thiên nhiên hoặc của chính mình — làm sao Con Người có thể thoát khỏi cái tai họa cuối cùng nhất định sẽ đổ xuống địa cầu để quét sạch mọi dấu vết của đàn kiến nhân loại này?

Viễn ảnh di cư lên các hành tinh khác cũng không làm cho con người hy vọng cứu sống bao nhiêu, vì chắc rằng toàn thể thái dương hệ và có lẽ có nhiều hệ thống tinh tú khác sẽ tan tành đi trong cơn biến họa của vũ trụ.

Các viễn ảnh đen tối về sự tiêu diệt của nhân loại như vậy, nếu ngay bây giờ, con người hình dung ra một cách rõ ràng và mạnh mẽ, thì liệu còn giữ vững được lòng can đảm và ý chí phấn đấu chẳng?

Theo Teilhard de Chardin, Con Người không thể nào chấp nhận tư tưởng về sự hủy diệt cuối cùng của mình mà không uất giận. Nếu quả thực, tất cả những lao nhọc, những

sáng tạo, những dự định, những hy vọng của con người rồi đây sẽ không tồn tại chút gì, thì nhất định con người sẽ còn cố gắng nữa, vì hơi sức đâu đi làm một công việc đã trảng ! Con người nhất định sẽ « làm reo với thiên nhiên ». Và vì lẽ đó, Teilhard quả quyết rằng bên kia mọi sự đồ nát vật chất, các khát vọng của con người không thể nào không tồn tại và kéo dài mãi trong một thực thể siêu hình. Cuộc tiến hóa vĩ đại đã đưa đến Con Người, chẳng lẽ lại kết thúc ở một ngõ cụt, trong sự thất bại và phi lý. Quả là một điều điên rồ và vô nghĩa nếu cuộc tiến hóa đã làm phát sinh một ý thức và ý thức đó càng trở nên sáng suốt, càng cảm thấy mình có đủ lý do để lao đầu vào tuyệt vọng và trốn tránh nhiệm vụ.

Jean Rostand cho rằng nói như vậy là chưa đánh giá đúng mức sức mạnh bản năng và tình cảm của Con Người. Cái đà tiến đã đưa Con Người đến bước đường này nay không thể bị đánh đổ bởi bất cứ một xác tín trừu tượng nào, dù nó có sức làm con người thất vọng đến mức nào chẳng nữa. Bao lâu Con Người còn sống trên trái đất, nó vẫn sẽ trung thành với sứ mạng tìm hiểu, xây dựng, gieo rắc tình yêu thương. Vốn không thể tự phủ nhận mình, Con Người sẽ tiếp tục củng cố nhân tính, tiếp tục phát minh, phụng sự, yêu thương và sinh sống. Làm reo với thiên nhiên, tức là làm reo với chính mình...

Cũng theo ông J. Rostand, hình như điều đáng lo ngại hơn chính là những mối nguy cơ tâm lý hoặc tinh thần có thể tằm đảo lộn thể quán bình của Con Người và đẩy nó vào một thứ bệnh thần kinh tập thể.

Khi Con Người đã làm chủ và chiếm hữu mọi sức mạnh thiên nhiên, đến đời không cần phải cố gắng, không cần khắc phục trở ngại trong việc làm thỏa mãn các ước vọng của mình, thì liệu con người có khỏi đắm ra nhọc mệt, no nê và chán ngán vì đó là những tình cảm luôn luôn đi theo các cuộc chế ngự và chiếm hữu.

Nhiều nhà luân lý học tự hỏi rồi đây con người sẽ xử trí như thế nào, một khi quyền vạn năng, cũng như tình trạng

nhân rồi, bình an và giải phóng mà con người chiếm được, sẽ đẩy nó vào sự bế tắc siêu hình và sẽ bỏ rơi nó cô đơn, lạc lõng hơn bao giờ hết trước chính nó và vũ trụ ?

Paul Valéry lại thấy rằng ngày cáo chung của nhân loại sẽ xảy ra, khi trí khôn của con người đã thông suốt các lẽ huyền bí của vũ trụ : « Ngày chung cuộc của mọi sự, của vũ trụ xảy đến, khi nào mọi sự đều trở nên minh bạch... Vấn đề to lớn bắt đầu được đặt ra là : liệu nhân loại sẽ chịu đựng được hay không một vũ trụ tầm thường, hầu như đã cạn cỗi, đã kết liễu mà những sự phát triển của nó, con người đã hiểu biết một cách rõ ràng như những điều quen thuộc ? »

MỘT THẾ GIỚI GIẢ TẠO

Con người sẽ ra sao, khi nó « biết đích xác mình cười, khóc, đau khổ, sung sướng như thế nào, am hiểu tường tận cách vận dụng của sự sợ hãi, của lòng hy vọng và gạt bỏ mọi giá trị vô cùng ra ngoài cuộc sống tâm lý, thu gọn nó ở những động tác giống như động tác chuông điện, ở những hiện tượng như trạng thái khủng hoảng, sự nở, sự cháy, sự đề kháng v.v. ? »

Theo Jean Rostand, thì cái thế giới tương lai, bị thống trị bởi khoa sinh vật học và hóa học như vậy sẽ vô cùng ghê tởm ; cái thế giới mà trong đó người ta có thể gây ảnh hưởng trên vận mạng của mỗi cá nhân, tạo nên những đứa con đã được tính toán kỹ lưỡng từ trước, có thể bắt người khác có những tư tưởng, những cảm xúc, những tin tưởng tùy ý mình, di chuyển các hoài niệm của bộ óc này sang bộ óc khác, cái thế giới mà người ta không còn nhọc mệt, cảm xúc, sầu muộn, mọi sự đều trở nên giả tạo kể cả sắc đẹp, nhân đức, tiền tài và người ta sẽ cấu tạo những kiệt tác bằng tổng hợp theo các định luật của khoa học vận dụng tự động (cybernétique)...

Một triết gia, ông Guy Durandin, đã phát biểu cách chính đáng mối bế tắc phát sinh bởi ý định muốn thay đổi con người bằng khoa học và kỹ thuật như sau :

« Trong thực tế, không phải chúng ta muốn gì và thay đổi gì cũng được. Nếu người ta có thể thay đổi Con Người tùy ý, nếu không còn bản tính con người nữa, thì vận mạng con người cũng không còn nữa và bấy giờ chúng ta là cả một sự phi lý hoàn toàn... Nếu không còn là nhân tính, thì cũng không còn lành, dữ và chính sự ước vọng cũng không còn lý do tồn tại nữa, vì rằng ước vọng kia không thuộc về ai cả...»

Như vậy, đứng trước lẽ huyền bí về ngày mai của nhân loại, mỗi người có quyền giữ quan niệm riêng của mình.

Có lẽ Con Người sẽ tồn tại mãi mặc dù khoa học, mặc dù trí thông minh, mặc dù kỹ thuật. Nhưng theo J. Rostand thì những mối nguy cơ của người nằm ở thế giới tinh thần. Chúng thuộc về linh hồn chứ không phải thể xác. Nếu CON NGƯỜI cứ mãi là CON NGƯỜI, nó sẽ có sức đương đầu với tất cả cho đến ngày chung cuộc của mọi vật.

(Theo tài liệu của báo La Figaro Littéraire)

VỊ VỮ

ĐỌC « HÀ NỘI NGÀY NAY »

CỦA NGƯỜI-THĂNG-LONG.— Bắt đầu có phong trào di cư, Hà nội đất để đo cũ tức khắc mang một bộ mặt khác thường những dấu vết cũ, những nếp sống cũ từ ngàn xưa bỗng bị hoàn toàn thay đổi, không với những tốt đẹp, mà chỉ bằng những xấu xa.

Những người di cư sống nơi đây trong sáu năm trời đằng đẳng luôn luôn vọng về cố hương, và thường tự hỏi, chẳng biết Hà nội của mình nay ra sao, chẳng biết sự sống về vật chất cũng như tinh thần của những người ở lại — trong số có họ hàng, bạn hữu mình — sướng khổ ra sao ? Biết bao nhiêu những điều muốn biết, song làm sao mà biết được !

Thì bây giờ đây, đã có người giải đáp cho ta những thắc mắc ấy, đã có người làm thỏa mãn ít nhiều tính tò mò của chúng ta : đó là Người Thăng Long tác giả cuốn « Hà nội ngày nay » một nhà văn đã sống mấy năm dưới chế độ cộng sản miền Bắc, vừa vượt tuyến vào đây. Vậy có thể coi đó là một nhân chứng có đủ thẩm quyền thuật lại cho ta những sự thực, những điều mắt thấy, tai nghe trong những năm ông sống bên kia bờ vĩ tuyến.

Đọc « Hà nội ngày nay » chẳng khác ta được cùng đi với tác giả diễn qua các nẻo đường, các hè phố của Hà-nội ba mươi sáu phố phường, của một thời kỳ lạ lùng nhất lịch sử.

Bắt đầu ta được đi từ khu Bờ Hồ Hoàn Kiếm, lần xuống khu Huế — mỗi khu có nhiều phố — rồi trở lại khu hàng Ngang, hàng Đào, lên khu hàng Giấy, quanh về khu hàng Gai, tạt qua khu Ga, xuống khu Kim Liên, rồi lại trở về khu hàng Bồ.

Đi như thế là hết của Hà-nội rồi. Tác giả là người sống lâu năm ở Hà-nội nên, đường ngang ngõ dọc nào cũng đều thông thạo, và biết hầu hết các nhân vật của mọi giới. Vì thế ông đã chỉ cho ta rõ được cái gì đang đổi mới, cái gì còn lại và mất đi, ; nhân vật nào không còn nữa, và nhân vật mới

nào xuất hiện, trên địa hạt kinh tế, chính trị, văn nghệ. Số lớn những người cũ, những người có tên tuổi trong bất cứ địa hạt nào đều chỉ còn là cái bóng rất mờ của thời oanh liệt.

Các nhà kỹ nghệ, các nhà buôn lớn đều bị sa sút các cửa hàng lộng lẫy ở hàng Ngang, hàng Đào, Tràng Tiền v.v... không còn một nhà nào đứng vững. Nói gì đến nhà buôn lớn, các tiểu thương, các bạn hàng ở các chợ cũng theo nhau mà chết dụi. Tất cả mọi ngành kinh tế thương mại đều do Đảng điều khiển. Không còn một nghề nào, không còn một người nào đứng vững. Ai nấy đều chỉ như sống cầm hơi !

Riêng về địa hạt văn nghệ thì lại càng khốn nạn hơn. Sau ngày tiếp thu, những tờ báo, những nhà xuất bản theo nhau mà chết. Nhà văn, nhà báo nào muốn sống thì phải bợ đỡ bám chặt lấy Đảng. Con người ở đây, tác giả cho ta thấy, sống như một cái máy, như một con vật phải chịu đựng đủ thứ thiếu thốn và nhục nhã.

Tác giả không quên nói đến đồng bào miền Nam tập kết. Xa quê hương đã là đau buồn, lại còn bị hành hạ, mang máu mồ hôi ra đổi lấy bát cơm cũng không xong. Trong khi ấy thì các « đồng chí » Trung-cộng, Nga-Sô, Tiệp-Khắc giữ một địa vị chủ nhân ông, sống rất sung sướng. Nhà cao cửa rộng, thức ăn ngon đều dành cho các đồng chí cướp nước này, các hóa phẩm của Trung cộng tràn ngập thị trường, cho đến tranh ảnh sách báo và phim chiếu bóng toàn là của Trung-cộng và Nga-sô. Tác giả cho ta cái cảm giác Hà-nội hiện nay là một thứ thuộc địa của mấy nước kẻ trên khiến ông đã phải thốt ra lời thơ :

*« Hà-nội ngày nay lạc nẻo đường
Sầu qua vĩ tuyến mây phong sương
Phố xưa nhớ tiếc thời hoa lệ
Hồ cũ mơ màng bóng mỹ nương
Dân đã héo hon vì chế độ
Đảng còn reo rắc mãi tang thương
Sài-gòn, ướm hỏi kinh đô mới
Có thấu cho chăng nỗi đoạn trường. »*

« Hà nội ngày nay » của Người Thăng Long là phản ảnh khá rõ rệt của cuộc sống hiện tại nhọc nhằn dưới chế độ miền Bắc. Nó đã ghi lại được những vết đau thương của một giai đoạn lịch sử tăm tối của chúng ta. Không phải chỉ những người di cư mới thích đọc, những đồng bào miền Nam có bà con đi tập kết, và tất cả những ai muốn tìm hiểu cuộc sống vật chất và tinh thần dưới chế độ hà khắc của cộng sản, tôi xin trao vào tay cuốn « Hà-nội ngày nay ».

THY LÊ KHANH

Các bạn thanh-thiếu-niên, muốn tìm hiểu đời sống tập thể của Thiếu-sinh-quân,

hãy tìm đọc

ĐƯỜNG XA CHI MÃY

của LAN - ĐÌNH

(Giải thưởng TRƯƠNG-VĨNH-KÝ 59 của Tỉnh Việt Văn Đoàn)

Các bạn sẽ say mê với nếp sinh hoạt vui buồn, cảm nghĩ, suy tư của những bạn trẻ đã sống những năm tươi đẹp nhất của cuộc đời trong kỷ luật quân-ngũ.

NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

Tòa soạn đáp thư bạn đọc

Cũng như những kỳ trước, hôm nay chúng tôi hân hạnh đáp thư bạn đọc bốn phương đã gửi thư về tòa soạn Văn Hữu. Vì khuôn khổ tờ báo có hạn nên chúng tôi không thể trả lời hết thư của các bạn được. Vạy bạn nào chưa được chúng tôi phúc đáp, vui lòng chờ ở kỳ tới; mong các bạn thông cảm.

Sau đây, xin trả lời bạn :

— ĐOÀN-MINH-HẢI — Saigon — Hân hạnh nhận được thư bạn đề ngày 28-3-61 và thành thật cảm tạ những lời khen ngợi nồng hậu. Trong thư bạn có đề nghị mục thi thơ và thi truyện ngắn. Xin đáp đề bạn rõ : Văn Hữu chỉ mở mục thi truyện ngắn mà thôi.

— NGHIÊM-LÊ-QUÂN — Saigon — Theo nguyên tắc của tòa soạn thì tác phẩm gửi đến tòa soạn không đăng sẽ không trả lại tác giả. Song vì bạn có lời yêu cầu nên chúng tôi đặc biệt mời bạn đến tòa soạn nhận lại bản thảo « Tan Tác và Được Vàng »

— TRẦN-GIA-CŨ — Hội-An — Bạn có phàn nàn về việc báo Văn Hữu đến Hội-An quá chậm ; xin thưa bạn rõ : đó là do sự bẽ trễ của vấn đề vận chuyển. Báo phát hành, chúng tôi giao cả cho Nhà Thống Nhất, cơ quan tổng phát hành sách báo toàn quốc. Chúng tôi sẽ can thiệp với nơi đây để tránh tình trạng trễ nải phiền phức ấy. Nếu mua ở ngoài không có, mời bạn đến Ty Thông Tin địa phương hỏi mua. Thư bảo đảm của bạn có kèm theo 15 đồng để mua báo, chúng tôi không nhận được, có lẽ đã thất lạc. Đề đáp lại lòng yêu của bạn, chúng tôi sẽ gửi V.H. số 1 trong ngày gần đây.

— LÊ-TRẦN-NGUYỄN — Vĩnh Điện — Hân hạnh nhận được thư và tác phẩm « Bàn Tay Trên Vai » của bạn. Số dĩ Văn Hữu chậm ra là vì chúng tôi chọn lọc kỹ phần khảo luận đặc biệt thú nhất để cống hiến bạn đọc những tài liệu biến khảo giá trị. Thà chậm một tí mà Văn Hữu sẽ được kỹ càng, dồi dào, xúc tích hơn. Đề nghị vẽ thêm tranh vào trang báo, chúng tôi đang nghiên cứu. Đang đọc chuyện « Bàn Tay Trên Vai ». Thông cảm.

— TRẦN-VĂN-THỌ — Hiệp Đức — Quảng Nam — Hoan nghênh sự cộng tác của bạn. Văn Hữu mở rộng cửa đón chào sự góp mặt của bạn đọc và quý văn hữu xa gần. Tác phẩm hay sẽ được đăng và trả tiền nhuận bút. Đang đọc thơ « Xuân Hy Vọng » và « Xuân Ước nguyện ».

— VŨ-TIẾN-GIANG — Vũng Tàu — Chân thành cảm tạ. Văn Hữu vẫn sống dai bên cạnh bạn nhờ sự ủng hộ nồng nhiệt của bạn đọc bốn phương. Thơ bạn phần phất một nét buồn điệu vơi, khá linh động, song chưa được chỉnh ở phần kỹ thuật. Bạn có nhiều triển vọng. Chúc bạn sáng tác mạnh.

— TRẦN-THANH-HOÀ — 73 - Phan-chu-Trinh — Đà Nẵng — Cảm tạ thiện chí xây dựng của bạn để khởi sắc cho Văn Hữu, chúng tôi ghi lại

để nghiên cứu thực hiện. Sự ra báo chậm trễ nằm trong chủ trương của chúng tôi là « ra một số báo xứng đáng »; chúng tôi đang cố gắng phát hành đúng với chủ trương trên để đáp lại sự chiêu cố nồng nhiệt của bạn đọc xa gần đối với Văn HỮU. Đang đọc những bài thơ của bạn.

— NGUYỄN-VĂN-PHAN — 125 Thống Nhất — Đà Nẵng — Bạn khen ngợi làm chúng tôi càng thêm cố gắng. Về việc gửi báo biểu bạn, chúng tôi không thể làm bạn vui lòng được. Mong bạn thông cảm.

— THÁI-VĂN-PHONG — 30. Nguyễn tri Phương — Thủ Đức — Đã nhận được bài « Hư Hay Thực » và « Say ». Rất tiếc, hai bài ấy không thể đăng được. Mong bạn thông cảm.

— THỤY VŨ NGUYỄN-CHẤP-BÍNH — Đà Nẵng — Vở kịch thơ « Sinh Thành » khá linh động, kích cảm được độc giả. Chúng tôi rất tiếc không đăng vào Văn HỮU số này được vì lễ Hai bà Trưng đã qua lâu rồi và Văn HỮU lại không ra một số đặc biệt về Nhị-Trưng. Mong bạn thông cảm.

SÁNG TÁC PHẨM NHẬN ĐƯỢC : « Người Linh Dáng Hoa » và « Chuyện Một Cái Tôn Đổ » của Trúc Anh — « Dã Tràng » của Mường Sơn Trần văn Nam — « Chuyển Tàu Giao Duyên » và « Sang Giàu, Hào Hoa, Phong Nhã » của Tùng Khanh — « Viễn Xứ » của Mộng Ngọc — « Mưa Phố Bùn » của Nguyễn Minh — « Buổi Chiều Trên Sông Bassac » của Minh Nhật Hoàng — « Giã Từ Sứ Mạng » của Ngọc Lan...

Chúng tôi đang đọc những sáng tác phẩm của các bạn và sẽ có tin sau cho các bạn. Tác phẩm của các bạn đã nhận được ở lần trước đều không đăng. Mong các bạn thông cảm và tiếp tục gửi về chúng tôi những tác phẩm khác. Thành thật đa tạ.

NHÂN TIN :

— Nữ sĩ **TUYẾT-LINH** : Đã nhận được tập thơ của bạn do Tường Linh chuyển giao, thành thật cảm tạ. Đang đọc và sẽ lần lượt đăng tải những bài hay.

— Cô **HOÀNG MAI** : Rất tiếc, vì một lý do kỹ thuật trong việc sắp xếp các trang báo, thi phẩm « Bàn Tay » của cô không « đi » được số này. Sẽ cho « đi » ở số sau, Văn HỮU 11. Thành thật cáo lỗi.

— **QUANG ĐẠI** : Nhận được tác phẩm « Cách Mạng Trong Bùn » đang đọc và sẽ có tin cho anh sau.

— **XUÂN PHONG NGUYỄN-NGỌC-CÀM** : Rất tiếc không thể đăng tải bài « Giới thiệu tác phẩm » của bạn được. Mong bạn niệm tình thông cảm.

— **PHAN-DU, QUÁCH-TẤN, BÙI-GIANG** : Tòa soạn Văn HỮU mong sáng tác phẩm của các anh.

PHƯỚC LỘC THỌ TỬU GIA
TRƯỞNG - KÝ

55-59, Tân-Đà — CHỢ-LỚN

Điện thoại số 36.225



Có ba loại cỗ tiệc giá : 800\$ — 1000\$ — 1200\$

Với 8 món ăn đặc biệt, sơn hào hải vị,
và tráng miệng trái cây tươi.

Hai mươi mấy năm giữ một tôn chỉ duy nhất là :

- TÔN TRỌNG Ý CHÍ CỔ KHÁCH
- ĂN NGON, GIÁ RẺ, VỆ SINH
- ĐÓN TIẾP LỊCH SỰ

Chủ nhân kính mời

QUỐC-TẾ CHI-CUỘC QUẢNG-CAO

41 - RUE MAC DINH CHI SAIGON - TÉL : 21.017 - 21.446 - 21.253

AIP

**PRESSE — CINÉMA
PANNEAUX ROUTIERS**

QUỐC-TẾ CHI-CUỘC QUẢNG-CAO

41, DUONG MAC DINH CHI SAIGON - DT 21.017 - 21.446 - 21.253

AIP

報紙一電映
路邊廣告牌...

QUỐC-TẾ CHI-CUỘC QUẢNG-CAO

41, DUONG MAC DINH CHI SAIGON - DT. 21.017 - 21.446 - 21.253

AIP

**BAO - CHI . MÀN ẢNH
BẢNG ĐƯỜNG ...**



XE BUÝT

PHƯƠNG TIỆN

XE DỊCH

RẺ TIỀN

**CÔNG QUẢN CHUYÊN CHỖ CÔNG CỘNG
Đ. TH. S. SAIGON**

*Văn-phòng : 120 đường Dương-công-Trừng
PHÚ - MỸ (GIA-ĐỊNH)*

HÃY ĐÓN ĐỌC :

Đặc San " Cộng Hòa Nhân Vị "

— Nội dung phong phú — ấn loát mỹ thuật — bài vở chọn lọc

Với sự cộng tác của các bạn văn :

Tường Linh — Sĩ Trung — Hoàng Thu Lan — Thượng Sĩ —
Xuân Phụng — Thái Bạch — Lê quốc Thanh — Hoàng Lan
Huỳnh bội Hoàng—Mai Hương—Y Lang—Ái Nhất—Nhị Mai v.v...

Sắp phát hành nay mai.

Xưởng dệt, nhuộm và in bông bằng máy :

CHẤN - Á

12, Bến Vạn Tượng — CHOLON

Điện thoại : 36.359

Sản xuất hàng, lãnh, tơ lụa — Dùng toàn nguyên liệu thượng hạng.